BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TRÚNG TUYỂN VÒNG 2 - KỲ THI TAY NGHỀ NGÀNH SẢN XUẤT CHẾ TẠO, NÔNG NGHIỆP, NGƯ NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP GỐC

(Kèm theo Công văn số 1271/TTLĐNN-TCLĐ ngày 19/11/2026)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1	50201536	PHAM THI HUYNH CHAM	Nữ	19.03.2006	Nông nghiệp	An Giang
2	50201537	PHAN THANH DU	Nam	17.03.1994	Nông nghiệp	An Giang
3	50201538	CAO THI TRUC LY	Nữ	19.02.1999	Nông nghiệp	An Giang
4	50201541	PHAM VAN TUOI	Nam	30.06.2006	Nông nghiệp	An Giang
5	50201542	NGUYEN HUYNH NHU	Nữ	12.04.2007	Nông nghiệp	An Giang
6	50201543	NGUYEN HONG THAM	Nữ	24.08.1996	Nông nghiệp	An Giang
7	50201567	TRAN THI BICH THUY	Nữ	16.08.1992	Nông nghiệp	An Giang
8	50201568	TRAN HONG TIEU BANG	Nữ	22.07.2003	Nông nghiệp	An Giang
9	50201569	PHAM THI KHOA	Nữ	08.04.1990	Nông nghiệp	An Giang
10	50201572	VO THANH LINH	Nam	13.02.1991	Nông nghiệp	An Giang
11	50201573	NGUYEN TRUONG DUNG	Nam	03.08.1996	Nông nghiệp	An Giang
12	50201574	HUYNH HOANG NAM	Nam	08.01.1994	Nông nghiệp	An Giang
13	50201577	DOAN THANH PHUC	Nam	07.04.2003	Nông nghiệp	An Giang
14	50201579	PHAN HOANG DONG	Nam	02.02.2001	Nông nghiệp	An Giang
15	50201580	TRAN THIEN CHAN	Nam	18.12.1999	Nông nghiệp	An Giang
16	50201583	NGUYEN VAN KHUANG	Nam	29.09.1999	Nông nghiệp	An Giang
17	50201584	THAI NGUYEN BAO HOA	Nam	25.04.2005	Nông nghiệp	An Giang
18	50201585	NGUYEN THI HUYEN TRANG	Nữ	22.07.2004	Nông nghiệp	An Giang
19	50201587	NGUYEN ANH TUAN	Nam	30.10.1997	Nông nghiệp	An Giang
20	50312636	TRUONG HOAI HIEN	Nam	12.09.2002	Ngư nghiệp	An Giang
21	50312637	PHAN QUOC KIET	Nam	26.05.2001	Ngư nghiệp	An Giang
22	50826551	NGUYEN NHAT HAO	Nam	15.02.1998	SXCT	An Giang
23	50826552	PHAN DUY ANH	Nam	29.06.2004	SXCT	An Giang
24	50826553	NGUYEN THANH THIEN	Nam	24.07.1994	SXCT	An Giang
25	50826555	NGUYEN HUU NHAN	Nam	03.12.2003	SXCT	An Giang
26	50826556	PHAM THI KIM NGAN	Nữ	20.12.2003	SXCT	An Giang
27	50826557	DOAN MINH TUE	Nam	19.10.2000	SXCT	An Giang
28	50826558	LE VAN DU	Nam	22.03.2005	SXCT	An Giang
29	50826559	NGUYEN VAN NGHI	Nam	15.12.1996	SXCT	An Giang
30	50826561	PHAM THI YEN NHI	Nữ	25.04.2006	SXCT	An Giang
31	50826570	LE NHAT QUANG	Nam	20.09.2001	SXCT	An Giang
32	50826571	NGUYEN QUOC TINH	Nam	17.08.2007	SXCT	An Giang
33	50826572	NGUYEN AN KHANG	Nam	16.10.2001	SXCT	An Giang
34	50826573	PHAM MINH TRUNG	Nam	18.05.2006	SXCT	An Giang
35	50826575	NGUYEN THI KIM HUE	Nữ	31.03.1999	SXCT	An Giang
36	50826576	NGUYEN THI MY LAN	Nữ	05.07.2007	SXCT	An Giang
37	50826580	PHAM THI BAO NGAN	Nữ	22.02.2003	SXCT	An Giang
38	50826584	HUYNH TAN PHAT	Nam	05.05.1994	SXCT	An Giang
39	50826585	LE THI KIM ANH	Nữ	10.04.2007	SXCT	An Giang
40	50826586	THAI HUYEN LINH	Nữ	22.08.2000	SXCT	An Giang
41	50826590	LE TRI THIEN	Nam	17.01.2005	SXCT	An Giang
42	50826591	NGUYEN HUU NGHIA	Nam	19.05.1999	SXCT	An Giang
43	50826594	NGUYEN BICH LIEN	Nữ	02.09.2005	SXCT	An Giang
44	50826595	NGUYEN THI HUYEN THI	Nữ	01.11.1999	SXCT	An Giang
45	50826599	LE TRIEU VY	Nữ	16.06.2004	SXCT	An Giang
46	50826600	CHAU THI NGOC NHI	Nữ	04.09.1993	SXCT	An Giang
47	50826601	NGUYEN THI TRUC LINH	Nữ	30.08.2003	SXCT	An Giang
48	50826602	NGUYEN HOANG PHUC	Nam	21.08.1998	SXCT	An Giang
49	50826603	TRAN THI MAI	Nữ	23.06.2004	SXCT	An Giang
50	50826606	NGUYEN VAN XONG EM	Nam	18.07.2004	SXCT	An Giang
51	50826609	THACH NGOC THUAN	Nam	08.03.2001	SXCT	An Giang

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
52	50826615	TRAN XUAN TRUONG	Nam	16.11.1998	SXCT	An Giang
53	50826618	CAO TRUONG DUC	Nam	25.08.1995	SXCT	An Giang
54	50826622	LE THI CAM HANG	Nữ	25.07.1998	SXCT	An Giang
55	50826623	NGUYEN THI CAM TIEN	Nữ	28.05.2001	SXCT	An Giang
56	50826651	LUU VAN KHANH	Nam	14.04.1992	SXCT	An Giang
57	50826652	HO VAN CA THUM	Nam	18.03.2006	SXCT	An Giang
58	50826654	LE THI MAI	Nữ	02.01.2003	SXCT	An Giang
59	50826655	DOAN THI NGOC NHU	Nữ	04.07.2005	SXCT	An Giang
60	50826658	LUU ANH GIAU	Nam	27.02.2006	SXCT	An Giang
61	50826661	DANH THANH TAI	Nam	05.07.2003	SXCT	An Giang
62	50826664	NGUYEN THI TUYET GIANG	Nữ	25.02.2000	SXCT	An Giang
63	50826666	LE QUANG DUY	Nam	16.07.2006	SXCT	An Giang
64	50826670	PHAM VAN TAI	Nam	27.04.2000	SXCT	An Giang
65	50826671	DANH TU ANH	Nam	01.01.1997	SXCT	An Giang
66	50826673	VO VAN THONG	Nam	06.05.2001	SXCT	An Giang
67	50826675	DAO THI DIEU AI	Nữ	19.01.2001	SXCT	An Giang
68	50826676	VO MINH NHUT	Nam	14.06.2001	SXCT	An Giang
69	50826679	TRAN DUC HUY	Nam	29.07.1993	SXCT	An Giang
70	50826680	PHAN THI DIEM MY	Nữ	03.10.2006	SXCT	An Giang
71	50826681	NGUYEN VU KHANH	Nam	12.10.2000	SXCT	An Giang
72	50826682	NGUYEN THI THUY QUYEN	Nữ	26.02.2008	SXCT	An Giang
73	50826684	PHAN QUOC TINH	Nam	17.09.2002	SXCT	An Giang
74	50826687	NGUYEN NGOC MUOI	Nữ	19.11.1999	SXCT	An Giang
75	50826690	NGUYEN HOA LOC	Nam	25.01.1997	SXCT	An Giang
76	50826691	DUONG THI THUY DUONG	Nữ	03.09.2005	SXCT	An Giang
77	50826693	LUONG THI ANH NHU	Nữ	02.11.2007	SXCT	An Giang
78	50826698	PHUNG CHI THUC	Nam	26.03.1995	SXCT	An Giang
79	50826702	NGUYEN VAN KHA	Nam	15.01.1995	SXCT	An Giang
80	50826704	TRAN VAN HOAI	Nam	21.12.2006	SXCT	An Giang
81	50826707	PHUNG VAN KHOI	Nam	15.02.1998	SXCT	An Giang
82	50826708	PHUNG THUY DUYEN	Nữ	14.12.2007	SXCT	An Giang
83	50826715	NGUYEN NAM THUAN	Nam	07.07.2003	SXCT	An Giang
84	50826718	NGUYEN THI THANH LAN	Nữ	29.05.2000	SXCT	An Giang
85	50826720	PHAM PHONG NHA	Nam	29.10.2005	SXCT	An Giang
86	50826723	VU PHAM THUY LINH	Nữ	26.03.2002	SXCT	An Giang
87	50826724	NGO MINH NHUT	Nam	13.03.2001	SXCT	An Giang
88	50826725	NGUYEN HOANG BAO DUY	Nam	14.10.2000	SXCT	An Giang
89	50826729	PHAM THANH VINH	Nam	18.07.2004	SXCT	An Giang
90	50826740	NGUYEN CONG DANH	Nam	06.10.2001	SXCT	An Giang
91	50826741	LE TA THE	Nam	22.02.2004	SXCT	An Giang
92	50826748	TRAN THI KIM HUE	Nữ	28.10.2000	SXCT	An Giang
93	50826755	LUONG TUNG NHAN	Nam	09.08.2004	SXCT	An Giang
94	50826763	QUACH NAM GIAO	Nam	06.04.2002	SXCT	An Giang
95	50826764	HO TAN HOAI	Nam	19.09.2007	SXCT	An Giang
96	50826766	NGUYEN THI CAM LINH	Nữ	09.07.2000	SXCT	An Giang
97	50826769	NGUYEN XUAN HOA	Nữ	20.09.2000	SXCT	An Giang
98	50826776	NGUYEN HUU DUYEN	Nam	26.09.1999	SXCT	An Giang
99	50826781	NGUYEN NGOC HUYEN	Nữ	19.04.2002	SXCT	An Giang
100	50826788	LY THI CHUC LAM	Nữ	25.02.2002	SXCT	An Giang
101	51010001	NGUYEN HOANG MY	Nam	17.09.2000	Công nghiệp gốc	An Giang
102	51210003	NGUYEN QUOC THAI	Nam	02.01.2007	Công nghiệp gốc	An Giang
103	50200002	DIEP VAN HAU	Nam	02.07.2007	Nông nghiệp	Bắc Ninh
104	50200004	NGUYEN VIET HA	Nam	30.11.1987	Nông nghiệp	Bắc Ninh
105	50200006	LEO THI MAI	Nữ	13.04.1989	Nông nghiệp	Bắc Ninh
106	50800003	NGUYEN THI HANH	Nữ	01.11.1994	SXCT	Bắc Ninh
107	50800005	DAO DUC THINH	Nam	03.10.1995	SXCT	Bắc Ninh
108	50800007	NGUYEN THI PHUONG	Nữ	30.09.2006	SXCT	Bắc Ninh

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
109	50800009	NGUYEN BAO SON	Nam	23.04.2002	SXCT	Bắc Ninh
110	50800011	NGO VAN NHAT	Nam	20.02.2004	SXCT	Bắc Ninh
111	50800013	PHUNG THE DOANH	Nam	25.08.2001	SXCT	Bắc Ninh
112	50800014	TRAN THI LY	Nữ	25.09.2006	SXCT	Bắc Ninh
113	50800015	GIAP THI NHUNG	Nữ	17.02.2000	SXCT	Bắc Ninh
114	50800017	DUONG GIA MINH	Nam	13.12.2004	SXCT	Bắc Ninh
115	50800018	NGUYEN DUC ANH	Nam	19.06.2003	SXCT	Bắc Ninh
116	50800019	TRAN THI HANG	Nữ	08.09.1996	SXCT	Bắc Ninh
117	50800022	NGUYEN THI HUONG	Nữ	29.04.2004	SXCT	Bắc Ninh
118	50800024	PHAM THI PHUONG	Nữ	10.07.1997	SXCT	Bắc Ninh
119	50800030	MA THI MAI	Nữ	15.08.2007	SXCT	Bắc Ninh
120	50800031	HOANG THI KHANH LY	Nữ	08.06.2001	SXCT	Bắc Ninh
121	50800032	NGUYEN VAN KHAI	Nam	11.11.2001	SXCT	Bắc Ninh
122	50800033	GIAP VAN THANH	Nam	20.01.2005	SXCT	Bắc Ninh
123	50800034	VU THI HOA	Nữ	07.03.1993	SXCT	Bắc Ninh
124	50800035	NGUYEN LAN ANH	Nữ	04.11.2005	SXCT	Bắc Ninh
125	50800043	NGUYEN HUY HOANG	Nam	13.10.2005	SXCT	Bắc Ninh
126	50800052	NGUYEN VAN HAU	Nam	27.09.2003	SXCT	Bắc Ninh
127	50800053	HOANG VAN KIEN	Nam	08.11.2001	SXCT	Bắc Ninh
128	50800060	HOANG DANH TU	Nam	24.02.2006	SXCT	Bắc Ninh
129	50800062	NGUYEN THI MO	Nữ	04.01.1990	SXCT	Bắc Ninh
130	50800073	GIAP HONG UOC	Nam	06.09.2001	SXCT	Bắc Ninh
131	50800074	LUU THI TUYEN	Nữ	15.09.1992	SXCT	Bắc Ninh
132	50800076	NGUYEN NGOC SON	Nam	13.09.2006	SXCT	Bắc Ninh
133	50800082	NGUYEN VAN SANG	Nam	10.10.1993	SXCT	Bắc Ninh
134	50800083	NGUYEN THI HUONG	Nữ	10.10.1996	SXCT	Bắc Ninh
135	50800090	VI VAN DOAN	Nam	01.07.1994	SXCT	Bắc Ninh
136	50800091	VU VAN AN	Nam	13.12.2006	SXCT	Bắc Ninh
137	50800092	NGUYEN VAN HOANG	Nam	03.04.2007	SXCT	Bắc Ninh
138	50800096	GIAP THI HUE	Nữ	08.05.1991	SXCT	Bắc Ninh
139	50800101	NGUYEN THI TRA MY	Nữ	05.08.2002	SXCT	Bắc Ninh
140	50800102	MAI QUOC TRIEU	Nam	03.08.2007	SXCT	Bắc Ninh
141	50800103	DONG THI HUE	Nữ	12.01.1996	SXCT	Bắc Ninh
142	50800104	NGOC VAN DUC	Nam	19.08.1991	SXCT	Bắc Ninh
143	50800109	NGUYEN VAN KHOI	Nam	10.01.2005	SXCT	Bắc Ninh
144	50800111	PHAM VAN DAI	Nam	20.04.2000	SXCT	Bắc Ninh
145	50800116	TRAN VAN HIEP	Nam	05.08.1999	SXCT	Bắc Ninh
146	50800118	NGUYEN CHI THOI	Nam	28.09.1993	SXCT	Bắc Ninh
147	50800124	TRAN THI CHAM	Nữ	28.03.1994	SXCT	Bắc Ninh
148	50800126	TRAN QUOC TOAN	Nam	03.11.2005	SXCT	Bắc Ninh
149	50800128	NGUYEN VIET VUONG	Nam	21.11.2003	SXCT	Bắc Ninh
150	50800130	NGUYEN THU PHUONG	Nữ	17.03.2002	SXCT	Bắc Ninh
151	50800134	KIM VAN PHU	Nam	24.09.2003	SXCT	Bắc Ninh
152	50800136	HOANG VAN LANG	Nam	10.09.1996	SXCT	Bắc Ninh
153	50800137	TRINH HUU HONG	Nam	21.12.2005	SXCT	Bắc Ninh
154	50800139	LUONG XUAN DUY	Nam	15.02.2005	SXCT	Bắc Ninh
155	50800147	NGUYEN THI VIEN	Nữ	20.05.1995	SXCT	Bắc Ninh
156	50800150	PHUONG VAN TIEN	Nam	25.09.2001	SXCT	Bắc Ninh
157	50800152	HOANG THI THUY LINH	Nữ	13.12.2007	SXCT	Bắc Ninh
158	50800154	VI VAN THANH	Nam	01.12.1997	SXCT	Bắc Ninh
159	50800166	VU DINH DUY	Nam	21.02.2001	SXCT	Bắc Ninh
160	50800169	THAN THI KIM OANH	Nữ	19.05.2006	SXCT	Bắc Ninh
161	50800171	LUC VAN TUAN	Nam	15.02.2004	SXCT	Bắc Ninh
162	50800187	GIAP THI PHUONG UYEN	Nữ	06.09.2006	SXCT	Bắc Ninh
163	50800190	NGUYEN VAN HA	Nam	23.11.1998	SXCT	Bắc Ninh
164	50800191	NGUYEN NGOC LUAN	Nam	03.09.2000	SXCT	Bắc Ninh
165	50800197	NGUYEN VAN QUYET	Nam	13.06.2004	SXCT	Bắc Ninh

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
166	50800206	LY VAN MINH CUONG	Nam	13.05.1997	SXCT	Bắc Ninh
167	50800207	TRUONG QUOC DAT	Nam	09.01.2006	SXCT	Bắc Ninh
168	50800210	NGUYEN VAN TRIEU	Nam	01.10.2004	SXCT	Bắc Ninh
169	50800215	TRINH THI PHUONG	Nữ	21.08.1994	SXCT	Bắc Ninh
170	50800225	DO VAN TOAN	Nam	08.11.2003	SXCT	Bắc Ninh
171	50800228	LE VAN LOI	Nam	27.07.1996	SXCT	Bắc Ninh
172	50800235	TRAN VAN PHUC	Nam	19.03.2006	SXCT	Bắc Ninh
173	50800238	GIAP VAN CHINH	Nam	03.09.1999	SXCT	Bắc Ninh
174	50800239	NGUYEN THI BANG	Nữ	01.05.1996	SXCT	Bắc Ninh
175	50800801	LA THI TRANG	Nữ	01.01.1996	SXCT	Bắc Ninh
176	50800802	AN THI MEN	Nữ	26.02.1992	SXCT	Bắc Ninh
177	50800809	LE BA DOAI	Nam	20.08.2005	SXCT	Bắc Ninh
178	50800814	DUONG THI NGOAN	Nữ	10.10.2000	SXCT	Bắc Ninh
179	50800816	NGUYEN VAN CUONG	Nam	16.12.2003	SXCT	Bắc Ninh
180	50800817	NGUYEN VAN NAM	Nam	24.11.2006	SXCT	Bắc Ninh
181	50800821	NGUYEN VAN HUYNH	Nam	11.11.2004	SXCT	Bắc Ninh
182	50800823	NGUYEN THI LINH	Nữ	24.02.2000	SXCT	Bắc Ninh
183	50800824	DAO THI NHUNG	Nữ	01.03.1998	SXCT	Bắc Ninh
184	50800827	NGUYEN HOANG SAN	Nam	20.03.1999	SXCT	Bắc Ninh
185	50800832	NGUYEN VAN PHONG	Nam	21.12.2006	SXCT	Bắc Ninh
186	50800834	NGUYEN MANH TUAN	Nam	27.10.2003	SXCT	Bắc Ninh
187	50800844	NGUYEN VAN MIN	Nam	17.08.1990	SXCT	Bắc Ninh
188	50800846	NGUYEN HOANG DUNG	Nam	03.03.2007	SXCT	Bắc Ninh
189	50800852	NGUYEN SY LUC	Nam	16.03.1991	SXCT	Bắc Ninh
190	50800860	NGUYEN HUU SON	Nam	10.03.1991	SXCT	Bắc Ninh
191	51010002	TRAN DUC DONG	Nam	13.07.1989	Công nghiệp gốc	Bắc Ninh
192	51210004	NGUYEN VAN THAI	Nam	02.01.1993	Công nghiệp gốc	Bắc Ninh
193	51210005	NGUYEN VAN HIEU	Nam	06.06.1989	Công nghiệp gốc	Bắc Ninh
194	51210006	NGUYEN VAN HAO	Nam	21.06.2001	Công nghiệp gốc	Bắc Ninh
195	51210007	DUONG VAN HUNG	Nam	28.08.1995	Công nghiệp gốc	Bắc Ninh
196	51210008	NGUYEN THI TUYEN	Nữ	08.09.1992	Công nghiệp gốc	Bắc Ninh
197	51310001	NGUYEN VAN DUONG	Nam	02.03.2003	Công nghiệp gốc	Bắc Ninh
198	50201606	LE THI VAN ANH	Nữ	10.01.1994	Nông nghiệp	Cà Mau
199	50201607	LE THUY DUY	Nữ	09.05.2005	Nông nghiệp	Cà Mau
200	50201636	LE HOT XOAN	Nam	03.07.1992	Nông nghiệp	Cà Mau
201	50201637	NGUYEN THI BICH TUYEN	Nữ	15.06.2003	Nông nghiệp	Cà Mau
202	50201638	VO TRUONG VU	Nam	17.09.1998	Nông nghiệp	Cà Mau
203	50201639	NGUYEN TUAN KHANG	Nam	05.03.2007	Nông nghiệp	Cà Mau
204	50201640	TRAN THI THAO	Nữ	27.07.2003	Nông nghiệp	Cà Mau
205	50201641	VO KIM NGO	Nữ	01.10.1998	Nông nghiệp	Cà Mau
206	50201643	NGUYEN HONG NGHI	Nữ	21.12.1998	Nông nghiệp	Cà Mau
207	50201646	NGUYEN QUOC TIEN	Nam	26.11.2007	Nông nghiệp	Cà Mau
208	50312656	QUACH THI BE DIEU	Nữ	26.07.2001	Ngư nghiệp	Cà Mau
209	50312661	TRUONG THE HAO	Nam	25.07.1995	Ngư nghiệp	Cà Mau
210	50312662	NGUYEN TRUNG TRUC	Nam	08.02.2002	Ngư nghiệp	Cà Mau
211	50826852	LE VAN THUC	Nam	27.02.2006	SXCT	Cà Mau
212	50826856	NGUYEN NHU Y	Nữ	01.12.2000	SXCT	Cà Mau
213	50826860	PHAM THI CAM LOAN	Nữ	14.11.2000	SXCT	Cà Mau
214	50826862	PHAN THI QUYNH NHU	Nữ	23.11.1998	SXCT	Cà Mau
215	50826865	LE KIM YEN	Nữ	21.09.2001	SXCT	Cà Mau
216	50826869	VO CHI DAM	Nam	19.09.2001	SXCT	Cà Mau
217	50826870	NGUYEN HO BICH NHU	Nữ	10.09.2003	SXCT	Cà Mau
218	50826875	SON MINH THUAN	Nam	26.09.2001	SXCT	Cà Mau
219	50826876	HA THI THUY DUONG	Nữ	26.11.1999	SXCT	Cà Mau
220	50826877	NGUYEN LO QUYNH ANH	Nữ	04.04.2005	SXCT	Cà Mau
221	50826887	PHAN CHI NGUYEN	Nam	16.11.2006	SXCT	Cà Mau
222	50826888	PHAN TU DUYEN	Nữ	17.11.1996	SXCT	Cà Mau

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
223	50826892	QUACH DIEU MY	Nữ	02.11.1999	SXCT	Cà Mau
224	50826951	DANG VU LINH	Nam	01.07.1997	SXCT	Cà Mau
225	50826953	TRAN THI THU HOAI	Nữ	01.11.2003	SXCT	Cà Mau
226	50826954	NGUYEN VAN HUY	Nam	02.01.2001	SXCT	Cà Mau
227	50826955	NGUYEN TRONG NHAN	Nam	12.03.2003	SXCT	Cà Mau
228	50826957	HUYNH NHU QUYNH	Nữ	11.08.2000	SXCT	Cà Mau
229	50826958	TIEU THI NGOC HAN	Nữ	01.12.2006	SXCT	Cà Mau
230	50826960	NGUYEN DANG TRUONG	Nam	08.03.1998	SXCT	Cà Mau
231	50826961	LE HOT XOAN	Nam	03.07.1992	SXCT	Cà Mau
232	50826965	NGUYEN THI YEN LINH	Nữ	23.03.1999	SXCT	Cà Mau
233	50826968	LU TU NHU	Nữ	15.10.2004	SXCT	Cà Mau
234	50826971	HUYNH KIEN NHAN	Nam	30.08.2004	SXCT	Cà Mau
235	50826976	HUYNH NGOC NGHIA	Nữ	19.02.1992	SXCT	Cà Mau
236	50826977	VO VIET DUY	Nam	01.01.2005	SXCT	Cà Mau
237	50826983	TRAN THI HIEN	Nữ	16.09.2007	SXCT	Cà Mau
238	50826985	TRUONG VU NGUYEN	Nam	08.07.2006	SXCT	Cà Mau
239	50826987	NGUYEN NHU QUYNH	Nữ	15.12.2001	SXCT	Cà Mau
240	50826992	TRAN DUY KHANG	Nam	28.01.2005	SXCT	Cà Mau
241	50826993	NGUYEN DANG KHOA	Nam	19.04.2000	SXCT	Cà Mau
242	50826996	TRAN TRUNG THE	Nam	03.04.2004	SXCT	Cà Mau
243	50826997	NGO TUONG DUY	Nam	27.04.2006	SXCT	Cà Mau
244	50826998	NGUYEN THI NHUNG	Nữ	07.12.1996	SXCT	Cà Mau
245	50827000	BUI TUYET NGHI	Nữ	01.06.2004	SXCT	Cà Mau
246	50827003	NGUYEN THIEN MINH	Nam	21.10.1998	SXCT	Cà Mau
247	50827005	PHAN NGOC CHAM	Nữ	25.02.2005	SXCT	Cà Mau
248	50827006	NGUYEN TRONG KHANG	Nam	04.09.2007	SXCT	Cà Mau
249	50827008	DO THUY QUYEN	Nữ	03.03.2002	SXCT	Cà Mau
250	50827009	DO THUY LINH	Nữ	02.12.1999	SXCT	Cà Mau
251	50827011	CAO CHI THIEN	Nam	13.10.2007	SXCT	Cà Mau
252	50827018	PHAN NGO THU BO	Nữ	05.06.2003	SXCT	Cà Mau
253	50827020	BUI QUOC VINH	Nam	10.12.2002	SXCT	Cà Mau
254	50827021	VO VAN KHANG	Nam	24.11.2002	SXCT	Cà Mau
255	50827027	HUYNH MINH VUONG	Nam	27.07.2002	SXCT	Cà Mau
256	50827029	CAO THI Y	Nữ	01.01.1991	SXCT	Cà Mau
257	50827043	TRAN KHANH NGOC	Nữ	24.09.2007	SXCT	Cà Mau
258	51210009	LE TRONG HUU	Nam	27.12.1995	Công nghiệp gốc	Cà Mau
259	50200113	MA NGOC HIEN	Nam	09.10.2001	Nông nghiệp	Cao Bằng
260	50200116	NONG MONG HOAN	Nam	04.05.2004	Nông nghiệp	Cao Bằng
261	50801201	AU XUAN MAC	Nam	13.01.1997	SXCT	Cao Bằng
262	50801202	NGO VAN THO	Nam	20.05.1995	SXCT	Cao Bằng
263	50801204	LY THI THU HANG	Nữ	15.03.2004	SXCT	Cao Bằng
264	50801205	HUA THI THU HUE	Nữ	27.11.2004	SXCT	Cao Bằng
265	50801208	LUC VAN CHUYEN	Nam	29.08.1997	SXCT	Cao Bằng
266	50801211	HUA THI CON	Nữ	08.11.2004	SXCT	Cao Bằng
267	50801212	HOANG VAN THU	Nam	03.09.2004	SXCT	Cao Bằng
268	50801215	NONG VAN VY	Nam	10.10.1994	SXCT	Cao Bằng
269	50801216	HOANG CONG NGHIEP	Nam	04.10.2005	SXCT	Cao Bằng
270	50201666	NGUYEN THI NU THAO	Nữ	10.08.1995	Nông nghiệp	Đắk Lắk
271	50201668	PHAM XUAN NGUYEN	Nam	05.11.1998	Nông nghiệp	Đắk Lắk
272	50201670	VU DINH THO	Nam	04.06.1994	Nông nghiệp	Đắk Lắk
273	50201671	NGUYEN DINH DUC	Nam	04.10.1998	Nông nghiệp	Đắk Lắk
274	50201672	MAI THI ANH	Nữ	15.12.2002	Nông nghiệp	Đắk Lắk
275	50312606	NGUYEN KIM ANH	Nữ	14.01.2001	Ngư nghiệp	Đắk Lắk
276	50825851	TRAN VAN HUNG	Nam	22.07.2004	SXCT	Đắk Lắk
277	50825852	PHUNG VAN DOANH	Nam	09.03.2003	SXCT	Đắk Lắk
278	50825853	TRAN LAM NHAT TU	Nam	17.11.2005	SXCT	Đắk Lắk
279	50825854	NGUYEN DUY ANH TU	Nam	13.10.1995	SXCT	Đắk Lắk

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
280	50825855	NGUYEN HONG VI	Nam	17.09.1999	SXCT	Đắk Lắk
281	50825857	LE THI KIM TIEN	Nữ	03.07.1993	SXCT	Đắk Lắk
282	50825860	PHAM MANH DUY THANH	Nam	24.03.2001	SXCT	Đắk Lắk
283	50825871	HUYNH THI MY	Nữ	28.04.1998	SXCT	Đắk Lắk
284	50825872	GUYEN DANG KHANH NGUYE	Nữ	23.05.2005	SXCT	Đắk Lắk
285	50827081	TRAN THI NGOC PHUONG	Nữ	11.11.1996	SXCT	Đắk Lắk
286	50827082	LE THI LINH	Nữ	01.11.1999	SXCT	Đắk Lắk
287	50827083	NGUYEN THI THANH HUYEN	Nữ	12.12.1993	SXCT	Đắk Lắk
288	50827084	NGUYEN VIET LAM	Nam	16.12.2003	SXCT	Đắk Lắk
289	50827086	PHAM HUU TRUNG	Nam	14.11.2006	SXCT	Đắk Lắk
290	50827088	PHAM THI HUYEN	Nữ	14.04.1992	SXCT	Đắk Lắk
291	50827089	NGUYEN HUU THANG	Nam	10.08.2000	SXCT	Đắk Lắk
292	50827091	TRAN VAN HIEU	Nam	20.05.2005	SXCT	Đắk Lắk
293	50827092	NGUYEN HOANG KHANH LY	Nữ	08.10.2007	SXCT	Đắk Lắk
294	50827093	PHAM KHANH HUYEN	Nữ	21.07.2007	SXCT	Đắk Lắk
295	50827094	DUONG CONG TINH	Nam	24.06.2004	SXCT	Đắk Lắk
296	50827095	LE NGOC PHUC	Nam	11.01.2002	SXCT	Đắk Lắk
297	50827096	NGUYEN THI HOANG MAI	Nữ	01.10.2006	SXCT	Đắk Lắk
298	50827097	PHAM THI THUONG	Nữ	23.05.1999	SXCT	Đắk Lắk
299	50827098	NGUYEN THI THAO UYEN	Nữ	08.02.2007	SXCT	Đắk Lắk
300	50827099	NGUYEN THI MAI THAO	Nữ	28.10.2006	SXCT	Đắk Lắk
301	50827100	PHAM THIEN TRI	Nam	03.01.2007	SXCT	Đắk Lắk
302	50827101	NGUYEN THI THANH VAN	Nữ	29.09.2005	SXCT	Đắk Lắk
303	50827103	NGUYEN HUU THI	Nam	22.10.2000	SXCT	Đắk Lắk
304	50827105	LUU HOANG TRUNG HIEU	Nam	14.12.2004	SXCT	Đắk Lắk
305	50827106	TRAN VAN THUY	Nam	06.04.1997	SXCT	Đắk Lắk
306	50827107	TANG VAN THANH	Nam	12.03.2006	SXCT	Đắk Lắk
307	50827110	TRAN BUI TRANG	Nam	25.02.2005	SXCT	Đắk Lắk
308	50827111	HUA THI THU HAU	Nữ	29.05.1999	SXCT	Đắk Lắk
309	50827112	PHAN THI THANH MAI	Nữ	12.01.2003	SXCT	Đắk Lắk
310	50827114	NGUYEN THI THUY TIEN	Nữ	11.05.2006	SXCT	Đắk Lắk
311	50827117	HOANG THI KHANH LY	Nữ	29.11.2006	SXCT	Đắk Lắk
312	50827119	LE QUYNH ANH	Nữ	23.10.2007	SXCT	Đắk Lắk
313	50827120	PHAM THI TUYET TRINH	Nữ	02.08.2007	SXCT	Đắk Lắk
314	50827121	LE TUAN ANH	Nam	10.02.2003	SXCT	Đắk Lắk
315	50827126	NGUYEN TUAN ANH	Nam	03.08.2007	SXCT	Đắk Lắk
316	50827129	HOANG LE PHAT	Nam	19.01.2002	SXCT	Đắk Lắk
317	50827133	NGUYEN PHUONG TRINH	Nữ	21.09.2004	SXCT	Đắk Lắk
318	50827134	LE BA KET	Nam	06.07.2002	SXCT	Đắk Lắk
319	50827135	NGO QUOC CHUNG	Nam	20.12.2007	SXCT	Đắk Lắk
320	50827136	NGO THUA AN	Nam	10.05.2007	SXCT	Đắk Lắk
321	50827137	TRAN THI THUONG	Nữ	01.09.2002	SXCT	Đắk Lắk
322	50827138	NGUYEN THI TUONG VI	Nữ	05.02.2007	SXCT	Đắk Lắk
323	50827143	HO NGOC THAO	Nam	05.03.2007	SXCT	Đắk Lắk
324	50827144	NGUYEN DUC BINH	Nam	19.05.2006	SXCT	Đắk Lắk
325	50827147	PHAN XUAN VUONG	Nam	25.02.2002	SXCT	Đắk Lắk
326	50827154	HOANG VAN CHIEN	Nam	23.09.2006	SXCT	Đắk Lắk
327	50827157	NGUYEN MINH SAN	Nam	17.01.2007	SXCT	Đắk Lắk
328	50827158	MAI DUONG HOANG GIA	Nam	20.07.2007	SXCT	Đắk Lắk
329	50827159	DANG THE DUNG	Nam	01.01.2005	SXCT	Đắk Lắk
330	50827161	LE ANH QUAN	Nam	28.06.2006	SXCT	Đắk Lắk
331	50827162	NGUYEN HONG TOAN	Nam	13.04.2005	SXCT	Đắk Lắk
332	50827166	TRAN THI THU THAO	Nữ	02.10.2002	SXCT	Đắk Lắk
333	50827168	NGUYEN HOANG DUC NHAT	Nam	13.10.2006	SXCT	Đắk Lắk
334	50827174	HOANG THI THAO NGUYEN	Nữ	04.06.2003	SXCT	Đắk Lắk
335	50827176	HOANG ANH THANH TIEN	Nam	06.11.2001	SXCT	Đắk Lắk
336	50827178	NGUYEN KHUONG PHONG	Nam	19.12.1998	SXCT	Đắk Lắk

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
337	50827188	NGUYEN THI ANH NGUYET	Nữ	20.08.2000	SXCT	Đắk Lắk
338	50827189	LE VU TRUONG	Nam	04.06.2006	SXCT	Đắk Lắk
339	50827193	MACH DUY TAN	Nam	22.05.2005	SXCT	Đắk Lắk
340	50827197	PHAM QUOC TOAN	Nam	18.04.2005	SXCT	Đắk Lắk
341	50827200	CAO VAN MANH	Nam	27.10.2004	SXCT	Đắk Lắk
342	51010004	NGAN BA VIET	Nam	14.06.1997	Công nghiệp gốc	Đắk Lắk
343	51210010	NGUYEN VIET NHAT	Nam	30.04.1990	Công nghiệp gốc	Đắk Lắk
344	50801304	LO THI DIEP	Nữ	10.03.2007	SXCT	Điện Biên
345	50801305	VI THI DUONG	Nữ	02.06.2000	SXCT	Điện Biên
346	50801307	LO THI NHU	Nữ	21.09.2007	SXCT	Điện Biên
347	50801308	MUA A CHIA	Nam	28.12.2002	SXCT	Điện Biên
348	50801311	CA VAN TUNG	Nam	02.06.1993	SXCT	Điện Biên
349	50801315	BUI VIET TRONG	Nam	28.08.2005	SXCT	Điện Biên
350	50801316	HOANG ANH DUC	Nam	10.10.2003	SXCT	Điện Biên
351	50201696	LUONG NGOC PHUONG DUNG	Nữ	05.08.2002	Nông nghiệp	Đồng Nai
352	50827411	NGUYEN THI TRA MY	Nữ	01.02.2006	SXCT	Đồng Nai
353	50827427	NGUYEN DINH PHONG	Nam	19.08.2000	SXCT	Đồng Nai
354	50827428	PHAM TUAN THANH	Nam	13.03.1998	SXCT	Đồng Nai
355	50827429	TRINH HOANG VINH	Nam	13.12.2000	SXCT	Đồng Nai
356	50827431	DANG CONG VIET	Nam	27.11.2005	SXCT	Đồng Nai
357	50827432	PHAM THANH SANG	Nam	04.11.2002	SXCT	Đồng Nai
358	50827492	TRINH QUOC BINH	Nữ	14.03.2004	SXCT	Đồng Nai
359	50827494	TRINH DANG NGUYEN	Nam	11.05.1994	SXCT	Đồng Nai
360	50827497	NGUYEN XUAN HOAN	Nam	12.11.2000	SXCT	Đồng Nai
361	50827499	TRAN VAN VU	Nam	14.08.2004	SXCT	Đồng Nai
362	50827500	TRUONG THI THU THUAN	Nữ	05.03.1997	SXCT	Đồng Nai
363	50827501	NGUYEN CONG DAT	Nam	24.08.2007	SXCT	Đồng Nai
364	50827502	LE PHUONG THAO	Nữ	10.06.2004	SXCT	Đồng Nai
365	50827503	VO THI THU HA	Nữ	15.06.1995	SXCT	Đồng Nai
366	50827504	LE THI THU HUONG	Nữ	26.10.2003	SXCT	Đồng Nai
367	50827510	LE THI BICH HANH	Nữ	29.08.1992	SXCT	Đồng Nai
368	50827513	HUYNH THI LINH PHUONG	Nữ	22.02.1997	SXCT	Đồng Nai
369	50827514	NGUYEN VAN THONG	Nam	06.01.2001	SXCT	Đồng Nai
370	50827516	NGUYEN SY QUYEN	Nam	31.08.2007	SXCT	Đồng Nai
371	50827522	NGO BACH XUYEN	Nam	26.09.2000	SXCT	Đồng Nai
372	50827527	THAI HOANG VU	Nam	10.09.2001	SXCT	Đồng Nai
373	50827530	NGUYEN VAN LINH	Nam	17.11.2004	SXCT	Đồng Nai
374	50827531	PHAM HAI LONG	Nam	17.10.2005	SXCT	Đồng Nai
375	50827536	NGUYEN VAN DUNG	Nam	15.10.1992	SXCT	Đồng Nai
376	50827538	NGUYEN HAI NAM	Nam	08.01.1993	SXCT	Đồng Nai
377	50827541	NGUYEN QUANG HUY	Nam	07.04.2004	SXCT	Đồng Nai
378	50827542	PHUNG THI NGOC MAI	Nữ	17.07.2000	SXCT	Đồng Nai
379	50827546	LUONG TAN HUNG	Nam	30.04.1993	SXCT	Đồng Nai
380	50827548	TRAN VU THANH TRUNG	Nam	09.03.2005	SXCT	Đồng Nai
381	50827553	NGUYEN THI NGOC TRINH	Nữ	31.12.2000	SXCT	Đồng Nai
382	50827554	NONG THI THANH TAM	Nữ	15.10.1994	SXCT	Đồng Nai
383	50827563	NGUYEN THI HIEN	Nữ	22.11.1995	SXCT	Đồng Nai
384	50827564	NGUYEN LE HA MY	Nữ	13.05.2005	SXCT	Đồng Nai
385	50827565	TRAN THI KHANH VAN	Nữ	21.08.1993	SXCT	Đồng Nai
386	50827573	VU NGOC MINH HUYEN	Nữ	09.12.2007	SXCT	Đồng Nai
387	50827574	TRAN DUY THINH	Nam	31.12.2002	SXCT	Đồng Nai
388	50827576	DANG NGOC BAO QUOC	Nam	09.09.2006	SXCT	Đồng Nai
389	50827579	NGUYEN THI PHUONG LAM	Nữ	16.06.1998	SXCT	Đồng Nai
390	50827581	TRAN THI THU HUONG	Nữ	13.01.1999	SXCT	Đồng Nai
391	50827585	PHAM VAN NHAT	Nam	09.10.1998	SXCT	Đồng Nai
392	50827592	HOANG TRUNG DUNG	Nam	04.08.1999	SXCT	Đồng Nai
393	50827595	VO THI THUY TRINH	Nữ	03.05.1996	SXCT	Đồng Nai

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
394	50827598	PHAM VAN CUONG	Nam	05.09.1999	SXCT	Đồng Nai
395	50827600	LE THI THANH PHUONG	Nữ	29.05.1999	SXCT	Đồng Nai
396	50827602	DANG NGUYEN AN	Nam	17.12.1997	SXCT	Đồng Nai
397	50827619	TRAN NHA CHI	Nữ	21.10.1997	SXCT	Đồng Nai
398	51010005	NGUYEN HONG SON	Nam	26.04.1995	Công nghiệp gốc	Đồng Nai
399	51010006	PHAM VAN LAP	Nam	11.07.2000	Công nghiệp gốc	Đồng Nai
400	51210011	PHAN VAN DUNG	Nam	24.09.1988	Công nghiệp gốc	Đồng Nai
401	51210013	LE QUOC NAM	Nam	02.07.2003	Công nghiệp gốc	Đồng Nai
402	51210014	BUI DUC LUONG	Nam	13.01.1998	Công nghiệp gốc	Đồng Nai
403	51210015	PHAN THI BICH THUY	Nữ	14.01.2001	Công nghiệp gốc	Đồng Nai
404	50201707	TRAN THI THU THUY	Nữ	10.12.2006	Nông nghiệp	Đồng Tháp
405	50201708	LE HUU KHANH	Nam	11.10.2003	Nông nghiệp	Đồng Tháp
406	50201709	NGUYEN PHAM TAN	Nam	29.04.1996	Nông nghiệp	Đồng Tháp
407	50827695	HO THI MY LIEN	Nữ	19.08.1995	SXCT	Đồng Tháp
408	50827696	HUYNH HAO NAM	Nam	12.12.2004	SXCT	Đồng Tháp
409	50827697	NGUYEN THANH KIET	Nam	15.09.2003	SXCT	Đồng Tháp
410	50827699	LE TRONG PHUC	Nam	02.02.2002	SXCT	Đồng Tháp
411	50827701	NGUYEN THI CAM NGHI	Nữ	13.10.2007	SXCT	Đồng Tháp
412	50827702	NGUYEN MINH LOI	Nam	02.06.1997	SXCT	Đồng Tháp
413	50827704	CHAU HONG PHU	Nam	16.07.2001	SXCT	Đồng Tháp
414	50827705	LE THI TIEN	Nữ	13.09.1999	SXCT	Đồng Tháp
415	50827706	TRUONG THI THUY DUY	Nữ	24.01.2007	SXCT	Đồng Tháp
416	50827707	LE NHAT PHI	Nam	24.04.2004	SXCT	Đồng Tháp
417	50827709	CHAU HONG PHO	Nam	18.07.2004	SXCT	Đồng Tháp
418	50827712	NGUYEN VAN KIEN	Nam	27.08.1998	SXCT	Đồng Tháp
419	50827713	PHAM HONG THANG	Nam	08.03.2000	SXCT	Đồng Tháp
420	50827714	LE NGUYEN QUOC HUNG	Nam	11.08.2004	SXCT	Đồng Tháp
421	50827721	HO THI DIEM MY	Nữ	10.10.2000	SXCT	Đồng Tháp
422	50827724	HUYNH THI THAO NGAN	Nữ	13.04.2006	SXCT	Đồng Tháp
423	50827725	HO THI DAN EM	Nữ	15.05.1995	SXCT	Đồng Tháp
424	50827726	PHAN THI GIA NHU	Nữ	24.08.1998	SXCT	Đồng Tháp
425	50827728	TRAN THI NGOC DIEP	Nữ	29.05.1996	SXCT	Đồng Tháp
426	50827729	LE TAN PHAT	Nam	21.07.2005	SXCT	Đồng Tháp
427	50827731	DOAN VAN GIAU	Nam	24.04.2006	SXCT	Đồng Tháp
428	50827732	DO THI THANH MO	Nữ	30.05.2007	SXCT	Đồng Tháp
429	50827733	NGUYEN TRONG PHUC	Nam	07.03.2006	SXCT	Đồng Tháp
430	50827734	NGO THI TRUC LINH	Nữ	17.05.2007	SXCT	Đồng Tháp
431	50827736	NGUYEN TAN DAT	Nam	14.03.2007	SXCT	Đồng Tháp
432	50827737	VO ANH KIET	Nam	20.06.2002	SXCT	Đồng Tháp
433	50827743	NGUYEN VAN TAN LOI	Nam	12.07.1996	SXCT	Đồng Tháp
434	50827744	NGUYEN PHUONG DUY	Nữ	19.09.2005	SXCT	Đồng Tháp
435	50827745	LE THI HONG GAM	Nữ	09.03.2008	SXCT	Đồng Tháp
436	50827748	PHAM VAN KHAI	Nam	11.08.2004	SXCT	Đồng Tháp
437	50827751	NGO THI NGOC GIAU	Nữ	22.04.2006	SXCT	Đồng Tháp
438	50827757	LAM NHAT PHUONG	Nữ	28.08.2005	SXCT	Đồng Tháp
439	50827758	LE VINH TUONG	Nam	11.08.1997	SXCT	Đồng Tháp
440	50827759	NGUYEN GIA HUY	Nam	15.01.2006	SXCT	Đồng Tháp
441	50827842	NGUYEN VAN KHANH	Nam	05.07.1999	SXCT	Đồng Tháp
442	50827846	NGUYEN HUYNH ANH	Nam	24.12.2003	SXCT	Đồng Tháp
443	50827851	NGUYEN TRONG NAM	Nam	12.06.1999	SXCT	Đồng Tháp
444	50827852	NGO HA GIA QUYEN	Nữ	04.05.2001	SXCT	Đồng Tháp
445	50827858	CAO DUY TRUNG	Nam	20.07.1999	SXCT	Đồng Tháp
446	50201507	NGUYEN VAN QUAN	Nam	19.01.1997	Nông nghiệp	Gia Lai
447	50312546	NGUYEN HUU THONG	Nam	20.11.1994	Ngư nghiệp	Gia Lai
448	50312547	TRAN CHI DAI	Nam	03.12.2004	Ngư nghiệp	Gia Lai
449	50312549	TRUONG VAN KY	Nam	20.11.1995	Ngư nghiệp	Gia Lai
450	50825502	VO NGOC LOI	Nam	15.07.1998	SXCT	Gia Lai

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
451	50825503	VO MINH KHUONG	Nam	21.02.1998	SXCT	Gia Lai
452	50825504	NGUYEN HOAI NAM	Nam	20.06.2000	SXCT	Gia Lai
453	50825508	LE HIEN DIEU	Nữ	02.03.2002	SXCT	Gia Lai
454	50825510	NGUYEN SINH NHAT	Nam	27.05.1994	SXCT	Gia Lai
455	50825511	TRAN HUYNH DOAN	Nữ	10.04.1999	SXCT	Gia Lai
456	50825517	DANG THI TUYET NGAN	Nữ	16.12.2007	SXCT	Gia Lai
457	50825519	PHAN MINH HUNG	Nam	28.02.1998	SXCT	Gia Lai
458	50825520	LE VAN DIEU	Nam	17.06.1997	SXCT	Gia Lai
459	50825521	DO THI THANH NHA	Nữ	06.02.2003	SXCT	Gia Lai
460	50825522	NGO VAN TRUNG	Nam	20.05.2000	SXCT	Gia Lai
461	50825524	NGUYEN THI QUI	Nữ	19.11.1997	SXCT	Gia Lai
462	50825526	NGUYEN THANH HUNG	Nam	18.09.2004	SXCT	Gia Lai
463	50825529	NGUYEN THI TUYET LAN	Nữ	02.11.2002	SXCT	Gia Lai
464	50825533	NGUYEN THI KHANH DOAN	Nữ	26.11.2006	SXCT	Gia Lai
465	50825702	DAO THI PHUONG	Nữ	28.06.2006	SXCT	Gia Lai
466	50825706	NGUYEN VAN THANH	Nam	07.03.2004	SXCT	Gia Lai
467	50825709	LE VIET AN	Nam	05.08.2006	SXCT	Gia Lai
468	50825710	PHAM DUC TRUONG	Nam	23.10.2004	SXCT	Gia Lai
469	50825711	NGUYEN PHAN THANH NGAN	Nữ	06.06.2003	SXCT	Gia Lai
470	50825712	TRAN THANH THAN	Nam	14.08.2007	SXCT	Gia Lai
471	50825714	HUYNH THI NGOC HUYEN	Nữ	07.03.2007	SXCT	Gia Lai
472	50825716	NGUYEN THI THU HANG	Nữ	21.01.2003	SXCT	Gia Lai
473	50825717	PHAM THI THUY	Nữ	30.01.2007	SXCT	Gia Lai
474	50825719	NGUYEN TIEN ANH	Nam	09.09.2006	SXCT	Gia Lai
475	50825721	NGUYEN VAN DAO	Nam	02.04.2001	SXCT	Gia Lai
476	50825722	CAO THI DIEU THU	Nữ	21.12.2007	SXCT	Gia Lai
477	50825724	NGHIEM HOANG HUONG	Nam	07.11.2000	SXCT	Gia Lai
478	50825726	HUYNH VAN CUONG	Nam	27.02.1993	SXCT	Gia Lai
479	50825727	HUYNH THI MINH THU	Nữ	14.10.2007	SXCT	Gia Lai
480	50825730	BUI DUY HOANG	Nam	05.03.2006	SXCT	Gia Lai
481	50825733	PHAM DINH TRUONG	Nam	05.01.2004	SXCT	Gia Lai
482	50825735	LE THI PHUONG THAO	Nữ	12.10.2003	SXCT	Gia Lai
483	50825737	NGUYEN VAN AN	Nam	19.05.2001	SXCT	Gia Lai
484	50825740	HO NHAT NAM	Nam	25.08.2002	SXCT	Gia Lai
485	50825744	NGO VINH KHANH	Nam	06.11.2004	SXCT	Gia Lai
486	51210016	NGUYEN TRONG DANH	Nam	30.05.1993	Công nghiệp gốc	Gia Lai
487	51210017	VO THANH NGUYEN	Nam	24.03.1989	Công nghiệp gốc	Gia Lai
488	50311166	TRAN ANH TUAN	Nam	20.08.1996	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
489	50311168	DOAN MINH TU	Nam	26.03.1992	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
490	50311170	NGUYEN DINH TRUONG	Nam	06.11.1997	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
491	50311171	TRUONG THI MAI	Nữ	12.09.1994	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
492	50311173	NGUYEN DUC ANH	Nam	01.07.1993	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
493	50311174	NGUYEN DUC VU	Nam	10.10.1993	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
494	50311175	NGUYEN THI HANG ANH	Nữ	07.07.1996	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
495	50311176	TRAN THI THUY QUYNH	Nữ	07.07.1999	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
496	50311177	NGUYEN TIEN HUONG	Nam	27.11.2001	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
497	50311178	DUONG THI QUYNH NHI	Nữ	08.03.2007	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
498	50311180	TRAN DUC QUYNH	Nam	12.05.1997	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
499	50311182	TRAN VAN TAY	Nam	11.05.1998	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
500	50311184	NGUYEN CONG TU	Nam	01.03.1993	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
501	50311185	HO VAN HUNG	Nam	06.12.1996	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
502	50311186	DUONG THAI TOAN	Nam	11.06.1991	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
503	50311187	NGUYEN TIEN ANH	Nam	02.06.1991	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
504	50311188	DUONG XUAN CONG	Nam	06.01.1998	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
505	50311189	PHAN THI ANH	Nữ	28.02.1998	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
506	50311191	HOANG BA CUONG	Nam	21.06.1996	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
507	50311192	TRAN VAN TU	Nam	20.12.1994	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
508	50311193	PHAN TIEN PHAT	Nam	07.08.2005	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
509	50311194	TRAN THI HANH EM	Nữ	05.12.1999	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
510	50311195	NGUYEN TIEN HOANG	Nam	13.11.2005	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
511	50311198	TRAN XUAN HA	Nam	07.05.2001	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
512	50311199	TRAN TRUNG HIEU	Nam	28.09.2000	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
513	50311201	MAI HO THANG	Nam	01.01.2003	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
514	50311203	VO QUANG THACH	Nam	14.06.1993	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
515	50311204	TRAN VAN DUNG	Nam	14.05.2000	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
516	50311206	TRAN DINH NGUYEN	Nam	24.11.2003	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
517	50311207	KIEU VAN NGOC	Nam	07.11.2001	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
518	50311208	VO VAN CHUONG	Nam	08.07.1999	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
519	50311209	NGUYEN VAN QUY	Nam	01.08.1991	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
520	50311211	PHAM VAN TUAN	Nam	22.09.2003	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
521	50311212	NGUYEN VAN HUNG	Nam	10.01.1993	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
522	50311213	NGUYEN NHAT HUY	Nam	09.10.2004	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
523	50311214	NGUYEN THI TRANG	Nữ	22.06.1996	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
524	50311216	DUONG THANH TUAN	Nam	22.02.1989	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
525	50311217	NGUYEN THI HIEN	Nữ	28.11.1997	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
526	50311218	PHAM VAN TOAN	Nam	01.02.1994	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
527	50311220	NGUYEN TRUNG TIN	Nam	26.08.1995	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
528	50311222	TRAN XUAN QUY	Nam	23.10.2005	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
529	50311223	TRAN HAI QUAN	Nam	30.10.2000	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
530	50311224	PHAM THI MEN	Nữ	02.09.1995	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
531	50311226	LE THI KIM ANH	Nữ	08.06.2007	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
532	50311227	CHU THI HIEN	Nữ	21.08.2001	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
533	50311229	TRAN XUAN PHUONG	Nam	06.06.2003	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
534	50311230	NGUYEN VAN HIEP	Nam	18.07.2005	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
535	50311231	NGUYEN HOANG VU	Nam	17.10.2005	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
536	50311232	NGUYEN DUC HUNG	Nam	25.06.2005	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
537	50311233	NGUYEN TRINH DINH	Nam	10.01.2008	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
538	50311234	NGUYEN HUY HOANG	Nam	01.06.2008	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
539	50311235	PHAN THI LAN ANH	Nữ	29.08.2001	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
540	50311236	PHAM THI MY LINH	Nữ	26.08.1999	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
541	50311237	PHAM THI THU HIEN	Nữ	05.09.2001	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
542	50311240	NGUYEN DINH AN	Nam	18.02.1996	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
543	50311243	NGUYEN THUY LINH	Nữ	01.01.2000	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
544	50311246	NGUYEN TIEN MANH	Nam	20.11.2005	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
545	50311248	DANG THI KHANH LINH	Nữ	06.05.2007	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
546	50311250	HO VAN CONG	Nam	05.09.1999	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
547	50311251	TRAN VAN SANG	Nam	24.08.2006	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
548	50311253	NGUYEN THI TAM	Nữ	13.02.1996	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
549	50311256	LE HUU TRI	Nam	07.06.1998	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
550	50311258	LE VAN LINH	Nam	03.05.1995	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
551	50311259	THAI VAN OANH	Nam	02.02.1992	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
552	50311264	PHAM THI YEN	Nữ	21.02.2007	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
553	50311266	NGUYEN TRAN LAM HUY	Nam	26.06.2007	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
554	50311267	TRAN QUOC TRONG	Nam	02.08.2004	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
555	50311269	TRAN VAN QUANG	Nam	19.12.2000	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
556	50311270	PHAM VAN MINH	Nam	03.03.1989	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
557	50311271	HO DUC PHAP	Nam	24.02.1994	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
558	50311272	LE VAN LINH	Nam	01.09.1992	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
559	50311273	BUI VAN NAM	Nam	29.09.1995	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
560	50311274	HA THI HOAI	Nữ	01.07.1994	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
561	50311275	TRAN THI VAN THO	Nữ	05.09.2005	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
562	50311276	NGUYEN THI NGOC SON	Nữ	22.09.1999	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
563	50311277	THIEU DANG HIEN	Nam	02.02.1992	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
564	50311280	DUONG TRUONG AN	Nam	26.02.2006	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
565	50311281	NGUYEN TIEN MINH	Nam	10.08.2005	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
566	50311282	PHAM NGOC HAI	Nam	14.03.1998	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
567	50311283	HOANG VAN HANH	Nam	13.06.1992	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
568	50311284	NGUYEN HONG THAI	Nam	07.10.1994	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
569	50311286	NGUYEN VAN HIEN	Nam	01.01.1998	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
570	50311290	HOANG VAN THAO	Nam	03.02.1994	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
571	50311291	TRAN HUU PHU	Nam	15.05.1989	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
572	50311292	NGUYEN KHANH HUNG	Nam	23.03.2007	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
573	50311294	NGUYEN CONG ANH	Nam	25.04.1994	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
574	50821002	NGUYEN THI DUYEN	Nữ	20.08.1997	SXCT	Hà Tĩnh
575	50821005	NGUYEN THI MAI HUONG	Nữ	18.09.2005	SXCT	Hà Tĩnh
576	50821008	NGO GIA HUY	Nam	05.12.2007	SXCT	Hà Tĩnh
577	50821009	PHAM ANH HOANG	Nam	21.08.2001	SXCT	Hà Tĩnh
578	50821012	LE ANH PHONG	Nam	17.10.2006	SXCT	Hà Tĩnh
579	50821017	LE THI THUY TRAM	Nữ	21.02.2006	SXCT	Hà Tĩnh
580	50821019	PHAN VAN KHANH	Nam	17.07.2004	SXCT	Hà Tĩnh
581	50821025	NGUYEN SY THANG	Nam	26.03.1996	SXCT	Hà Tĩnh
582	50821027	NGUYEN HA LICH	Nam	08.10.1997	SXCT	Hà Tĩnh
583	50821029	TRAN THI VANG ANH	Nữ	01.03.2007	SXCT	Hà Tĩnh
584	50821032	NGUYEN VAN HUNG	Nam	15.11.1999	SXCT	Hà Tĩnh
585	50821034	LE THI THUY HIEN	Nữ	11.06.1995	SXCT	Hà Tĩnh
586	50821035	GUYEN QUYNH KHANH NGO	Nữ	08.08.2006	SXCT	Hà Tĩnh
587	50821042	NGUYEN THI TIEN	Nữ	27.07.1998	SXCT	Hà Tĩnh
588	50821043	NGUYEN THI BICH	Nữ	17.11.1994	SXCT	Hà Tĩnh
589	50821044	HOANG VAN TUAN	Nam	02.01.2006	SXCT	Hà Tĩnh
590	50821045	THAN THI HA VY	Nữ	20.01.2005	SXCT	Hà Tĩnh
591	50821048	TRAN THI THOM	Nữ	28.05.2001	SXCT	Hà Tĩnh
592	50821052	DANG CONG TAN	Nam	24.02.1995	SXCT	Hà Tĩnh
593	50821057	NGUYEN VAN HUY	Nam	04.11.2005	SXCT	Hà Tĩnh
594	50821058	NGUYEN MAU HUNG	Nam	15.09.1998	SXCT	Hà Tĩnh
595	50821060	LE NGOC DUYEN	Nữ	08.01.1989	SXCT	Hà Tĩnh
596	50821062	NGUYEN KIM QUE	Nam	03.08.2005	SXCT	Hà Tĩnh
597	50821065	NGUYEN THI DUYEN	Nữ	06.10.1995	SXCT	Hà Tĩnh
598	50821066	NGUYEN MINH HIEU	Nam	13.05.2007	SXCT	Hà Tĩnh
599	50821070	NGUYEN LY HUYNH	Nam	04.01.1996	SXCT	Hà Tĩnh
600	50821072	BUI VAN NAM KHANH	Nam	15.10.2002	SXCT	Hà Tĩnh
601	50821078	VO QUANG ANH	Nam	12.03.1998	SXCT	Hà Tĩnh
602	50821079	TRAN VAN DUC	Nam	24.02.1993	SXCT	Hà Tĩnh
603	50821080	NGUYEN QUOC TRI	Nam	29.04.1995	SXCT	Hà Tĩnh
604	50821083	TRAN HOAI NAM	Nam	08.09.2000	SXCT	Hà Tĩnh
605	50821087	NGUYEN HUY QUAN	Nam	26.03.2005	SXCT	Hà Tĩnh
606	50821090	NGUYEN BAO KHANH	Nam	05.09.2007	SXCT	Hà Tĩnh
607	50821091	LE ANH NHAT	Nam	17.12.2006	SXCT	Hà Tĩnh
608	50821092	BUI QUANG CHIEN	Nam	11.11.2007	SXCT	Hà Tĩnh
609	50821093	PHAM DANH TUAN	Nam	20.04.2000	SXCT	Hà Tĩnh
610	50821095	HOANG THI MINH	Nữ	15.10.2006	SXCT	Hà Tĩnh
611	50821096	LE VAN MINH	Nam	20.09.1989	SXCT	Hà Tĩnh
612	50821099	NGUYEN THI DUYEN	Nữ	21.11.2004	SXCT	Hà Tĩnh
613	50821100	NGUYEN THI MY	Nữ	10.12.2000	SXCT	Hà Tĩnh
614	50821102	NGUYEN THI THUY	Nữ	03.10.2007	SXCT	Hà Tĩnh
615	50821104	NGUYEN THI KIM CUC	Nữ	27.10.2000	SXCT	Hà Tĩnh
616	50821108	NGUYEN TRONG THIEU	Nam	16.01.1991	SXCT	Hà Tĩnh
617	50821112	NGUYEN CONG THANH	Nam	12.04.2007	SXCT	Hà Tĩnh
618	50821113	NGUYEN THI HA GIANG	Nữ	30.09.2007	SXCT	Hà Tĩnh
619	50821116	TRAN HUY HOANG	Nam	03.12.2005	SXCT	Hà Tĩnh
620	50821118	NGUYEN VAN DUNG	Nam	03.11.2003	SXCT	Hà Tĩnh
621	50821121	NGUYEN MINH NGOC	Nam	22.12.1992	SXCT	Hà Tĩnh

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
622	50821124	TRAN NGOC LONG	Nam	27.02.2003	SXCT	Hà Tĩnh
623	50821125	PHAM HONG DUC	Nam	28.03.2000	SXCT	Hà Tĩnh
624	50821128	NGUYEN THI TUYET NHI	Nữ	28.11.2003	SXCT	Hà Tĩnh
625	50821129	DAO THI THUY KIEU	Nữ	15.08.2005	SXCT	Hà Tĩnh
626	50821131	NGUYEN THI THUY HANG	Nữ	24.05.2000	SXCT	Hà Tĩnh
627	50821147	DANG THI TRANG	Nữ	07.04.1993	SXCT	Hà Tĩnh
628	50821156	NGUYEN THI NGOC CHAU	Nữ	04.04.2007	SXCT	Hà Tĩnh
629	50821160	PHAN THI HANG	Nữ	10.11.2003	SXCT	Hà Tĩnh
630	50821161	DANG THI BINH	Nữ	04.03.1992	SXCT	Hà Tĩnh
631	50821168	NGUYEN VAN HOANG	Nam	23.01.2002	SXCT	Hà Tĩnh
632	50821172	PHAN THI MI	Nữ	19.07.2006	SXCT	Hà Tĩnh
633	50821173	NGUYEN QUOC DOANH	Nam	11.03.1991	SXCT	Hà Tĩnh
634	50821178	PHAM VAN QUYEN	Nam	14.01.2004	SXCT	Hà Tĩnh
635	50821180	NGUYEN MINH HIEU	Nam	02.12.2000	SXCT	Hà Tĩnh
636	50821194	NGUYEN THI ANH THU	Nữ	08.10.2006	SXCT	Hà Tĩnh
637	50821195	TRAN HOANG DIEU	Nữ	13.09.2006	SXCT	Hà Tĩnh
638	50821200	NGUYEN MINH NHAT	Nam	18.12.2006	SXCT	Hà Tĩnh
639	50821207	VO HOAI PHUC	Nam	24.01.2006	SXCT	Hà Tĩnh
640	50821211	NGO THI THUY TIEN	Nữ	27.02.2005	SXCT	Hà Tĩnh
641	50821213	PHAN HOANG SON	Nam	23.09.1994	SXCT	Hà Tĩnh
642	50821214	TRAN THE VU	Nam	30.10.2007	SXCT	Hà Tĩnh
643	50821222	HOANG THI TAM	Nữ	10.01.2002	SXCT	Hà Tĩnh
644	50821223	HOANG THI TU	Nữ	10.01.2002	SXCT	Hà Tĩnh
645	50821227	HOANG THI THU HA	Nữ	13.07.2006	SXCT	Hà Tĩnh
646	50821228	NGUYEN THI HIEU	Nữ	14.01.1997	SXCT	Hà Tĩnh
647	50821232	TRAN MANH HUNG	Nam	18.08.1993	SXCT	Hà Tĩnh
648	50821233	NGUYEN THE HAI	Nam	10.02.1998	SXCT	Hà Tĩnh
649	50821235	HOANG DUC THANG	Nam	09.10.2003	SXCT	Hà Tĩnh
650	50821239	NGUYEN HUU DUC	Nam	01.09.1994	SXCT	Hà Tĩnh
651	50821255	VO DINH THUONG	Nam	19.05.1993	SXCT	Hà Tĩnh
652	50821261	NGUYEN DINH VAN	Nam	01.08.1991	SXCT	Hà Tĩnh
653	50821265	DAO VAN LUU	Nam	15.07.1989	SXCT	Hà Tĩnh
654	50821266	TRAN THI QUYNH NHI	Nữ	30.09.1994	SXCT	Hà Tĩnh
655	50821278	DINH VAN PHONG	Nam	04.06.1997	SXCT	Hà Tĩnh
656	50821279	NGUYEN THI QUE	Nữ	22.03.2003	SXCT	Hà Tĩnh
657	51010007	TRAN NGOC ANH	Nam	20.09.1990	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
658	51010008	NGUYEN HONG DUY	Nam	21.02.1992	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
659	51010009	DINH VAN SON	Nam	03.03.1993	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
660	51010010	NGUYEN CONG YEN	Nam	03.11.2003	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
661	51010011	DANG THI LIEN	Nữ	02.09.1997	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
662	51210018	TRAN VAN DUC	Nam	24.02.1993	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
663	51210019	NGUYEN TRUNG HAU	Nam	16.11.2003	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
664	51210020	LE THANH LONG	Nam	09.05.2004	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
665	51210021	NGUYEN THE HAI	Nam	10.02.1998	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
666	51210024	PHAN VAN NGON	Nam	05.07.1993	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
667	51210026	NGO THI THANH HUYEN	Nữ	02.11.1993	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
668	51210027	TRAN VAN PHU	Nam	12.12.2003	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
669	51210028	NGUYEN CAO CUONG	Nam	18.01.2001	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
670	51210029	PHAN THI HUONG	Nữ	28.08.1993	Công nghiệp gốc	Hà Tĩnh
671	50310021	VU DAI HAI	Nam	15.07.1999	Ngư nghiệp	Hưng Yên
672	50801402	NGUYEN QUANG ANH	Nam	24.03.2001	SXCT	Hưng Yên
673	50801408	CAO THE QUYEN	Nam	19.12.2006	SXCT	Hưng Yên
674	50801409	NGUYEN TRAN GIA BAO	Nam	05.10.2003	SXCT	Hưng Yên
675	50801410	LE THI NGOC TRAN	Nữ	28.04.1997	SXCT	Hưng Yên
676	50801411	NGUYEN VAN THIEU	Nam	29.03.2006	SXCT	Hưng Yên
677	50801412	NGUYEN VAN NAM	Nam	23.01.2004	SXCT	Hưng Yên
678	50801414	LE VIET THANG	Nam	13.11.2007	SXCT	Hưng Yên

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
679	50801415	VU VAN DAT	Nam	31.05.2004	SXCT	Hưng Yên
680	50801416	NGUYEN PHUONG THAO	Nữ	25.08.2006	SXCT	Hưng Yên
681	50801419	BUI XUAN TRUONG	Nam	25.09.2004	SXCT	Hưng Yên
682	50801420	NGUYEN KHANH NGOC	Nữ	29.11.2007	SXCT	Hưng Yên
683	50801421	NGUYEN XUAN THANH	Nam	23.07.1990	SXCT	Hưng Yên
684	50801423	DO THE VUNG	Nam	02.01.2001	SXCT	Hưng Yên
685	50801425	TRAN THI HUONG	Nữ	12.12.1992	SXCT	Hưng Yên
686	50801426	LUU DUC MANH	Nam	28.07.2004	SXCT	Hưng Yên
687	50801430	NGUYEN TIEN THA	Nam	25.05.1997	SXCT	Hưng Yên
688	50801433	NGUYEN THI KIEU CHINH	Nữ	19.01.1998	SXCT	Hưng Yên
689	50801434	VU THI HUYEN TRANG	Nữ	04.08.1998	SXCT	Hưng Yên
690	50801435	DUONG THI KHANH HUYEN	Nữ	28.06.2005	SXCT	Hưng Yên
691	50801437	LE THI HANH	Nữ	26.02.1990	SXCT	Hưng Yên
692	50801439	DO HOANG VIET ANH	Nam	28.06.2003	SXCT	Hưng Yên
693	50801440	DUONG QUYEN ANH	Nam	17.05.1996	SXCT	Hưng Yên
694	50801441	LAM THI PHUONG ANH	Nữ	24.04.2003	SXCT	Hưng Yên
695	50801448	DO QUANG LINH	Nam	26.01.2007	SXCT	Hưng Yên
696	50801451	DO THI DIEU HUONG	Nữ	30.08.1996	SXCT	Hưng Yên
697	50801452	TRAN THI PHUONG ANH	Nữ	16.03.2000	SXCT	Hưng Yên
698	50801456	NGUYEN DUC THUAN	Nam	23.09.1992	SXCT	Hưng Yên
699	50801457	HOANG VAN THANH	Nam	01.07.2006	SXCT	Hưng Yên
700	50801458	NGUYEN HUU HAU	Nam	06.08.2003	SXCT	Hưng Yên
701	50801459	VUONG TUAN HIEN	Nam	10.10.1995	SXCT	Hưng Yên
702	50801460	PHAM THI THUY NINH	Nữ	02.09.2001	SXCT	Hưng Yên
703	50801461	TRAN THI GIA	Nữ	17.12.2003	SXCT	Hưng Yên
704	50801463	DAO VAN TINH	Nam	24.03.1989	SXCT	Hưng Yên
705	50801464	NGUYEN VAN THUYET	Nam	16.04.1993	SXCT	Hưng Yên
706	50801465	TRAN THI HANG	Nữ	30.05.1995	SXCT	Hưng Yên
707	50801469	NGUYEN VAN LINH	Nam	01.08.1998	SXCT	Hưng Yên
708	50801472	PHAM THI VAN ANH	Nữ	21.09.1994	SXCT	Hưng Yên
709	50801475	NGUYEN QUANG NAM	Nam	05.05.2002	SXCT	Hưng Yên
710	50801477	DOAN VIET HOANG	Nam	29.05.2000	SXCT	Hưng Yên
711	50801478	DO VAN HUONG	Nam	10.01.2000	SXCT	Hưng Yên
712	50801479	BUI THI HA THU	Nữ	10.08.2007	SXCT	Hưng Yên
713	50801481	QUACH VAN THANH	Nam	27.12.2003	SXCT	Hưng Yên
714	50801482	NGUYEN HAI DANG	Nam	02.07.2002	SXCT	Hưng Yên
715	50801487	BUI HONG HA	Nam	16.03.2000	SXCT	Hưng Yên
716	50801489	DINH VAN HUNG	Nam	17.11.1994	SXCT	Hưng Yên
717	50801490	DOAN TRUNG KHANH	Nam	24.06.1999	SXCT	Hưng Yên
718	50801492	NGUYEN VAN TRONG	Nam	10.08.1988	SXCT	Hưng Yên
719	50801493	NGUYEN VAN GIAP	Nam	12.10.1988	SXCT	Hưng Yên
720	50801494	PHAM VAN TAM	Nam	25.05.1992	SXCT	Hưng Yên
721	50801499	TRAN HUY DAT	Nam	13.02.2001	SXCT	Hưng Yên
722	50801500	PHAM VAN TRUONG	Nam	12.05.2007	SXCT	Hưng Yên
723	50801504	DO DUC CUONG	Nam	17.06.1998	SXCT	Hưng Yên
724	50801511	NGUYEN VIET HOANG	Nam	09.08.2007	SXCT	Hưng Yên
725	50801512	PHAM VAN SON	Nam	12.05.2007	SXCT	Hưng Yên
726	50801513	NGUYEN VAN NAM	Nam	19.03.1992	SXCT	Hưng Yên
727	50801517	LE DUY DUNG	Nam	14.09.1999	SXCT	Hưng Yên
728	50801522	LE HUU TRIEN	Nam	21.09.1996	SXCT	Hưng Yên
729	50801531	HOANG VAN QUOC	Nam	21.09.2006	SXCT	Hưng Yên
730	50801533	NGUYEN VAN ANH	Nam	06.02.1993	SXCT	Hưng Yên
731	50801534	LE NGOC SON	Nam	24.05.2005	SXCT	Hưng Yên
732	50801536	CHU VAN DUNG	Nam	17.12.1997	SXCT	Hưng Yên
733	50801537	AN THI THU	Nữ	20.01.2003	SXCT	Hưng Yên
734	50801538	LE THI DUYEN	Nữ	28.03.1994	SXCT	Hưng Yên
735	50801902	DANG NGOC HIEU	Nam	22.10.2003	SXCT	Hưng Yên

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
736	50801903	TO HAI DUONG	Nam	20.10.2004	SXCT	Hưng Yên
737	50801904	PHAM DO THANH TRUNG	Nam	21.10.2006	SXCT	Hưng Yên
738	50801905	PHAM HONG SON	Nam	08.03.2005	SXCT	Hưng Yên
739	50801908	TRAN THI THU HUONG	Nữ	07.12.1999	SXCT	Hưng Yên
740	50801912	TRAN TRUNG KIEN	Nam	27.02.2000	SXCT	Hưng Yên
741	50801913	DANG MINH TIEN	Nam	09.06.2002	SXCT	Hưng Yên
742	50801914	NGUYEN THAO NGAN	Nữ	12.07.2005	SXCT	Hưng Yên
743	50801915	NGUYEN THI THUY NGAN	Nữ	10.10.2005	SXCT	Hưng Yên
744	50801916	TRAN THI CUC	Nữ	13.04.2006	SXCT	Hưng Yên
745	50801917	PHAM DOAN NHAT DUY	Nam	04.10.2005	SXCT	Hưng Yên
746	50801918	LAI MINH DUONG	Nam	05.02.2003	SXCT	Hưng Yên
747	50801921	DINH NGOC TAN	Nam	14.10.2005	SXCT	Hưng Yên
748	50801923	PHAM THI THU TRANG	Nữ	22.09.2003	SXCT	Hưng Yên
749	50801927	HOANG BINH YEN	Nữ	19.12.2006	SXCT	Hưng Yên
750	50801930	NGUYEN THI THAO LY	Nữ	15.03.2007	SXCT	Hưng Yên
751	50801931	NGUYEN THI LINH	Nữ	27.11.2007	SXCT	Hưng Yên
752	50801932	TA THI KIM ANH	Nữ	25.06.2003	SXCT	Hưng Yên
753	50801935	NGUYEN PHONG LUU	Nam	12.09.1987	SXCT	Hưng Yên
754	50801937	PHAM MINH NGOC	Nam	02.08.2003	SXCT	Hưng Yên
755	50801939	NGUYEN THANH BINH	Nam	10.12.2003	SXCT	Hưng Yên
756	50801943	DINH THI THU HA	Nữ	02.09.2007	SXCT	Hưng Yên
757	50801945	HOANG VAN QUYET	Nam	20.12.1991	SXCT	Hưng Yên
758	50801950	HOANG NHU MAI	Nữ	22.01.2004	SXCT	Hưng Yên
759	50801952	TO VAN DONG	Nam	10.11.1997	SXCT	Hưng Yên
760	50801953	NGUYEN THI TRANG	Nữ	19.09.2006	SXCT	Hưng Yên
761	50801955	DANG PHUC TUAN	Nam	20.08.2003	SXCT	Hưng Yên
762	50801956	TRUONG HOANG ANH	Nam	28.12.1995	SXCT	Hưng Yên
763	50801957	PHAM THI HOAI THANH	Nữ	04.12.1991	SXCT	Hưng Yên
764	50801959	DO THI NHIEM	Nữ	12.10.1996	SXCT	Hưng Yên
765	50801960	BUI XUAN SANG	Nam	03.12.2006	SXCT	Hưng Yên
766	50801961	NGUYEN TRUNG NGUYEN	Nam	07.11.2006	SXCT	Hưng Yên
767	50801964	NGUYEN THI QUYNH NGA	Nữ	15.10.2007	SXCT	Hưng Yên
768	50801970	DO KHAC HUY	Nam	03.11.1996	SXCT	Hưng Yên
769	50801976	PHAM TIEN DUNG	Nam	27.06.2000	SXCT	Hưng Yên
770	50801977	NGUYEN THI KIEU TRANG	Nữ	12.11.2005	SXCT	Hưng Yên
771	50801979	NGUYEN HUYEN TRANG	Nữ	30.09.1997	SXCT	Hưng Yên
772	50801984	PHAM MINH DUC	Nam	23.10.2001	SXCT	Hưng Yên
773	50801986	NGUYEN HUU HUNG	Nam	13.08.2003	SXCT	Hưng Yên
774	50801991	LAU THI CHIA	Nữ	30.12.1997	SXCT	Hưng Yên
775	50801993	VU THANH BINH	Nam	10.07.1999	SXCT	Hưng Yên
776	50801994	TRAN MINH ANH	Nữ	17.10.2006	SXCT	Hưng Yên
777	50801995	PHAM THI KIEU TRANG	Nữ	19.09.2006	SXCT	Hưng Yên
778	50801996	NGUYEN HA NAM	Nam	30.05.2004	SXCT	Hưng Yên
779	50801997	NGUYEN DUY HUNG	Nam	14.10.1998	SXCT	Hưng Yên
780	50802002	VU THI THU HUYEN	Nữ	15.04.1998	SXCT	Hưng Yên
781	50802003	VU HUY THANG	Nam	20.06.1995	SXCT	Hưng Yên
782	50802009	DOAN THI THUY LINH	Nữ	09.12.1999	SXCT	Hưng Yên
783	50802016	NGUYEN THI DUYEN	Nữ	12.10.1991	SXCT	Hưng Yên
784	50802018	NGUYEN THI THANH HOAI	Nữ	10.09.2005	SXCT	Hưng Yên
785	50802021	HOANG DINH PHUOC	Nam	16.06.2005	SXCT	Hưng Yên
786	50802023	TRAN THI QUYNH CHI	Nữ	12.12.2007	SXCT	Hưng Yên
787	50802025	PHAM THI THANH TAM	Nữ	14.04.2005	SXCT	Hưng Yên
788	50802026	TRAN VAN TUAN	Nam	02.02.1995	SXCT	Hưng Yên
789	50802030	DOAN DUY NGUYEN	Nam	15.06.2007	SXCT	Hưng Yên
790	50802031	PHAN VAN THANH	Nam	26.03.1998	SXCT	Hưng Yên
791	50802036	NGUYEN PHUC DUNG	Nam	09.01.1990	SXCT	Hưng Yên
792	50802038	PHAM QUANG TRUONG	Nam	19.11.2002	SXCT	Hưng Yên

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
793	50802045	PHAM SON LAM	Nam	14.12.1999	SXCT	Hưng Yên
794	50802046	VU XUAN THANH	Nam	01.07.2005	SXCT	Hưng Yên
795	50802049	DANG QUANG HUY	Nam	13.02.2006	SXCT	Hưng Yên
796	50802050	PHAM QUOC ANH	Nam	04.10.2006	SXCT	Hưng Yên
797	50802056	PHAM VAN LOI	Nam	27.10.2002	SXCT	Hưng Yên
798	50802058	TRAN MINH ANH	Nữ	10.02.2004	SXCT	Hưng Yên
799	50802064	DAM THI THU HIEN	Nữ	01.01.1997	SXCT	Hưng Yên
800	50802068	LE DUC VIET	Nam	05.01.2003	SXCT	Hưng Yên
801	50802070	MAI NGOC DIEN	Nam	30.10.1996	SXCT	Hưng Yên
802	50802072	NGUYEN HUU THANH	Nam	10.09.1996	SXCT	Hưng Yên
803	50802078	LUU TRUNG HIEU	Nam	23.12.1996	SXCT	Hưng Yên
804	50802079	NGUYEN THI THANH THUY	Nữ	14.04.2000	SXCT	Hưng Yên
805	50802083	HA THI KHANH LINH	Nữ	16.03.1995	SXCT	Hưng Yên
806	50802090	VU NHAT MINH	Nam	19.10.2003	SXCT	Hưng Yên
807	50802091	PHAM THANH LONG	Nam	21.02.1998	SXCT	Hưng Yên
808	50802093	HOANG DINH QUAN	Nam	01.07.2003	SXCT	Hưng Yên
809	50802099	NGUYEN MINH QUAN	Nam	07.01.2005	SXCT	Hưng Yên
810	50802135	PHAM VAN HUAN	Nam	12.06.1991	SXCT	Hưng Yên
811	51010012	PHAM VAN QUYNH	Nam	16.02.1994	Công nghiệp gốc	Hưng Yên
812	51210031	TRAN KHAC THE ANH	Nam	15.05.2001	Công nghiệp gốc	Hưng Yên
813	51210032	NGUYEN HUY HOANG	Nam	25.08.2005	Công nghiệp gốc	Hưng Yên
814	51210034	DO VAN CANH	Nam	06.06.1991	Công nghiệp gốc	Hưng Yên
815	51210035	NGUYEN THANH LUAN	Nam	13.11.1986	Công nghiệp gốc	Hưng Yên
816	51210036	BUI XUAN TU	Nam	05.12.1999	Công nghiệp gốc	Hưng Yên
817	51210037	DOAN TRONG THAI	Nam	07.06.1997	Công nghiệp gốc	Hưng Yên
818	51210038	NGUYEN TUNG DUONG	Nam	04.06.2005	Công nghiệp gốc	Hưng Yên
819	51210039	NGUYEN VAN SON	Nam	30.09.1992	Công nghiệp gốc	Hưng Yên
820	51210042	DINH VAN HAO	Nam	02.12.1988	Công nghiệp gốc	Hưng Yên
821	50827893	MAI VAN LINH	Nam	14.09.2002	SXCT	Khánh Hòa
822	50827899	HUYNH THI NHU LIEN	Nữ	24.02.1997	SXCT	Khánh Hòa
823	50827971	GIAI THI KHANH LY	Nữ	09.01.1995	SXCT	Khánh Hòa
824	50827977	BA TRUNG TRI	Nam	08.06.2007	SXCT	Khánh Hòa
825	50827979	LE THI THU HUYEN	Nữ	01.04.2006	SXCT	Khánh Hòa
826	50827980	LE NHAT HUY	Nam	20.11.2000	SXCT	Khánh Hòa
827	50802801	TONG MINH DUONG	Nam	18.05.2005	SXCT	Lai Châu
828	50802802	LO THI MINH THANH	Nữ	02.07.2007	SXCT	Lai Châu
829	50802803	LO DUC NGUYEN	Nam	26.01.2005	SXCT	Lai Châu
830	50802804	LE MINH DUC	Nam	01.06.1999	SXCT	Lai Châu
831	50802805	TAO VAN HAC	Nam	06.08.2006	SXCT	Lai Châu
832	50802806	LO VAN SINH	Nam	09.11.2005	SXCT	Lai Châu
833	50802808	TONG VAN HIEN	Nam	17.12.2002	SXCT	Lai Châu
834	50201777	TRIEU VAN DIEN	Nam	15.10.1992	Nông nghiệp	Lâm Đồng
835	50312742	TRAN DINH THUONG	Nam	06.05.2005	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
836	50312743	LE TRUNG THANH	Nam	27.10.2005	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
837	50312744	TRAN TRUONG THO	Nam	04.02.2003	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
838	50312745	TRAN VAN LUONG	Nam	13.12.2006	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
839	50828021	TRAN VAN NGOC	Nam	15.10.2006	SXCT	Lâm Đồng
840	50828022	NGUYEN DIEU LINH	Nữ	09.12.2007	SXCT	Lâm Đồng
841	50828023	HOANG THUY PHUONG	Nữ	11.12.1998	SXCT	Lâm Đồng
842	50828024	NGUYEN DAC KHANH	Nam	19.02.1998	SXCT	Lâm Đồng
843	50828025	HO MINH QUAN	Nam	24.01.2004	SXCT	Lâm Đồng
844	50828027	HO THI THUY DUONG	Nữ	24.05.1997	SXCT	Lâm Đồng
845	50828030	PHAM HONG HIEU	Nam	03.02.2000	SXCT	Lâm Đồng
846	50828031	TRAN VIET TAY PHI	Nam	14.03.2007	SXCT	Lâm Đồng
847	50828033	NONG THI XUAN	Nữ	11.06.2004	SXCT	Lâm Đồng
848	50828037	NGO TRI VI	Nam	06.06.2001	SXCT	Lâm Đồng
849	50828039	NGUYEN THI SUONG MAI	Nữ	09.10.2004	SXCT	Lâm Đồng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
850	50828040	LE BA SUNG	Nam	30.09.2005	SXCT	Lâm Đồng
851	50828041	NGUYEN DINH TU	Nam	16.03.2007	SXCT	Lâm Đồng
852	50828043	DOAN MAI HUYEN	Nữ	02.05.1998	SXCT	Lâm Đồng
853	50828044	NGUYEN VAN TUAN	Nam	15.08.2000	SXCT	Lâm Đồng
854	50828046	LE THI THUYET MAI	Nữ	29.06.1994	SXCT	Lâm Đồng
855	50828047	LY A KHANG	Nam	19.07.2003	SXCT	Lâm Đồng
856	50828048	DOAN XUAN HUY	Nam	21.11.2007	SXCT	Lâm Đồng
857	50828049	PHAN VAN VIET	Nam	11.10.2007	SXCT	Lâm Đồng
858	50828051	PHAN VAN TRI	Nam	05.05.2006	SXCT	Lâm Đồng
859	50828052	LE TIEN PHONG	Nam	06.09.2001	SXCT	Lâm Đồng
860	50828054	TRAN CHI TAM	Nam	18.03.2007	SXCT	Lâm Đồng
861	50828055	NGUYEN THI HONG VAN	Nữ	20.01.2003	SXCT	Lâm Đồng
862	50828056	CHU THANH VINH	Nam	26.10.2007	SXCT	Lâm Đồng
863	50828057	TRAN THI KIM NHI	Nữ	22.09.2001	SXCT	Lâm Đồng
864	50828064	NGUYEN SON LAM	Nam	02.04.2001	SXCT	Lâm Đồng
865	50828141	NGUYEN HOAI NAM	Nam	31.05.2003	SXCT	Lâm Đồng
866	50828143	NGUYEN VAN LAI	Nam	14.06.2003	SXCT	Lâm Đồng
867	50828146	LE VAN CANH	Nam	10.06.1990	SXCT	Lâm Đồng
868	50828149	TRAN TAN DAT	Nam	03.09.2002	SXCT	Lâm Đồng
869	50828150	NGUYEN NGOC LANH	Nam	06.02.2000	SXCT	Lâm Đồng
870	50828151	VO LE TUONG VY	Nữ	31.05.1994	SXCT	Lâm Đồng
871	50828154	LE MINH HIEU	Nam	02.07.2000	SXCT	Lâm Đồng
872	50828155	HOANG VAN TRAM	Nam	07.02.2001	SXCT	Lâm Đồng
873	50828156	NGUYEN DINH PHY	Nam	17.11.1997	SXCT	Lâm Đồng
874	50828157	DO NGOC QUANG ANH	Nam	12.07.2004	SXCT	Lâm Đồng
875	50828158	NGUYEN VAN VINH	Nam	06.02.2006	SXCT	Lâm Đồng
876	50828159	NGUYEN DINH TRUNG	Nam	07.10.2006	SXCT	Lâm Đồng
877	50828160	TRAN THI TO TRINH	Nữ	19.06.2006	SXCT	Lâm Đồng
878	50828163	HOANG THI PHUC	Nữ	25.12.2006	SXCT	Lâm Đồng
879	50828167	NGUYEN THI THANH NGAN	Nữ	22.07.2000	SXCT	Lâm Đồng
880	50828169	NGUYEN HUU TIEN	Nam	02.03.2004	SXCT	Lâm Đồng
881	50828170	THOI DUY VI	Nam	25.10.2000	SXCT	Lâm Đồng
882	50828173	LE QUOC THIEN	Nam	29.10.2004	SXCT	Lâm Đồng
883	50828182	HO QUOC TINH	Nam	05.02.1998	SXCT	Lâm Đồng
884	50828183	NGUYEN HAI TRIEU	Nam	07.08.2003	SXCT	Lâm Đồng
885	50828187	NGUYEN THANH VU	Nam	04.01.1999	SXCT	Lâm Đồng
886	50828245	SAM RO LONG KA BOI	Nữ	01.08.2007	SXCT	Lâm Đồng
887	50828250	NGUYEN LAM KHA	Nam	06.01.1993	SXCT	Lâm Đồng
888	50828254	TRAN THI MY HUONG	Nữ	16.06.1993	SXCT	Lâm Đồng
889	50828257	TRAN THI TRANG	Nữ	23.12.1996	SXCT	Lâm Đồng
890	51210044	TRAN VAN QUANG	Nam	10.07.1996	Công nghiệp gốc	Lâm Đồng
891	50200199	HA TRUNG THANH	Nam	31.12.2007	Nông nghiệp	Lạng Sơn
892	50200200	HOANG KIM THACH	Nam	20.06.2002	Nông nghiệp	Lạng Sơn
893	50200201	NGUYEN VAN LAM	Nam	27.10.1999	Nông nghiệp	Lạng Sơn
894	50200202	CHU TRIEU MINH HAO	Nam	31.10.2003	Nông nghiệp	Lạng Sơn
895	50200203	VY CONG THUONG	Nam	15.11.2005	Nông nghiệp	Lạng Sơn
896	50802902	LE THANH DAT	Nam	06.08.2005	SXCT	Lạng Sơn
897	50802903	NGUYEN THI QUYNH TRANG	Nữ	01.07.2006	SXCT	Lạng Sơn
898	50802904	LAM THI HUYEN	Nữ	02.01.1998	SXCT	Lạng Sơn
899	50802906	LUONG THANH HUNG	Nam	22.10.1997	SXCT	Lạng Sơn
900	50802907	HOANG DAO	Nam	07.05.2003	SXCT	Lạng Sơn
901	50802909	HOANG VAN NAM	Nam	10.12.2006	SXCT	Lạng Sơn
902	50802912	HOANG THI LIEU	Nữ	07.10.2003	SXCT	Lạng Sơn
903	50802913	TRAN HUONG GIANG	Nữ	23.03.2006	SXCT	Lạng Sơn
904	50802914	DINH THE TOAN	Nam	03.01.2005	SXCT	Lạng Sơn
905	50802916	LAM VAN SINH	Nam	02.01.1989	SXCT	Lạng Sơn
906	50802917	LUONG QUYET THANG	Nam	15.02.2005	SXCT	Lạng Sơn

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
907	50802922	VI THI HONG GAM	Nữ	25.12.1995	SXCT	Lạng Sơn
908	50802923	VU DIEU HAI YEN	Nữ	20.10.2005	SXCT	Lạng Sơn
909	50802925	HOANG THI PHUONG THAO	Nữ	14.11.1999	SXCT	Lạng Sơn
910	50802928	LINH MANH THANG	Nam	08.08.2003	SXCT	Lạng Sơn
911	50802929	BAN THI LINH	Nữ	07.11.2003	SXCT	Lạng Sơn
912	50802930	VI THI NGOC ANH	Nữ	18.08.2007	SXCT	Lạng Sơn
913	50802932	DAM THI THANH DIEP	Nữ	06.11.2007	SXCT	Lạng Sơn
914	50802933	HA THI TRANG	Nữ	05.08.2000	SXCT	Lạng Sơn
915	50802934	DAM KHANH HONG	Nữ	12.08.2006	SXCT	Lạng Sơn
916	50802935	TRAN QUOC TUAN	Nam	29.08.2006	SXCT	Lạng Sơn
917	50802936	NGUYEN HOANG HAI	Nam	31.10.2005	SXCT	Lạng Sơn
918	50802942	TRAN VAN THANH	Nam	13.05.1999	SXCT	Lạng Sơn
919	50802947	NGUYEN VIET HAN	Nam	26.05.2006	SXCT	Lạng Sơn
920	50802948	HOANG ANH KHOA	Nam	03.07.2007	SXCT	Lạng Sơn
921	50802950	PHAM VI THANH TUNG	Nam	06.09.2006	SXCT	Lạng Sơn
922	50802951	HOANG DINH NAM	Nam	19.09.2001	SXCT	Lạng Sơn
923	50802953	CHU THI NIEM	Nữ	06.09.1997	SXCT	Lạng Sơn
924	50802957	HOANG VIET HUY	Nam	13.04.2004	SXCT	Lạng Sơn
925	50802958	HOANG DUY LONG	Nam	10.10.2005	SXCT	Lạng Sơn
926	50802959	HOANG THANH DOAN	Nam	10.01.2003	SXCT	Lạng Sơn
927	50802960	TRIEU HONG BINH	Nữ	24.11.2007	SXCT	Lạng Sơn
928	50802961	HOANG VAN LUC	Nam	19.08.2002	SXCT	Lạng Sơn
929	50802962	LANH THI LAN HUONG	Nữ	19.01.2000	SXCT	Lạng Sơn
930	50802964	NGUYEN NGOC LE	Nữ	29.07.1993	SXCT	Lạng Sơn
931	50802966	BUI QUOC HUY	Nam	27.12.2003	SXCT	Lạng Sơn
932	50802967	TRIEU NGOC CHAM	Nữ	17.02.1994	SXCT	Lạng Sơn
933	50802969	NONG VAN HOA	Nam	09.04.1996	SXCT	Lạng Sơn
934	50802971	LUONG TUAN KHANH	Nam	04.10.2006	SXCT	Lạng Sơn
935	50802975	HOANG NGOC SON	Nam	09.05.1993	SXCT	Lạng Sơn
936	50802981	LY THANH HUNG	Nam	22.02.2006	SXCT	Lạng Sơn
937	50802982	DO DANG QUAN	Nam	05.02.2004	SXCT	Lạng Sơn
938	50802984	HOANG VAN HUYEN	Nam	07.07.1996	SXCT	Lạng Sơn
939	50802986	DINH NGOC HUNG	Nam	25.10.2005	SXCT	Lạng Sơn
940	50802987	CHU VAN HAI	Nam	06.10.2002	SXCT	Lạng Sơn
941	50802988	DUONG VAN TOAN	Nam	08.03.2002	SXCT	Lạng Sơn
942	50802994	DUONG THI NGOC	Nữ	15.01.1995	SXCT	Lạng Sơn
943	50802996	LUONG THI QUYNH MAI	Nữ	14.09.1997	SXCT	Lạng Sơn
944	50802997	NGUYEN THI MAI CHI	Nữ	24.03.2006	SXCT	Lạng Sơn
945	50803000	HOANG VAN NAM	Nam	04.07.2001	SXCT	Lạng Sơn
946	50803003	NGUYEN THI KIM OANH	Nữ	07.01.2006	SXCT	Lạng Sơn
947	50803004	LUONG THI THUY	Nữ	21.10.1995	SXCT	Lạng Sơn
948	50803008	TRAN KIEU GIANG	Nữ	26.08.2005	SXCT	Lạng Sơn
949	50803015	VY VAN HIEN	Nam	13.06.2001	SXCT	Lạng Sơn
950	50803016	DANG VAN DAO	Nam	17.05.1997	SXCT	Lạng Sơn
951	50803023	HUA THANH HUYEN	Nữ	04.08.1995	SXCT	Lạng Sơn
952	50803026	NONG THANH HIEU	Nam	27.04.1996	SXCT	Lạng Sơn
953	50803027	TRIEU MY LINH	Nữ	23.02.2001	SXCT	Lạng Sơn
954	50803028	DO THI YEN NHI	Nữ	04.11.2007	SXCT	Lạng Sơn
955	50803042	HUA QUYET TIEN	Nam	25.05.2004	SXCT	Lạng Sơn
956	50200246	HOA THI GIANG	Nữ	11.01.2004	Nông nghiệp	Lào Cai
957	50200276	LUONG THI THUY	Nữ	01.07.2005	Nông nghiệp	Lào Cai
958	50200280	GIANG A TU	Nam	22.03.2005	Nông nghiệp	Lào Cai
959	50803403	NGUYEN DUY CHUNG	Nam	10.11.2001	SXCT	Lào Cai
960	50803406	LE TIEN SY	Nam	14.10.1998	SXCT	Lào Cai
961	50803409	LE THI LAN ANH	Nữ	03.09.2003	SXCT	Lào Cai
962	50803411	PHAN THI REU	Nữ	19.09.2003	SXCT	Lào Cai
963	50803503	NGUYEN MINH HIEP	Nam	17.10.2006	SXCT	Lào Cai

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
964	50803504	LE XUAN TRUONG	Nam	25.04.2007	SXCT	Lào Cai
965	50803505	NGUYEN VAN TUC	Nam	16.09.2006	SXCT	Lào Cai
966	50803506	NGUYEN TIEN DUNG	Nam	26.10.2007	SXCT	Lào Cai
967	50803507	BUI THI VUI	Nữ	10.06.2002	SXCT	Lào Cai
968	50803508	HO THI THUY LINH	Nữ	10.07.2006	SXCT	Lào Cai
969	50803510	LU VAN TUYNH	Nam	10.06.2007	SXCT	Lào Cai
970	50803511	DO NGOC DUONG	Nam	05.07.2003	SXCT	Lào Cai
971	50803512	PHAM VAN DAT	Nam	30.01.2006	SXCT	Lào Cai
972	50803514	NGUYEN THI PHUONG ANH	Nữ	18.06.2003	SXCT	Lào Cai
973	50803515	VU KHANH TOAN	Nam	29.05.2005	SXCT	Lào Cai
974	50803516	PHAM NGOC HOAN	Nam	25.02.1990	SXCT	Lào Cai
975	50803518	THAO ANH THANG	Nam	15.04.2007	SXCT	Lào Cai
976	50803519	CHU ANH TUYET	Nữ	21.04.1998	SXCT	Lào Cai
977	50803521	MUA A SENH	Nam	04.10.2007	SXCT	Lào Cai
978	50201006	LO MANH HUNG	Nam	11.06.2001	Nông nghiệp	Nghệ An
979	50201007	TRAN THE MANH	Nam	22.08.2003	Nông nghiệp	Nghệ An
980	50201010	HOANG ANH TUAN	Nam	06.03.2008	Nông nghiệp	Nghệ An
981	50201011	PHAN BA NAM	Nam	06.11.1993	Nông nghiệp	Nghệ An
982	50201012	VI THI XUYEN	Nữ	11.10.2004	Nông nghiệp	Nghệ An
983	50201013	TRUONG THI SUONG	Nữ	04.05.2002	Nông nghiệp	Nghệ An
984	50201014	KHA NGUYEN THANH VINH	Nam	12.12.2007	Nông nghiệp	Nghệ An
985	50201015	TRAN THI YEN	Nữ	19.04.1998	Nông nghiệp	Nghệ An
986	50201017	HOANG VAN QUY	Nam	10.07.1990	Nông nghiệp	Nghệ An
987	50201018	PHAN VAN QUY	Nam	23.10.2004	Nông nghiệp	Nghệ An
988	50201019	NGUYEN VAN THAI	Nam	21.05.2004	Nông nghiệp	Nghệ An
989	50201020	PHAN BA MANH	Nam	17.08.2005	Nông nghiệp	Nghệ An
990	50201021	NGAN MAY QUY	Nam	10.01.2007	Nông nghiệp	Nghệ An
991	50201025	VI VAN DAT	Nam	22.04.2001	Nông nghiệp	Nghệ An
992	50201026	NGUYEN THI HUYEN TRANG	Nữ	06.08.1990	Nông nghiệp	Nghệ An
993	50201029	CAO TIEN HA	Nam	20.12.2000	Nông nghiệp	Nghệ An
994	50201031	KIM VAN KIET	Nam	09.08.2002	Nông nghiệp	Nghệ An
995	50201032	PHAN VAN CHAU	Nam	08.01.1994	Nông nghiệp	Nghệ An
996	50201034	TRAN NGOC TRUNG	Nam	24.11.1994	Nông nghiệp	Nghệ An
997	50201036	NGUYEN HUU MANH	Nam	20.08.1999	Nông nghiệp	Nghệ An
998	50201037	DAU DINH NGUYEN	Nam	27.08.2007	Nông nghiệp	Nghệ An
999	50201039	DUONG PHUC HUNG	Nam	28.07.1998	Nông nghiệp	Nghệ An
1000	50201044	VO DINH THIEN	Nam	15.08.1989	Nông nghiệp	Nghệ An
1001	50201046	HO THI NHU QUYNH	Nữ	05.12.2007	Nông nghiệp	Nghệ An
1002	50201047	PHAM VIET DUC	Nam	28.08.2004	Nông nghiệp	Nghệ An
1003	50201049	LU VAN KHANH	Nam	07.05.1994	Nông nghiệp	Nghệ An
1004	50201051	LO VAN THE	Nam	07.05.1995	Nông nghiệp	Nghệ An
1005	50201052	TRAN VAN CHUC	Nam	07.02.2004	Nông nghiệp	Nghệ An
1006	50201053	NGUYEN THI ANH	Nữ	17.12.2005	Nông nghiệp	Nghệ An
1007	50201054	LU DINH THANG	Nam	25.09.1992	Nông nghiệp	Nghệ An
1008	50201059	KIM VAN DUC	Nam	08.04.2004	Nông nghiệp	Nghệ An
1009	50201060	LUONG VAN MANH	Nam	07.04.1999	Nông nghiệp	Nghệ An
1010	50310766	NGUYEN VAN DUONG	Nam	04.08.1990	Ngư nghiệp	Nghệ An
1011	50310767	VU VAN QUANG	Nam	09.10.2003	Ngư nghiệp	Nghệ An
1012	50310768	BUI DUY TUAN	Nam	03.11.1992	Ngư nghiệp	Nghệ An
1013	50310769	TRAN VAN DANH	Nam	16.12.1997	Ngư nghiệp	Nghệ An
1014	50310772	NGUYEN TUAN KIET	Nam	24.04.2008	Ngư nghiệp	Nghệ An
1015	50310774	HO SI HUNG	Nam	08.10.1992	Ngư nghiệp	Nghệ An
1016	50310775	LE HOI HUYNH	Nam	02.04.2000	Ngư nghiệp	Nghệ An
1017	50310776	HO NANG BO	Nam	07.11.1989	Ngư nghiệp	Nghệ An
1018	50310777	HO SY BA	Nam	20.05.1990	Ngư nghiệp	Nghệ An
1019	50310778	NGUYEN XUAN PHONG	Nam	15.10.1996	Ngư nghiệp	Nghệ An
1020	50310781	LE DUC LONG AN	Nam	16.06.2000	Ngư nghiệp	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1021	50310782	HOANG CONG BANG	Nam	22.04.1999	Ngư nghiệp	Nghệ An
1022	50310783	TRUONG QUANG LINH	Nam	14.04.2001	Ngư nghiệp	Nghệ An
1023	50310784	HO SY KHUE	Nam	02.05.1993	Ngư nghiệp	Nghệ An
1024	50310785	LE BA QUOC	Nam	05.06.2003	Ngư nghiệp	Nghệ An
1025	50310788	LE VAN TUAN	Nam	06.09.1989	Ngư nghiệp	Nghệ An
1026	50310789	DAU DINH SON	Nam	14.04.2000	Ngư nghiệp	Nghệ An
1027	50310790	NGUYEN VAN TIEN	Nam	03.06.1997	Ngư nghiệp	Nghệ An
1028	50310791	TRUONG VAN VIEN	Nam	23.06.1993	Ngư nghiệp	Nghệ An
1029	50310792	VU DUC THAO	Nam	13.09.1988	Ngư nghiệp	Nghệ An
1030	50310793	HOANG VAN BANG	Nam	06.04.2001	Ngư nghiệp	Nghệ An
1031	50310794	NGUYEN DUC HAI	Nam	16.09.2007	Ngư nghiệp	Nghệ An
1032	50310795	LA CHI TUONG	Nam	24.09.2004	Ngư nghiệp	Nghệ An
1033	50310799	LE BA DAU	Nam	15.09.2000	Ngư nghiệp	Nghệ An
1034	50310803	LE BA THINH	Nam	28.10.1998	Ngư nghiệp	Nghệ An
1035	50310804	DUONG VAN TOAN	Nam	09.02.1989	Ngư nghiệp	Nghệ An
1036	50310805	MAI VAN DUNG	Nam	13.06.2001	Ngư nghiệp	Nghệ An
1037	50310806	LE XUAN QUYEN	Nam	14.09.1992	Ngư nghiệp	Nghệ An
1038	50310807	NGUYEN VAN THANG	Nam	19.12.1998	Ngư nghiệp	Nghệ An
1039	50310808	HO VAN VUI	Nam	06.04.1996	Ngư nghiệp	Nghệ An
1040	50310809	LE XUAN LOC	Nam	30.10.2007	Ngư nghiệp	Nghệ An
1041	50310810	TO DUY UY	Nam	29.11.2005	Ngư nghiệp	Nghệ An
1042	50310812	TRAN VAN AN	Nam	08.10.1996	Ngư nghiệp	Nghệ An
1043	50310813	NGUYEN VAN CHUNG	Nam	09.08.1988	Ngư nghiệp	Nghệ An
1044	50310814	PHAM VAN LONG	Nam	06.02.1988	Ngư nghiệp	Nghệ An
1045	50310815	NGUYEN VAN TUNG	Nam	17.04.1999	Ngư nghiệp	Nghệ An
1046	50310816	LE BA TRUONG	Nam	28.04.2003	Ngư nghiệp	Nghệ An
1047	50310819	NGUYEN VAN BAI	Nam	12.01.2000	Ngư nghiệp	Nghệ An
1048	50310820	HO VAN NGOC	Nam	21.06.1994	Ngư nghiệp	Nghệ An
1049	50310824	NGUYEN CANH CHUONG	Nam	03.07.1989	Ngư nghiệp	Nghệ An
1050	50310825	NGUYEN DINH THINH	Nam	14.01.2002	Ngư nghiệp	Nghệ An
1051	50310826	TRAN XUAN QUANG	Nam	17.06.2001	Ngư nghiệp	Nghệ An
1052	50310829	HOANG DINH DANG	Nam	21.06.2003	Ngư nghiệp	Nghệ An
1053	50310832	TRAN CONG THO	Nam	22.10.1998	Ngư nghiệp	Nghệ An
1054	50310833	TO DUY TUAN	Nam	01.09.1995	Ngư nghiệp	Nghệ An
1055	50310835	TRUONG PHAM PHI HUNG	Nam	10.06.2001	Ngư nghiệp	Nghệ An
1056	50310836	TRAN NGOC DAI	Nam	02.11.2000	Ngư nghiệp	Nghệ An
1057	50310839	TRUONG QUANG CUONG	Nam	16.10.1992	Ngư nghiệp	Nghệ An
1058	50310841	NGUYEN VAN HUNG	Nam	05.12.1996	Ngư nghiệp	Nghệ An
1059	50310842	HOANG MINH SAO	Nam	04.11.2007	Ngư nghiệp	Nghệ An
1060	50310844	LE THAC DAT	Nam	22.08.2001	Ngư nghiệp	Nghệ An
1061	50310845	HOANG VAN KIEN	Nam	15.01.2000	Ngư nghiệp	Nghệ An
1062	50310850	TRUONG VAN DONG	Nam	14.10.2004	Ngư nghiệp	Nghệ An
1063	50310851	NGUYEN THI HOA BONG	Nữ	07.02.1992	Ngư nghiệp	Nghệ An
1064	50310854	NGUYEN VAN TRONG	Nam	19.01.2000	Ngư nghiệp	Nghệ An
1065	50310858	HO VAN TUAN	Nam	10.04.1997	Ngư nghiệp	Nghệ An
1066	50310859	DAU NGOC HA	Nam	28.07.1998	Ngư nghiệp	Nghệ An
1067	50310860	NGUYEN VAN DUNG	Nam	06.03.2002	Ngư nghiệp	Nghệ An
1068	50310861	NGUYEN THANH DAT	Nam	20.08.1998	Ngư nghiệp	Nghệ An
1069	50310862	PHAN VAN HAI	Nam	30.03.1994	Ngư nghiệp	Nghệ An
1070	50817501	TRAN VAN GIANG	Nam	10.01.2001	SXCT	Nghệ An
1071	50817502	THAI THI MAI	Nữ	08.11.2006	SXCT	Nghệ An
1072	50817504	CAO THI SUONG	Nữ	30.09.2006	SXCT	Nghệ An
1073	50817508	NGUYEN VAN CONG	Nam	21.09.2004	SXCT	Nghệ An
1074	50817510	NGUYEN HUU THANH	Nam	06.09.2003	SXCT	Nghệ An
1075	50817511	VU THI QUYNH NHU	Nữ	28.11.2006	SXCT	Nghệ An
1076	50817513	NGUYEN VAN SON	Nam	14.09.1996	SXCT	Nghệ An
1077	50817514	NGUYEN VAN TOAN	Nam	19.06.1995	SXCT	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1078	50817516	NGUYEN TUAN ANH	Nam	18.09.2004	SXCT	Nghệ An
1079	50817517	NGUYEN THE QUANG	Nam	08.07.2006	SXCT	Nghệ An
1080	50817518	TRUONG THI NHUNG	Nữ	30.11.2001	SXCT	Nghệ An
1081	50817519	HO THI TINH	Nữ	11.07.1996	SXCT	Nghệ An
1082	50817521	NGUYEN BA TRUNG	Nam	16.07.2007	SXCT	Nghệ An
1083	50817523	NGUYEN THI LAN ANH	Nữ	22.03.1998	SXCT	Nghệ An
1084	50817524	HO DUNG NGUYEN	Nam	19.07.2000	SXCT	Nghệ An
1085	50817526	HO VAN HUU	Nam	10.12.1992	SXCT	Nghệ An
1086	50817528	NGUYEN TIEN DIEN	Nam	06.04.2003	SXCT	Nghệ An
1087	50817529	LE DINH QUAN	Nam	10.10.2004	SXCT	Nghệ An
1088	50817530	HOANG QUANG HUNG	Nam	19.12.2003	SXCT	Nghệ An
1089	50817531	NGUYEN THANH SANG	Nam	21.04.2002	SXCT	Nghệ An
1090	50817532	NGUYEN TIEN CONG	Nam	02.03.1997	SXCT	Nghệ An
1091	50817534	VUONG DINH NGHIA	Nam	05.01.2003	SXCT	Nghệ An
1092	50817535	VI TRUNG KIEN	Nam	11.08.2007	SXCT	Nghệ An
1093	50817536	CAO XUAN CUONG	Nam	07.07.1996	SXCT	Nghệ An
1094	50817537	TRUONG THI QUYNH TRANG	Nữ	20.08.2006	SXCT	Nghệ An
1095	50817538	DANG PHI HUNG	Nam	18.09.2002	SXCT	Nghệ An
1096	50817539	NGUYEN HONG CONG	Nam	16.02.1990	SXCT	Nghệ An
1097	50817541	NGUYEN THI NGAN	Nữ	20.12.1991	SXCT	Nghệ An
1098	50817542	CAO ANH TAI	Nam	22.10.2007	SXCT	Nghệ An
1099	50817544	NGUYEN VAN TRUNG	Nam	15.02.2005	SXCT	Nghệ An
1100	50817548	BUI MANH CUONG	Nam	07.09.1995	SXCT	Nghệ An
1101	50817549	NGUYEN VAN TUAN	Nam	26.06.1997	SXCT	Nghệ An
1102	50817550	VI THI UYEN	Nữ	19.04.2001	SXCT	Nghệ An
1103	50817551	DANG NGOC THANH	Nam	28.04.1996	SXCT	Nghệ An
1104	50817552	PHAM TRONG DUC	Nam	01.06.2004	SXCT	Nghệ An
1105	50817554	LE THI THU TRANG	Nữ	15.09.2006	SXCT	Nghệ An
1106	50817555	TRAN THI THAM	Nữ	25.09.2004	SXCT	Nghệ An
1107	50817560	DINH VAN BAC	Nam	16.04.1995	SXCT	Nghệ An
1108	50817561	NGUYEN VAN HIEU	Nam	20.01.1993	SXCT	Nghệ An
1109	50817563	NGUYEN NGOC PHUONG NHU	Nữ	09.06.2005	SXCT	Nghệ An
1110	50817564	VU VAN SON	Nam	09.11.1994	SXCT	Nghệ An
1111	50817566	HO HUU HAI	Nam	02.02.1993	SXCT	Nghệ An
1112	50817588	HO CONG VAN	Nam	11.02.1998	SXCT	Nghệ An
1113	50817594	MANH THI HOANG AN	Nữ	09.11.2006	SXCT	Nghệ An
1114	50817595	PHAN THI AN	Nữ	11.11.2007	SXCT	Nghệ An
1115	50817597	PHAN THI THUY	Nữ	11.11.2007	SXCT	Nghệ An
1116	50817608	VU NGOC THONG	Nam	10.10.1992	SXCT	Nghệ An
1117	50817617	LE THI THUY	Nữ	09.02.1998	SXCT	Nghệ An
1118	50817618	PHAM THI THAO VAN	Nữ	03.03.2005	SXCT	Nghệ An
1119	50817626	TA QUANG VINH	Nam	11.01.2005	SXCT	Nghệ An
1120	50817631	NGUYEN THIEN HUNG	Nam	12.07.2003	SXCT	Nghệ An
1121	50817633	NGUYEN TIEN MINH	Nam	19.03.1993	SXCT	Nghệ An
1122	50817637	NGUYEN THANH TRUNG	Nam	10.02.2006	SXCT	Nghệ An
1123	50817639	HO SY TAI	Nam	17.07.2004	SXCT	Nghệ An
1124	50817640	DANG QUOC OAI	Nam	10.01.1998	SXCT	Nghệ An
1125	50817641	LE THI HIEN	Nữ	20.11.2001	SXCT	Nghệ An
1126	50817642	NGUYEN DUY DUC	Nam	21.11.2001	SXCT	Nghệ An
1127	50817643	PHAM MINH VU	Nam	22.01.2006	SXCT	Nghệ An
1128	50817648	HO THAI HIEU	Nam	13.10.1997	SXCT	Nghệ An
1129	50817651	VU QUANG LINH	Nam	30.12.1999	SXCT	Nghệ An
1130	50817656	NGUYEN VAN UOC	Nam	24.12.1996	SXCT	Nghệ An
1131	50817659	NGUYEN CANH SON	Nam	15.08.1988	SXCT	Nghệ An
1132	50817660	HOANG QUOC DUNG	Nam	20.02.2006	SXCT	Nghệ An
1133	50817661	HO VAN VUONG	Nam	31.05.2006	SXCT	Nghệ An
1134	50817662	HOANG THI THU	Nữ	26.07.2006	SXCT	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1135	50817666	NGUYEN VAN THINH	Nam	15.05.2001	SXCT	Nghệ An
1136	50817669	HOANG THI TAM	Nữ	01.08.2006	SXCT	Nghệ An
1137	50817670	DINH TRONG ANH	Nam	12.09.2000	SXCT	Nghệ An
1138	50817674	NGUYEN CANH BON	Nam	02.10.2003	SXCT	Nghệ An
1139	50817675	TRAN HUU PHUC	Nam	16.06.1991	SXCT	Nghệ An
1140	50817677	QUANG BA HUY	Nam	22.07.2006	SXCT	Nghệ An
1141	50817681	TRAN HUY SANG	Nam	11.02.2006	SXCT	Nghệ An
1142	50817688	TRUONG CONG TUAN	Nam	21.03.2006	SXCT	Nghệ An
1143	50817689	THACH THAI DUC ANH	Nam	13.06.1993	SXCT	Nghệ An
1144	50817692	NGUYEN THI LINH	Nữ	04.12.2005	SXCT	Nghệ An
1145	50817693	TRUONG MINH TAN	Nam	23.11.1996	SXCT	Nghệ An
1146	50817700	PHAN THI THUY	Nữ	04.02.2006	SXCT	Nghệ An
1147	50817704	NGUYEN QUANG HUY	Nam	25.01.2003	SXCT	Nghệ An
1148	50817715	VO THI DUYEN	Nữ	07.10.1996	SXCT	Nghệ An
1149	50817719	NGUYEN THI PHUONG	Nữ	19.08.1999	SXCT	Nghệ An
1150	50817720	PHAM TRONG TUONG	Nam	08.09.2006	SXCT	Nghệ An
1151	50817722	HO QUANG NGHIA	Nam	28.01.2007	SXCT	Nghệ An
1152	50817723	NGUYEN DINH DUNG	Nam	10.11.1994	SXCT	Nghệ An
1153	50817725	NGUYEN BA THANH	Nam	01.09.2002	SXCT	Nghệ An
1154	50817731	CAO THI HANH	Nữ	10.03.2002	SXCT	Nghệ An
1155	50817732	PHAM THI XUAN	Nữ	15.03.1991	SXCT	Nghệ An
1156	50817734	PHAN MAI NGOC HA	Nữ	18.09.2006	SXCT	Nghệ An
1157	50817737	TRAN VAN TUAN	Nam	19.09.2002	SXCT	Nghệ An
1158	50817738	PHAM VAN QUANG	Nam	20.12.2006	SXCT	Nghệ An
1159	50817739	NGUYEN THI THU HOAI	Nữ	23.02.1997	SXCT	Nghệ An
1160	50817740	TRAN THI MAI HANG	Nữ	06.08.2002	SXCT	Nghệ An
1161	50817743	VO VAN PHONG	Nam	19.06.2006	SXCT	Nghệ An
1162	50817745	DINH QUOC KY	Nam	30.07.2007	SXCT	Nghệ An
1163	50817748	HOANG NGOC CUONG	Nam	14.10.2006	SXCT	Nghệ An
1164	50817750	PHAM DINH KHAI	Nam	20.07.1998	SXCT	Nghệ An
1165	50817753	VO HUY THUYEN	Nam	18.07.1989	SXCT	Nghệ An
1166	50817754	HO QUOC KHANH	Nam	06.07.1999	SXCT	Nghệ An
1167	50817756	NGUYEN VAN MANH	Nam	25.09.2004	SXCT	Nghệ An
1168	50817758	CHU TRONG SON	Nam	14.05.2001	SXCT	Nghệ An
1169	50817759	NGUYEN KHAC TIEN DAT	Nam	05.05.2007	SXCT	Nghệ An
1170	50817773	NGUYEN THI HONG	Nữ	05.11.2005	SXCT	Nghệ An
1171	50817780	NGUYEN THI NA	Nữ	19.10.2006	SXCT	Nghệ An
1172	50817782	LUONG THI THAM	Nữ	08.08.2007	SXCT	Nghệ An
1173	50817783	HOANG THI MY NUONG	Nữ	01.11.2005	SXCT	Nghệ An
1174	50817785	PHAM VIET DUAN	Nam	12.08.2000	SXCT	Nghệ An
1175	50817786	NGUYEN DINH THI	Nam	02.01.2003	SXCT	Nghệ An
1176	50817787	NGUYEN QUANG SANG	Nam	17.08.2004	SXCT	Nghệ An
1177	50817788	NGUYEN ANH DUC	Nam	12.07.1999	SXCT	Nghệ An
1178	50817789	NGUYEN DINH VUONG	Nam	29.04.2004	SXCT	Nghệ An
1179	50817791	PHAM VAN TRINH	Nam	26.03.2001	SXCT	Nghệ An
1180	50817792	NGUYEN CANH HIEP	Nam	13.10.2003	SXCT	Nghệ An
1181	50817795	LE HOANG BAO ANH	Nam	05.09.2007	SXCT	Nghệ An
1182	50817797	NGUYEN THI QUYNH HOA	Nữ	17.07.1996	SXCT	Nghệ An
1183	50817798	PHAN SY MANH	Nam	06.01.2001	SXCT	Nghệ An
1184	50817799	HOANG THI CAM GIANG	Nữ	02.01.2000	SXCT	Nghệ An
1185	50817800	DANG THI GIANG ANH	Nữ	19.07.2000	SXCT	Nghệ An
1186	50817801	PHAM HOAI THUONG	Nữ	01.11.1999	SXCT	Nghệ An
1187	50817806	NGUYEN VAN LONG	Nam	12.10.1996	SXCT	Nghệ An
1188	50817807	TRAN DINH AN	Nam	12.09.1998	SXCT	Nghệ An
1189	50817808	TRINH XUAN VUNG	Nam	20.01.2001	SXCT	Nghệ An
1190	50817809	NGUYEN CANH TUAN	Nam	27.03.2004	SXCT	Nghệ An
1191	50817812	LE DINH HUNG	Nam	18.03.2005	SXCT	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1192	50817815	TRAN VAN KHANH	Nam	13.04.2007	SXCT	Nghệ An
1193	50817816	HOANG XUAN MAI	Nữ	11.04.2007	SXCT	Nghệ An
1194	50817819	TRAN THI LOAN	Nữ	10.04.1999	SXCT	Nghệ An
1195	50817823	HA VAN MINH	Nam	19.06.2001	SXCT	Nghệ An
1196	50817826	DUONG THI TRA	Nữ	10.02.2006	SXCT	Nghệ An
1197	50817827	HO THI NHU	Nữ	18.09.2006	SXCT	Nghệ An
1198	50817831	LUU DINH NGOC	Nam	02.02.1996	SXCT	Nghệ An
1199	50817835	NGUYEN VAN THAI HOANG	Nam	28.07.2007	SXCT	Nghệ An
1200	50817837	HO VAN HOANG	Nam	08.11.2002	SXCT	Nghệ An
1201	50817840	LE XUAN PHI	Nam	08.05.2000	SXCT	Nghệ An
1202	50817841	NGUYEN VAN THINH	Nam	09.11.1997	SXCT	Nghệ An
1203	50817848	LE THI DUYEN	Nữ	16.11.1999	SXCT	Nghệ An
1204	50817853	TRINH XUAN HA	Nam	26.07.2004	SXCT	Nghệ An
1205	50817856	NGUYEN HUU LOC	Nam	24.01.2004	SXCT	Nghệ An
1206	50817857	BUI NGOC DIEP	Nữ	29.10.2007	SXCT	Nghệ An
1207	50817858	NGUYEN THI HA AN	Nữ	08.08.2007	SXCT	Nghệ An
1208	50817859	PHAN THI KHANH HUYEN	Nữ	09.01.2007	SXCT	Nghệ An
1209	50817863	LE TRUNG DUNG	Nam	20.09.1994	SXCT	Nghệ An
1210	50817864	NGUYEN TRONG BAO	Nam	09.07.2006	SXCT	Nghệ An
1211	50817865	NGUYEN VAN SON	Nam	30.10.1999	SXCT	Nghệ An
1212	50817868	NGUYEN VAN BANG	Nam	06.01.1999	SXCT	Nghệ An
1213	50817871	LE DINH DANG	Nam	21.08.1999	SXCT	Nghệ An
1214	50817872	HOANG THI NA	Nữ	15.01.1999	SXCT	Nghệ An
1215	50817876	NGUYEN DUC QUAN	Nam	24.08.1996	SXCT	Nghệ An
1216	50817879	HOANG DANH NHUNG	Nam	12.08.1995	SXCT	Nghệ An
1217	50817883	NGUYEN THI HUONG	Nữ	15.09.1991	SXCT	Nghệ An
1218	50817884	NGUYEN THI HIEN	Nữ	30.01.2004	SXCT	Nghệ An
1219	50817889	LE THI THUY MO	Nữ	12.01.2007	SXCT	Nghệ An
1220	50817890	PHAM THI KHANH LINH	Nữ	12.07.2006	SXCT	Nghệ An
1221	50817892	NGUYEN THI THAO	Nữ	16.04.1998	SXCT	Nghệ An
1222	50817894	LE SY BAO	Nam	02.02.2004	SXCT	Nghệ An
1223	50817897	HOANG VAN DUNG	Nam	05.03.2007	SXCT	Nghệ An
1224	50817898	NGUYEN XUAN PHONG	Nam	16.11.2007	SXCT	Nghệ An
1225	50817899	NGUYEN MANH HO	Nam	30.12.2003	SXCT	Nghệ An
1226	50817905	PHAM VAN DIEP	Nam	10.12.1993	SXCT	Nghệ An
1227	50817908	LE VIET HOANG	Nam	22.09.2002	SXCT	Nghệ An
1228	50817910	DINH VAN QUYEN	Nam	03.04.2004	SXCT	Nghệ An
1229	50817911	VI DUC TRUNG	Nam	06.12.1993	SXCT	Nghệ An
1230	50817912	BUI THI QUYNH TRANG	Nữ	10.02.2006	SXCT	Nghệ An
1231	50817914	PHAM VAN TRUONG	Nam	15.05.1989	SXCT	Nghệ An
1232	50817917	VI VAN QUOC	Nam	15.07.2006	SXCT	Nghệ An
1233	50817920	BUI DINH DU	Nam	18.09.1998	SXCT	Nghệ An
1234	50817924	NGUYEN THE HAN	Nam	24.01.2000	SXCT	Nghệ An
1235	50817937	PHAM ANH TUAN	Nam	14.10.2006	SXCT	Nghệ An
1236	50817939	LE THI CUONG	Nữ	16.03.1990	SXCT	Nghệ An
1237	50817940	LUONG THI THANH HUYEN	Nữ	06.07.2001	SXCT	Nghệ An
1238	50817941	PHAM TIEN LONG	Nam	21.09.2002	SXCT	Nghệ An
1239	50817943	DINH THI VUI	Nữ	04.01.2007	SXCT	Nghệ An
1240	50817949	TRAN VAN NGOC	Nam	14.12.2004	SXCT	Nghệ An
1241	50817951	HOANG QUANG HUY	Nam	06.07.2006	SXCT	Nghệ An
1242	50817966	HOANG HUU TUNG	Nam	01.03.1989	SXCT	Nghệ An
1243	50817970	TRAN THI LINH PHUONG	Nữ	03.07.1995	SXCT	Nghệ An
1244	50817972	TRAN NGOC TIEN	Nam	05.08.2005	SXCT	Nghệ An
1245	50817980	VU THI SONG	Nữ	02.03.2006	SXCT	Nghệ An
1246	50817982	LE THI HAU	Nữ	05.02.2004	SXCT	Nghệ An
1247	50817984	NGUYEN THI DUYEN	Nữ	01.02.2004	SXCT	Nghệ An
1248	50817985	TRAN THI NHAN	Nữ	26.02.1999	SXCT	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1249	50817986	LUONG THI VIET TRINH	Nữ	18.12.2006	SXCT	Nghệ An
1250	50817988	NGUYEN DUY HOA	Nam	26.03.1996	SXCT	Nghệ An
1251	50817989	TRAN THI MO	Nữ	29.03.1998	SXCT	Nghệ An
1252	50817991	LE TIEU QUYEN	Nữ	12.12.2004	SXCT	Nghệ An
1253	50817993	TRAN THI PHUONG THAO	Nữ	01.02.2005	SXCT	Nghệ An
1254	50817996	TRAN THI THOM	Nữ	06.08.2003	SXCT	Nghệ An
1255	50818000	GIAN XUAN HOAN	Nam	23.11.1990	SXCT	Nghệ An
1256	50818001	NGUYEN DINH HOANG	Nam	02.04.2005	SXCT	Nghệ An
1257	50818004	TRAN VAN SON	Nam	18.04.1988	SXCT	Nghệ An
1258	50818005	TRUONG VAN DIEM	Nam	04.01.1997	SXCT	Nghệ An
1259	50818009	NGUYEN HUU TU	Nam	29.05.2004	SXCT	Nghệ An
1260	50818012	NGUYEN QUANG ANH	Nam	07.01.2003	SXCT	Nghệ An
1261	50818016	NGUYEN VAN THANG	Nam	28.07.2007	SXCT	Nghệ An
1262	50818019	NGO VAN THANH	Nam	11.08.2007	SXCT	Nghệ An
1263	50818020	TRAN VAN HOANG	Nam	14.04.1998	SXCT	Nghệ An
1264	50818022	NGUYEN TRONG TIEN	Nam	17.01.1993	SXCT	Nghệ An
1265	50818023	NGUYEN VAN TIEN	Nam	01.08.1993	SXCT	Nghệ An
1266	50818024	BUI HUU HOANG	Nam	26.01.2004	SXCT	Nghệ An
1267	50818026	HA DUC DUONG	Nam	26.06.1993	SXCT	Nghệ An
1268	50818027	DAO VAN HUONG	Nam	15.11.2005	SXCT	Nghệ An
1269	50818029	VO THI ANH	Nữ	12.12.1999	SXCT	Nghệ An
1270	50818032	BUI HUY TRUNG	Nam	28.03.2007	SXCT	Nghệ An
1271	50818035	VU VAN NHAT	Nam	13.12.2007	SXCT	Nghệ An
1272	50818038	NGUYEN XUAN DUY	Nam	19.07.2004	SXCT	Nghệ An
1273	50818045	LE VAN VUONG	Nam	10.11.1990	SXCT	Nghệ An
1274	50818046	TRINH XUAN VU	Nam	24.06.2004	SXCT	Nghệ An
1275	50818047	LE DANG THANG	Nam	11.05.1995	SXCT	Nghệ An
1276	50818050	NGUYEN VAN TIEN	Nam	10.02.2002	SXCT	Nghệ An
1277	50818052	PHAN BUI DUC	Nam	01.05.2002	SXCT	Nghệ An
1278	50818054	NGUYEN THI HA	Nữ	02.08.1992	SXCT	Nghệ An
1279	50818055	LUU THI PHUONG	Nữ	30.11.1996	SXCT	Nghệ An
1280	50818058	TRAN THI THUONG	Nữ	18.02.1995	SXCT	Nghệ An
1281	50818063	NGUYEN HUU TAI	Nam	14.10.1991	SXCT	Nghệ An
1282	50818064	NGUYEN NHU PHUONG LAM	Nam	31.12.2007	SXCT	Nghệ An
1283	50818066	DANG BA LUONG	Nam	20.11.2004	SXCT	Nghệ An
1284	50818071	TRAN VAN NGHIA	Nam	09.08.2004	SXCT	Nghệ An
1285	50818073	PHAM VAN QUY	Nam	16.07.1992	SXCT	Nghệ An
1286	50818074	HO VAN CUONG	Nam	13.06.2005	SXCT	Nghệ An
1287	50818077	HOANG DUC MINH	Nam	13.08.2004	SXCT	Nghệ An
1288	50818085	HOANG THI HANG	Nữ	20.09.2004	SXCT	Nghệ An
1289	50818089	DU MAI KHANH LINH	Nữ	06.08.2006	SXCT	Nghệ An
1290	50818108	TRAN XUAN CUONG	Nam	26.11.2006	SXCT	Nghệ An
1291	50818109	TRAN DINH TRUONG	Nam	05.09.2004	SXCT	Nghệ An
1292	50818110	PHAN THANH TAM	Nam	23.10.2003	SXCT	Nghệ An
1293	50818111	NGUYEN THI MAI	Nữ	11.09.2005	SXCT	Nghệ An
1294	50818120	NGUYEN DUC HIEP	Nam	29.08.1995	SXCT	Nghệ An
1295	50818121	LE VAN THANG	Nam	18.02.1993	SXCT	Nghệ An
1296	50818123	HO NGOC SON	Nam	21.08.2005	SXCT	Nghệ An
1297	50818126	PHAM VAN HOANG	Nam	05.01.2003	SXCT	Nghệ An
1298	50818132	DAU THI NGOC	Nữ	21.10.2007	SXCT	Nghệ An
1299	50818134	HO THI NGA	Nữ	01.09.1997	SXCT	Nghệ An
1300	50818135	LE THI DUYEN	Nữ	17.12.2005	SXCT	Nghệ An
1301	50818137	NGUYEN DINH DUC	Nam	09.09.2006	SXCT	Nghệ An
1302	50818138	NGUYEN XUAN TRUNG	Nam	10.11.2006	SXCT	Nghệ An
1303	50818139	NGUYEN THI THUY HANG	Nữ	05.01.2006	SXCT	Nghệ An
1304	50818141	LE VAN DANH	Nam	02.04.2005	SXCT	Nghệ An
1305	50818144	DINH THI LINH	Nữ	29.11.2005	SXCT	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1306	50818146	LO THI HONG SEN	Nữ	13.09.2005	SXCT	Nghệ An
1307	50818147	NGUYEN THI LUA	Nữ	30.07.2001	SXCT	Nghệ An
1308	50818148	HO TUAN ANH	Nam	21.11.2003	SXCT	Nghệ An
1309	50818149	NGUYEN DANG KHOA	Nam	04.12.2006	SXCT	Nghệ An
1310	50818150	LE THANH MINH	Nam	21.10.2006	SXCT	Nghệ An
1311	50818153	TRUONG THI TRA GIANG	Nữ	17.05.2006	SXCT	Nghệ An
1312	50818156	NGUYEN DUC HUU	Nam	10.09.2001	SXCT	Nghệ An
1313	50818158	NGUYEN HUU DUC	Nam	20.02.2001	SXCT	Nghệ An
1314	50818159	TRAN LE ANH QUAN	Nam	24.06.2006	SXCT	Nghệ An
1315	50818160	DAU DINH LUC	Nam	24.11.2006	SXCT	Nghệ An
1316	50818163	VO THI THUY HANG	Nữ	21.09.2001	SXCT	Nghệ An
1317	50818165	LO THI THOM	Nữ	12.07.2006	SXCT	Nghệ An
1318	50818167	LO THI NGOC HAI	Nữ	17.12.2006	SXCT	Nghệ An
1319	50818173	NGO THI KIM THU	Nữ	29.10.2001	SXCT	Nghệ An
1320	50818175	NGO DANG CAT TUONG	Nam	12.05.2004	SXCT	Nghệ An
1321	50818176	LE DUY SON	Nam	28.08.2004	SXCT	Nghệ An
1322	50818181	LE VAN KIEN	Nam	06.04.2001	SXCT	Nghệ An
1323	50818187	PHAN VAN VU	Nam	08.01.2003	SXCT	Nghệ An
1324	50818191	NGUYEN VAN THE	Nam	15.07.2000	SXCT	Nghệ An
1325	50818203	NGUYEN ANH TUAN	Nam	01.06.2003	SXCT	Nghệ An
1326	50818204	CHU NGOC HOANG	Nam	17.10.1998	SXCT	Nghệ An
1327	50818218	CAO THI HA	Nữ	02.03.1998	SXCT	Nghệ An
1328	50818220	NGUYEN KHAC NGHIA	Nam	12.12.1987	SXCT	Nghệ An
1329	50818224	NGUYEN HOANG TRUNG	Nam	01.11.2000	SXCT	Nghệ An
1330	50818227	TRAN VAN TOAN	Nam	04.11.1992	SXCT	Nghệ An
1331	50818231	PHAN VAN LUC	Nam	11.08.2001	SXCT	Nghệ An
1332	50818235	NGUYEN VAN DAI	Nam	10.02.2005	SXCT	Nghệ An
1333	50818236	NGUYEN TUAN KHANG	Nam	15.04.2006	SXCT	Nghệ An
1334	50818239	HOANG YEN NHI	Nữ	24.07.2006	SXCT	Nghệ An
1335	50818241	LE THI LE	Nữ	01.05.2003	SXCT	Nghệ An
1336	50818242	TRUONG VAN PHAN	Nam	01.07.1992	SXCT	Nghệ An
1337	50818255	HOANG VAN BA	Nam	01.02.2000	SXCT	Nghệ An
1338	50818260	LE XUAN PHONG	Nam	11.05.2005	SXCT	Nghệ An
1339	50818262	LUU THANH HAO	Nam	17.07.2006	SXCT	Nghệ An
1340	50818275	VI VAN HOA	Nam	29.06.2001	SXCT	Nghệ An
1341	50818283	HOANG NGHIA THANH DAT	Nam	07.02.2005	SXCT	Nghệ An
1342	50818284	NGUYEN BINH AN	Nam	21.07.2000	SXCT	Nghệ An
1343	50818294	NGUYEN DUONG THE NHAT	Nam	31.01.2007	SXCT	Nghệ An
1344	50818296	DOAN THI CAM TU	Nữ	01.02.1992	SXCT	Nghệ An
1345	50818297	HOANG THI HAI YEN	Nữ	08.02.2005	SXCT	Nghệ An
1346	50818299	PHAN TU THANH	Nam	20.04.2006	SXCT	Nghệ An
1347	50818300	PHAN ANH TUAN	Nam	17.10.2006	SXCT	Nghệ An
1348	50818303	DINH THI PHUONG ANH	Nữ	20.08.1998	SXCT	Nghệ An
1349	50818304	NGUYEN THI HOAI	Nữ	08.12.2001	SXCT	Nghệ An
1350	50818311	NGUYEN GIAO HOI	Nam	25.03.1997	SXCT	Nghệ An
1351	50818315	NGUYEN NGOC THANH	Nam	16.10.2005	SXCT	Nghệ An
1352	50818332	NGUYEN VAN TOAN	Nam	25.08.1995	SXCT	Nghệ An
1353	50818334	NGUYEN VAN DUONG	Nam	23.11.1990	SXCT	Nghệ An
1354	50818342	VO VAN HOAI	Nam	12.12.1997	SXCT	Nghệ An
1355	50818351	BUI THI THUY	Nữ	28.10.1995	SXCT	Nghệ An
1356	50818352	BUI THE THIN	Nam	15.04.2000	SXCT	Nghệ An
1357	50818354	NGUYEN QUY VU	Nam	19.12.2004	SXCT	Nghệ An
1358	50818360	NGUYEN THI NGOC DIEP	Nữ	09.07.2006	SXCT	Nghệ An
1359	50818366	NGUYEN VAN TRUONG	Nam	20.11.2004	SXCT	Nghệ An
1360	51010015	VO VIET DAI	Nam	30.07.2002	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1361	51010016	VO XUAN HOAN	Nam	12.01.2005	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1362	51010017	TRAN DINH BAC	Nam	06.02.2005	Công nghiệp gốc	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1363	51010018	DAU DUC CONG	Nam	07.08.1991	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1364	51010019	NGUYEN DINH GIANG	Nam	15.09.1992	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1365	51010020	VU THANH DO	Nam	17.04.2005	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1366	51010021	NGUYEN VAN MINH	Nam	22.08.1998	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1367	51010022	LE DINH QUAN	Nam	10.10.2004	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1368	51010023	HO HUU MANH	Nam	19.05.2002	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1369	51010024	NGUYEN HONG NGOC	Nam	02.07.1996	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1370	51010026	DAU VAN GIANG	Nam	06.04.1997	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1371	51010027	DUONG DINH PHU	Nam	03.05.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1372	51010028	TRAN DINH BAO	Nam	06.02.2000	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1373	51010029	LE VAN DAT	Nam	25.12.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1374	51010030	THAI KHAC PHI	Nam	30.05.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1375	51010031	BUI TRONG VINH	Nam	02.11.2002	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1376	51010033	VI THANH HIEU	Nam	24.05.1998	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1377	51010034	HO CONG TRINH	Nam	10.04.2000	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1378	51210045	TRAN VAN TU	Nam	15.08.1990	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1379	51210046	NGUYEN VAN QUY	Nam	01.01.1994	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1380	51210047	NGUYEN HUU TAM	Nam	17.04.1989	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1381	51210049	TRAN DUY THAI	Nam	11.05.1992	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1382	51210050	VU VAN MINH	Nam	08.01.2005	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1383	51210051	TRAN PHUC LAU	Nam	23.01.1995	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1384	51210052	HOANG VAN PHU QUY	Nam	06.12.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1385	51210055	NGUYEN VAN KHOI	Nam	20.10.1987	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1386	51210056	SAM THANH DAT	Nam	21.09.2004	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1387	51210057	LAI VAN TRONG	Nam	26.12.1987	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1388	51210059	TRAN KHANH DUY	Nam	21.10.2005	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1389	51210060	NGUYEN MANH HUNG	Nam	19.06.1986	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1390	51210061	TRAN MINH TRUNG	Nam	22.09.2005	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1391	51210062	TRAN ANH TUAN	Nam	23.09.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1392	51210063	NGUYEN KIM HIEU	Nam	11.05.1998	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1393	51210064	HOANG NGHIA THONG	Nam	21.08.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1394	51210065	LE VAN LOC	Nam	07.03.1994	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1395	51210066	NGUYEN XUAN BAU	Nam	07.08.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1396	51210067	VU VIET HUAN	Nam	22.03.2002	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1397	51210068	NGO VAN DUC	Nam	24.05.2002	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1398	51210069	NGUYEN CONG HOANG	Nam	14.04.2006	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1399	51210070	TRAN VAN LINH	Nam	04.04.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1400	51210071	TRAN VAN TAM	Nam	20.07.2004	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1401	51210072	PHAM ANH TUAN	Nam	06.05.2004	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1402	51210073	PHAM VAN HOA	Nam	28.10.1998	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1403	51210074	VO MINH SI	Nam	15.09.2005	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1404	51210075	NGUYEN BA DO	Nam	05.10.2004	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1405	51210076	NGUYEN PHAN VAN ANH	Nam	08.11.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1406	51210077	BUI DUC HIEU	Nam	14.01.1994	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1407	51210078	HOANG DINH HIEU	Nam	09.01.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1408	51210079	NGUYEN VAN TIEN	Nam	01.05.2002	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1409	51210080	PHAM DINH KHAI	Nam	20.07.1998	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1410	51210081	CAO TIEN MANH	Nam	13.08.2002	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1411	51210082	HOANG NGOC CONG	Nam	24.08.1990	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1412	51210083	LE VAN THAN	Nam	27.02.1993	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1413	51210084	PHAM DUC TRUNG	Nam	19.02.1998	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1414	51210085	NGUYEN VAN PHUONG	Nam	01.04.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1415	51210087	HOANG VU VINH	Nam	06.11.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1416	51210088	DOAN THAI HOANG	Nam	22.09.2003	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1417	51210089	NGUYEN DUC TUAN	Nam	09.11.2005	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1418	51210090	PHAN DUC THUONG	Nam	06.07.2004	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1419	51210091	AU VAN TUAN	Nam	20.08.1994	Công nghiệp gốc	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1420	51210092	TRAN PHUC NAM	Nam	25.01.2004	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1421	51210093	NGUYEN XUAN CUONG	Nam	10.08.1995	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1422	51210094	LE VAN THANG	Nam	29.12.2005	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1423	51210095	NGUYEN CONG HOAN	Nam	26.01.1991	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1424	51210096	DAU DUC DUONG	Nam	30.11.2000	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1425	51210098	LE DANG KHANH	Nam	03.03.1994	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1426	51210099	PHAM VAN CHANH	Nam	26.09.1989	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1427	51210100	DUONG ANH DUC	Nam	27.06.1998	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1428	51210102	NGUYEN QUOC ANH HIEU	Nam	03.10.2004	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1429	51210103	CAO DANG LUONG	Nam	21.10.2001	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1430	51210105	NGUYEN VAN HOANG	Nam	06.10.1988	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1431	51210106	DUONG TRAN TUAN LAP	Nam	01.03.2005	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1432	51210108	PHAM HONG TRUONG	Nam	26.08.2006	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1433	51210109	DUONG VAN HOANG	Nam	29.01.1996	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1434	51210110	TRAN HUU CONG	Nam	07.12.2004	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1435	51210111	HO BA QUYEN	Nam	19.12.2006	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1436	51210117	CAO XUAN THI	Nam	01.08.2001	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1437	51210118	NGUYEN HUU TRUONG	Nam	01.04.2005	Công nghiệp gốc	Nghệ An
1438	50310061	PHAM VAN QUY BAU	Nam	18.09.1989	Ngư nghiệp	Ninh Bình
1439	50310062	TRUONG THI LA	Nữ	03.10.1989	Ngư nghiệp	Ninh Bình
1440	50310063	VU XUAN GIANG	Nam	16.05.1997	Ngư nghiệp	Ninh Bình
1441	50310065	DINH CONG MINH	Nam	01.01.2004	Ngư nghiệp	Ninh Bình
1442	50310066	BUI MINH HUNG	Nam	04.08.2004	Ngư nghiệp	Ninh Bình
1443	50803604	VU TUAN DAT	Nam	30.09.1998	SXCT	Ninh Bình
1444	50803605	TRAN DUC TAM	Nam	31.05.2006	SXCT	Ninh Bình
1445	50803607	PHAM THI TUOI	Nữ	04.02.2000	SXCT	Ninh Bình
1446	50803609	DOAN VAN NGHIA	Nam	29.05.1993	SXCT	Ninh Bình
1447	50803613	DINH THI LAN ANH	Nữ	18.07.2004	SXCT	Ninh Bình
1448	50803615	NINH THI QUYNH	Nữ	21.04.2004	SXCT	Ninh Bình
1449	50803618	NGUYEN HONG THOM	Nữ	03.09.2003	SXCT	Ninh Bình
1450	50803622	LUC VAN GIANG	Nam	12.10.2003	SXCT	Ninh Bình
1451	50803623	VU DINH DUY	Nam	01.03.2003	SXCT	Ninh Bình
1452	50803626	VU MANH TINH	Nam	13.11.2003	SXCT	Ninh Bình
1453	50803627	NGO THI LE THU	Nữ	08.10.2001	SXCT	Ninh Bình
1454	50803632	PHUNG THI THANH THAO	Nữ	08.03.2004	SXCT	Ninh Bình
1455	50803635	NGUYEN THANH QUANG	Nam	04.04.2005	SXCT	Ninh Bình
1456	50803636	PHAM CONG THUC	Nam	26.02.2004	SXCT	Ninh Bình
1457	50803637	LAI THI THANH THU	Nữ	14.08.2006	SXCT	Ninh Bình
1458	50803640	DO NGOC TOAN	Nam	19.07.2001	SXCT	Ninh Bình
1459	50803642	NGUYEN THANH LUAN	Nam	16.08.1998	SXCT	Ninh Bình
1460	50803643	DO TIEN HUNG	Nam	19.08.1994	SXCT	Ninh Bình
1461	50803645	NGUYEN VAN HOA	Nam	17.07.2002	SXCT	Ninh Bình
1462	50803647	PHAM TRAN HOAI PHUONG	Nữ	30.03.2002	SXCT	Ninh Bình
1463	50803652	NGUYEN KHAC TIEP	Nam	12.02.2001	SXCT	Ninh Bình
1464	50803658	PHAM THE DAT	Nam	06.05.2006	SXCT	Ninh Bình
1465	50803659	VU THI YEN VY	Nữ	08.04.2006	SXCT	Ninh Bình
1466	50803661	LE XUAN TUYEN	Nam	23.10.2006	SXCT	Ninh Bình
1467	50803663	BUI DINH TU	Nam	12.08.2002	SXCT	Ninh Bình
1468	50803666	TRINH THI THANH THUY	Nữ	07.02.2000	SXCT	Ninh Bình
1469	50803668	HO THI MAI SUONG	Nữ	01.08.2000	SXCT	Ninh Bình
1470	50803669	NGUYEN VAN VINH	Nam	29.08.1997	SXCT	Ninh Bình
1471	50803670	NGO VAN NHAT	Nam	19.04.2005	SXCT	Ninh Bình
1472	50803673	TRAN THI QUYNH HOA	Nữ	02.08.2006	SXCT	Ninh Bình
1473	50803676	DO THI LE UYEN	Nữ	10.10.2005	SXCT	Ninh Bình
1474	50803677	VU DINH NGHIA	Nam	03.12.2003	SXCT	Ninh Bình
1475	50803678	VU MINH QUAN	Nam	09.07.2005	SXCT	Ninh Bình
1476	50803679	TA HAI THINH	Nam	10.03.1999	SXCT	Ninh Bình

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1477	50803682	NGUYEN XUAN KHAI	Nam	12.11.1995	SXCT	Ninh Bình
1478	50803683	HOANG VAN KHOI	Nam	01.10.1998	SXCT	Ninh Bình
1479	50803686	DANG LUONG TUAN ANH	Nam	20.09.2006	SXCT	Ninh Bình
1480	50803687	LUU THI TRANG	Nữ	18.12.2006	SXCT	Ninh Bình
1481	50803690	NGUYEN HONG THAM	Nữ	12.02.2003	SXCT	Ninh Bình
1482	50803693	NGUYEN VAN CHIEU	Nam	06.03.1998	SXCT	Ninh Bình
1483	50803694	LUONG THI PHUONG UYEN	Nữ	11.09.2007	SXCT	Ninh Bình
1484	50803695	PHAN VAN CONG	Nam	07.09.2007	SXCT	Ninh Bình
1485	50803696	DOAN HUY HIEU	Nam	17.12.2007	SXCT	Ninh Bình
1486	50803699	TRAN XUAN TRUONG	Nam	03.04.2005	SXCT	Ninh Bình
1487	50803700	PHAM HONG QUAN	Nam	26.11.2003	SXCT	Ninh Bình
1488	50803707	NGUYEN VAN DUC	Nam	20.05.1999	SXCT	Ninh Bình
1489	50803708	NGUYEN THI LE QUYEN	Nữ	24.02.2007	SXCT	Ninh Bình
1490	50803709	NGUYEN THI KHANH HUYEN	Nữ	24.02.2007	SXCT	Ninh Bình
1491	50803712	VU THI THANH HOAI	Nữ	07.11.2007	SXCT	Ninh Bình
1492	50803713	NGO DUC LONG	Nam	29.03.2005	SXCT	Ninh Bình
1493	50803716	DAO MANH VY	Nam	07.08.2001	SXCT	Ninh Bình
1494	50803717	NGUYEN VINH QUANG	Nam	13.08.2001	SXCT	Ninh Bình
1495	50803718	TRAN VAN TUAN	Nam	16.10.2006	SXCT	Ninh Bình
1496	50803720	HOANG MANH HUA	Nam	01.04.2001	SXCT	Ninh Bình
1497	50803721	PHAM THI DIEM QUYNH	Nữ	02.06.2001	SXCT	Ninh Bình
1498	50803722	HOANG VAN DUNG	Nam	24.07.1997	SXCT	Ninh Bình
1499	50803723	VU VIET TRONG	Nam	27.12.2002	SXCT	Ninh Bình
1500	50803724	NGUYEN THI NGOC HOA	Nữ	19.12.2006	SXCT	Ninh Bình
1501	50803727	NGUYEN QUOC TOAN	Nam	23.07.2003	SXCT	Ninh Bình
1502	50803728	TRAN CONG VINH	Nam	01.01.2006	SXCT	Ninh Bình
1503	50803729	DO THI BICH NGOC	Nữ	14.05.2004	SXCT	Ninh Bình
1504	50803735	QUACH VAN HAI	Nam	28.05.2002	SXCT	Ninh Bình
1505	50803740	NGUYEN QUANG VINH	Nam	29.07.2006	SXCT	Ninh Bình
1506	50803741	NGUYEN VAN HIEP	Nam	24.07.2003	SXCT	Ninh Bình
1507	50803744	HOANG THANH LAM	Nữ	18.03.2005	SXCT	Ninh Bình
1508	50803747	DANG NGOC DUY	Nam	24.02.2006	SXCT	Ninh Bình
1509	50803753	PHAN HOANG VIET	Nam	19.01.2000	SXCT	Ninh Bình
1510	50803754	TRAN HAI NAM	Nam	17.09.2007	SXCT	Ninh Bình
1511	50803757	DAO VAN NAM	Nam	07.06.1997	SXCT	Ninh Bình
1512	50803759	NINH XUAN NHAN	Nam	10.12.2005	SXCT	Ninh Bình
1513	50803761	NGUYEN VAN HIEN	Nam	13.01.1995	SXCT	Ninh Bình
1514	50803763	DAO HOANG TIEN	Nam	11.11.2007	SXCT	Ninh Bình
1515	50803764	NGUYEN THI QUYEN	Nữ	28.11.2007	SXCT	Ninh Bình
1516	50803769	NGUYEN THI HANH	Nữ	20.05.1992	SXCT	Ninh Bình
1517	50803771	DO VAN TRUONG	Nam	12.11.2004	SXCT	Ninh Bình
1518	50803772	NGUYEN MINH THAO	Nam	17.11.2004	SXCT	Ninh Bình
1519	50803774	NINH DUC HAI	Nam	29.09.2002	SXCT	Ninh Bình
1520	50803776	DUONG THI HUONG QUYNH	Nữ	04.08.2001	SXCT	Ninh Bình
1521	50803777	DUONG THI VAN HUONG	Nữ	06.10.1997	SXCT	Ninh Bình
1522	50803778	TRIEU HUY QUYET	Nam	19.03.2002	SXCT	Ninh Bình
1523	50803779	NGUYEN THI THANH THAO	Nữ	18.05.2003	SXCT	Ninh Bình
1524	50803781	HOANG THI PHUONG DUYEN	Nữ	03.03.2007	SXCT	Ninh Bình
1525	50803782	NGUYEN MUOI LANG	Nam	22.11.2004	SXCT	Ninh Bình
1526	50803783	DINH THI THU THANH	Nữ	18.12.1998	SXCT	Ninh Bình
1527	50803784	DO THUY LINH	Nữ	26.11.2007	SXCT	Ninh Bình
1528	50803786	HOANG THE ANH	Nam	15.06.1990	SXCT	Ninh Bình
1529	50803788	DO HUY HOANG	Nam	05.06.2006	SXCT	Ninh Bình
1530	50803789	PHAM THI NGA	Nữ	15.01.1991	SXCT	Ninh Bình
1531	50803791	PHAM NGOC VIET	Nam	16.05.2002	SXCT	Ninh Bình
1532	50803792	NGUYEN KHANH HOA	Nam	02.04.2002	SXCT	Ninh Bình
1533	50803796	VU THI HONG GAM	Nữ	14.09.2001	SXCT	Ninh Bình

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1534	50803797	TRAN THI NGOC CHAM	Nữ	14.02.2007	SXCT	Ninh Bình
1535	50803798	NGUYEN XUAN TRA	Nam	26.12.2002	SXCT	Ninh Bình
1536	50803802	LE DUY KHANH	Nam	23.12.1993	SXCT	Ninh Bình
1537	50803804	PHAM VAN DU	Nam	14.03.2000	SXCT	Ninh Bình
1538	50803805	TRAN THI MUNG	Nữ	10.10.1995	SXCT	Ninh Bình
1539	50803809	NGUYEN VAN NAM	Nam	27.07.2003	SXCT	Ninh Bình
1540	50803810	NGUYEN DUC HOANG	Nam	13.12.2002	SXCT	Ninh Bình
1541	50803816	TRAN LONG VU	Nam	27.08.2003	SXCT	Ninh Bình
1542	50803817	NGUYEN THI HANH	Nữ	26.01.2002	SXCT	Ninh Bình
1543	50803822	PHAM VIET HOANG	Nam	18.02.2000	SXCT	Ninh Bình
1544	50803826	LAI THI PHUONG ANH	Nữ	26.11.2004	SXCT	Ninh Bình
1545	50803828	TRAN KIM KHANH	Nữ	03.01.2007	SXCT	Ninh Bình
1546	50803835	PHAM THI TUYET	Nữ	08.12.1996	SXCT	Ninh Bình
1547	50803836	NGUYEN VAN DINH	Nam	17.06.1999	SXCT	Ninh Bình
1548	50803838	NGUYEN VAN TUONG	Nam	14.04.1990	SXCT	Ninh Bình
1549	50803840	BUI TUAN DAT	Nam	21.12.2005	SXCT	Ninh Bình
1550	50803841	TRAN VAN LONG	Nam	05.08.1995	SXCT	Ninh Bình
1551	50803843	TRAN THI NGOC LAN	Nữ	21.10.2007	SXCT	Ninh Bình
1552	50803846	LE VAN QUY	Nam	09.03.2006	SXCT	Ninh Bình
1553	50803847	NGUYEN VAN BAC	Nam	21.03.1993	SXCT	Ninh Bình
1554	50803849	NGUYEN VAN THONG	Nam	26.11.2004	SXCT	Ninh Bình
1555	50803850	LE QUANG KIEM	Nam	01.01.2006	SXCT	Ninh Bình
1556	50803854	DANG NGOC DAI	Nam	13.07.1991	SXCT	Ninh Bình
1557	50803855	PHAM VAN THAI	Nam	24.09.2001	SXCT	Ninh Bình
1558	50803858	NGUYEN DUC GIANG	Nam	21.10.2003	SXCT	Ninh Bình
1559	50803860	PHAM THI HUYEN VY	Nữ	17.05.2007	SXCT	Ninh Bình
1560	50803861	TRAN DUC HUNG	Nam	09.10.2003	SXCT	Ninh Bình
1561	50803862	BUI VAN PHONG	Nam	10.04.2005	SXCT	Ninh Bình
1562	50803865	LE VAN HUY	Nam	25.10.2005	SXCT	Ninh Bình
1563	50803870	PHAN VAN SON	Nam	31.01.2006	SXCT	Ninh Bình
1564	50803872	DOAN TIEN DAT	Nam	13.09.2007	SXCT	Ninh Bình
1565	50803875	DAO TRUNG PHONG	Nam	04.06.2000	SXCT	Ninh Bình
1566	50803876	TRAN THI DIEM	Nữ	09.09.2005	SXCT	Ninh Bình
1567	50803878	TRAN NHAT TIEP	Nam	20.07.2005	SXCT	Ninh Bình
1568	50803879	BUI QUOC KHANH	Nam	19.09.2004	SXCT	Ninh Bình
1569	50803881	VU NGOC QUAN	Nam	15.04.2004	SXCT	Ninh Bình
1570	50803884	DOAN THI HUYEN	Nữ	18.04.2002	SXCT	Ninh Bình
1571	50803885	LAI THI DUYEN	Nữ	26.06.2005	SXCT	Ninh Bình
1572	50803887	NGUYEN THANH QUAN	Nam	26.03.2005	SXCT	Ninh Bình
1573	50803888	TRAN THI THU UYEN	Nữ	14.06.1999	SXCT	Ninh Bình
1574	50803889	NGUYEN HOAI NAM	Nam	23.08.2002	SXCT	Ninh Bình
1575	50803891	NGUYEN CONG HANH	Nam	25.11.2000	SXCT	Ninh Bình
1576	50803894	VU DUY HOANG	Nam	27.02.2005	SXCT	Ninh Bình
1577	50803895	PHAN TRONG NGHIA	Nam	21.11.1997	SXCT	Ninh Bình
1578	50803896	NGUYEN CONG NAM	Nam	29.10.1989	SXCT	Ninh Bình
1579	50803900	TRUONG TRONG THIEN	Nam	16.07.1999	SXCT	Ninh Bình
1580	50803903	DINH QUANG LUAN	Nam	03.03.1994	SXCT	Ninh Bình
1581	50803904	TRAN DINH HUAN	Nam	05.09.2006	SXCT	Ninh Bình
1582	50803905	TRAN DUY MANH	Nam	14.02.2005	SXCT	Ninh Bình
1583	50803907	BUI VU HAI DUONG	Nam	17.09.2005	SXCT	Ninh Bình
1584	50803908	LAI THI NGOC BICH	Nữ	15.01.2003	SXCT	Ninh Bình
1585	50803910	BUI QUOC VIET	Nam	12.04.2005	SXCT	Ninh Bình
1586	50803916	BUI GIA CUONG	Nam	03.05.2005	SXCT	Ninh Bình
1587	50803917	NGUYEN DUY QUAN	Nam	05.10.2002	SXCT	Ninh Bình
1588	50803918	NGUYEN THI NGOC ANH	Nữ	23.09.2006	SXCT	Ninh Bình
1589	50803922	TRAN THI THU TRANG	Nữ	01.08.2007	SXCT	Ninh Bình
1590	50803924	DO VAN HUONG	Nam	10.08.1991	SXCT	Ninh Bình

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1591	50803928	HOANG THI LUONG	Nữ	09.09.2000	SXCT	Ninh Bình
1592	50803938	DO TIEN DUNG	Nam	10.04.2001	SXCT	Ninh Bình
1593	50803941	TRAN THI THU MINH	Nữ	25.03.2006	SXCT	Ninh Bình
1594	50803943	NGUYEN THI THANH TUYEN	Nữ	13.07.2004	SXCT	Ninh Bình
1595	50803947	DAO CONG SON	Nam	21.01.2003	SXCT	Ninh Bình
1596	50803949	LE VAN TAM	Nam	15.04.1996	SXCT	Ninh Bình
1597	50803950	LE THI MINH	Nữ	02.03.2004	SXCT	Ninh Bình
1598	50803951	BUI QUANG HUY	Nam	07.10.2002	SXCT	Ninh Bình
1599	50803953	LAM QUANG HA	Nam	04.07.2004	SXCT	Ninh Bình
1600	50803954	DANG THI HONG VI	Nữ	17.07.2005	SXCT	Ninh Bình
1601	50803958	BUI KHAC QUYEN	Nam	20.08.1997	SXCT	Ninh Bình
1602	50803961	LE TRONG LAM	Nam	13.11.2006	SXCT	Ninh Bình
1603	50803963	DO VAN THANG	Nam	06.08.2002	SXCT	Ninh Bình
1604	50803966	PHAM HOANG NAM	Nam	26.02.2003	SXCT	Ninh Bình
1605	50803968	DUONG VAN TRUONG	Nam	11.03.2002	SXCT	Ninh Bình
1606	50803969	TRAN DUY DONG	Nam	08.01.2004	SXCT	Ninh Bình
1607	50803973	TRAN VAN NHUAN	Nam	15.04.1995	SXCT	Ninh Bình
1608	50803974	TRAN NHAT HOANG	Nam	28.10.2005	SXCT	Ninh Bình
1609	50803976	TRAN VAN KHANH	Nam	07.06.2005	SXCT	Ninh Bình
1610	50803978	TRAN THI THU LIEN	Nữ	28.10.2004	SXCT	Ninh Bình
1611	50803979	NGUYEN VAN TU	Nam	12.08.2006	SXCT	Ninh Bình
1612	50803980	TO LINH CHI	Nữ	16.08.2005	SXCT	Ninh Bình
1613	50803982	DO QUOC HUY	Nam	25.09.2000	SXCT	Ninh Bình
1614	50803985	PHAM GIA CHINH	Nam	29.08.2006	SXCT	Ninh Bình
1615	50803987	DO VAN NAM	Nam	04.06.2006	SXCT	Ninh Bình
1616	50803990	TRAN VAN NINH	Nam	16.09.2003	SXCT	Ninh Bình
1617	50803993	TRAN HOANG ANH	Nam	06.04.2000	SXCT	Ninh Bình
1618	50803994	TRAN THI TRINH	Nữ	01.07.2000	SXCT	Ninh Bình
1619	50803995	NGUYEN THI LAN HUONG	Nữ	06.08.1998	SXCT	Ninh Bình
1620	50803996	TRAN THI VAN ANH	Nữ	26.01.2007	SXCT	Ninh Bình
1621	50804004	NGUYEN VAN LOC	Nam	07.10.2003	SXCT	Ninh Bình
1622	50804008	LE VAN DAT	Nam	12.12.2004	SXCT	Ninh Bình
1623	50804012	DO THI YEN NHI	Nữ	25.02.1994	SXCT	Ninh Bình
1624	50804013	NGUYEN VAN CONG	Nam	20.07.2002	SXCT	Ninh Bình
1625	50804020	NGUYEN TRA MI	Nữ	01.10.2007	SXCT	Ninh Bình
1626	50804026	NGUYEN VAN HOC	Nam	16.03.2007	SXCT	Ninh Bình
1627	50804033	NGUYEN MANH HUNG	Nam	11.02.2007	SXCT	Ninh Bình
1628	50804034	NGUYEN DUC QUANG	Nam	22.07.2006	SXCT	Ninh Bình
1629	50804036	TRAN VAN NINH	Nam	28.11.2004	SXCT	Ninh Bình
1630	50804042	DINH NGOC HA	Nữ	09.09.2007	SXCT	Ninh Bình
1631	50804044	NGUYEN VAN TUAN	Nam	11.08.2006	SXCT	Ninh Bình
1632	50804046	LE THI LINH	Nữ	01.09.2006	SXCT	Ninh Bình
1633	50804047	DO DUC LUC	Nam	09.06.2000	SXCT	Ninh Bình
1634	50804049	DO VAN NAM	Nam	04.12.2001	SXCT	Ninh Bình
1635	50804050	PHAM QUANG HUY	Nam	13.04.2004	SXCT	Ninh Bình
1636	50804051	VU THI THUY	Nữ	23.11.1996	SXCT	Ninh Bình
1637	50804052	DO QUANG DUNG	Nam	23.08.2004	SXCT	Ninh Bình
1638	50804053	NGUYEN VAN TUAN	Nam	18.02.1998	SXCT	Ninh Bình
1639	50804056	VU KHANH HUNG	Nam	19.10.2006	SXCT	Ninh Bình
1640	50804057	LE MANH HOANG	Nam	20.03.2000	SXCT	Ninh Bình
1641	50804058	TRAN THI HAI	Nữ	20.09.2002	SXCT	Ninh Bình
1642	50804059	NGO AN KHANG	Nam	05.11.2002	SXCT	Ninh Bình
1643	50804060	TRAN THI NGOC LAN	Nữ	11.07.2006	SXCT	Ninh Bình
1644	50804062	CAO ANH TAI	Nam	19.04.2006	SXCT	Ninh Bình
1645	50804064	TRAN QUOC THE	Nam	09.01.2007	SXCT	Ninh Bình
1646	50804066	NGUYEN DUC CHIEN	Nam	10.01.2004	SXCT	Ninh Bình
1647	50804067	LUONG NGOC KHANH	Nam	19.08.2007	SXCT	Ninh Bình

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1648	50804069	NGUYEN CONG MINH	Nam	14.11.2007	SXCT	Ninh Bình
1649	50804071	TRAN LONG VU	Nam	22.03.2000	SXCT	Ninh Bình
1650	50804072	PHAN THANH TRUNG	Nam	29.10.2007	SXCT	Ninh Bình
1651	50804078	BUI DUC THANG	Nam	20.02.2002	SXCT	Ninh Bình
1652	50804079	LAI QUOC THINH	Nam	03.08.2003	SXCT	Ninh Bình
1653	50804082	NGUYEN HONG QUAN	Nam	09.10.2001	SXCT	Ninh Bình
1654	50804086	NGUYEN VAN HUY	Nam	25.08.2006	SXCT	Ninh Bình
1655	50804087	NGUYEN VAN KHANH	Nam	25.01.2006	SXCT	Ninh Bình
1656	50804088	MAI DUY QUANG	Nam	02.02.2007	SXCT	Ninh Bình
1657	50804089	DO TIEN NHAM	Nam	23.01.2003	SXCT	Ninh Bình
1658	50804090	TRAN VUONG QUOC	Nam	16.06.2004	SXCT	Ninh Bình
1659	50804091	TRAN VAN HOANG	Nam	04.08.2007	SXCT	Ninh Bình
1660	50804093	NGUYEN VAN PHUC	Nam	26.04.2005	SXCT	Ninh Bình
1661	50804094	TRUONG QUOC BINH	Nam	17.07.2006	SXCT	Ninh Bình
1662	50804095	LUONG THI THUY LINH	Nữ	04.04.2005	SXCT	Ninh Bình
1663	50804096	PHAM CONG MINH	Nam	06.09.2006	SXCT	Ninh Bình
1664	50804099	NGO VAN DUC	Nam	08.10.2006	SXCT	Ninh Bình
1665	50804100	VU THUY TRANG	Nữ	21.09.2007	SXCT	Ninh Bình
1666	50804101	HOANG VAN HOAN	Nam	17.02.2002	SXCT	Ninh Bình
1667	50804104	NGUYEN TRUNG HIEU	Nam	29.10.2002	SXCT	Ninh Bình
1668	50804105	NGUYEN HUYEN DIEU	Nữ	21.06.2004	SXCT	Ninh Bình
1669	50804106	TRAN THI XUAN MAI	Nữ	30.10.2005	SXCT	Ninh Bình
1670	50804107	TRAN NHU QUYNH	Nữ	16.01.2004	SXCT	Ninh Bình
1671	50804108	NGO THI DIEP	Nữ	23.02.2003	SXCT	Ninh Bình
1672	50804111	NGO THI HUONG GIANG	Nữ	03.08.2007	SXCT	Ninh Bình
1673	50804113	BUI TUAN ANH	Nam	20.10.2005	SXCT	Ninh Bình
1674	50804114	LE DUC TOAN	Nam	22.02.2007	SXCT	Ninh Bình
1675	50804116	NGUYEN DUC MANH	Nam	02.02.2002	SXCT	Ninh Bình
1676	50804119	MAI THUY NGAN	Nữ	10.08.2006	SXCT	Ninh Bình
1677	50804121	NGUYEN THI THU	Nữ	05.03.2007	SXCT	Ninh Bình
1678	50804122	VU NGOC HOANG	Nam	16.06.1999	SXCT	Ninh Bình
1679	50804123	VU DUC TIEN	Nam	07.09.2007	SXCT	Ninh Bình
1680	50804125	DANG THI CHINH	Nữ	09.11.2003	SXCT	Ninh Bình
1681	50804126	DO THI KIM NGAN	Nữ	15.10.2007	SXCT	Ninh Bình
1682	50804130	LAM THANH LONG	Nam	05.01.2007	SXCT	Ninh Bình
1683	50804131	DINH MANH HUNG	Nam	01.03.2003	SXCT	Ninh Bình
1684	50804132	VU SI HIEP	Nam	28.09.2003	SXCT	Ninh Bình
1685	50804133	NGUYEN QUYNH GIAO	Nam	02.06.1990	SXCT	Ninh Bình
1686	50804140	TRAN VAN LINH	Nam	19.12.2004	SXCT	Ninh Bình
1687	50804141	PHAM THI HUE	Nữ	14.02.1993	SXCT	Ninh Bình
1688	50804145	TRAN HAI DANG	Nam	16.08.2007	SXCT	Ninh Bình
1689	50804146	DO THI QUYNH CHI	Nữ	13.11.2007	SXCT	Ninh Bình
1690	50804147	NGO THU HA	Nữ	26.06.2002	SXCT	Ninh Bình
1691	50804150	VU NGOC NINH	Nam	23.12.2007	SXCT	Ninh Bình
1692	50804151	VU HOAI NAM	Nam	30.10.2006	SXCT	Ninh Bình
1693	50804153	NGUYEN MANH DUY	Nam	14.12.2003	SXCT	Ninh Bình
1694	50804154	TRAN THI PHUONG	Nữ	14.02.2002	SXCT	Ninh Bình
1695	50804160	MAI DINH HUAN	Nam	12.06.2006	SXCT	Ninh Bình
1696	50804162	BUI DUY BANG	Nam	12.09.2003	SXCT	Ninh Bình
1697	50804164	VU DINH KHOI	Nam	24.05.2006	SXCT	Ninh Bình
1698	50804165	DINH VAN DAI	Nam	07.08.2003	SXCT	Ninh Bình
1699	50804166	PHAM VAN QUANG	Nam	01.12.2004	SXCT	Ninh Bình
1700	50804170	TRAN DUC THUAN	Nam	06.09.1999	SXCT	Ninh Bình
1701	50804171	TRAN NGOC QUANG	Nam	08.09.1993	SXCT	Ninh Bình
1702	50804172	TRAN TRUNG HIEU	Nam	10.10.2002	SXCT	Ninh Bình
1703	50804176	NGUYEN VAN THAI	Nam	12.09.2006	SXCT	Ninh Bình
1704	50804177	TRAN VAN THO	Nam	02.12.1994	SXCT	Ninh Bình

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1705	50804179	DINH MINH NHAT	Nam	24.06.1995	SXCT	Ninh Bình
1706	50804180	DO THI TIN	Nữ	08.03.1996	SXCT	Ninh Bình
1707	50804183	NGUYEN MANH CUONG	Nam	06.02.2007	SXCT	Ninh Bình
1708	50804189	TRAN VAN HAU	Nam	25.05.2006	SXCT	Ninh Bình
1709	50804190	DOAN DINH PHUC	Nam	25.06.2002	SXCT	Ninh Bình
1710	50804204	TRAN NGOC CUONG	Nam	01.04.2001	SXCT	Ninh Bình
1711	50804205	PHAM NGOC KHANH	Nam	06.05.2003	SXCT	Ninh Bình
1712	50804209	BUI QUANG THANH	Nam	14.09.1990	SXCT	Ninh Bình
1713	50804213	TRAN THI THU HIEN	Nữ	19.08.1992	SXCT	Ninh Bình
1714	50804218	VU THI LIEU	Nữ	22.08.1995	SXCT	Ninh Bình
1715	50804219	LAI VAN TUAN	Nam	05.12.1999	SXCT	Ninh Bình
1716	50804223	NGUYEN THI MAI UYEN	Nữ	25.03.2006	SXCT	Ninh Bình
1717	50804225	TRAN THI THANH HUYEN	Nữ	13.02.2007	SXCT	Ninh Bình
1718	50804226	NGUYEN CONG TRONG	Nam	22.12.2003	SXCT	Ninh Bình
1719	50804227	NGUYEN THI NHU QUYNH	Nữ	02.11.2003	SXCT	Ninh Bình
1720	50804230	VU QUANG TRUONG	Nam	26.09.1995	SXCT	Ninh Bình
1721	50804233	CHU VAN SY	Nam	29.04.2003	SXCT	Ninh Bình
1722	50804236	LE MANH HUYNH	Nam	03.11.2002	SXCT	Ninh Bình
1723	50804237	TRAN THI HANG	Nữ	13.04.1999	SXCT	Ninh Bình
1724	50804239	HOANG HUU THIEP	Nam	15.03.2005	SXCT	Ninh Bình
1725	50804244	VU MINH TIEN	Nam	07.11.2007	SXCT	Ninh Bình
1726	50804245	VU DINH PHAN	Nam	17.09.2005	SXCT	Ninh Bình
1727	50804246	PHAM TIEN DAT	Nam	10.06.2007	SXCT	Ninh Bình
1728	50804248	NGUYEN THI QUYEN	Nữ	07.03.2003	SXCT	Ninh Bình
1729	50804249	PHAM TRONG CUONG	Nam	29.08.2003	SXCT	Ninh Bình
1730	50804250	TRAN THI HUYEN TRANG	Nữ	06.12.2007	SXCT	Ninh Bình
1731	50804253	DANG VAN GIANG	Nam	19.10.2003	SXCT	Ninh Bình
1732	50804257	DANG QUANG KHAI	Nam	10.08.2001	SXCT	Ninh Bình
1733	50804265	LE VAN DUC	Nam	19.07.2002	SXCT	Ninh Bình
1734	50804267	NGUYEN HUY LONG	Nam	23.01.2004	SXCT	Ninh Bình
1735	50804272	DINH TRAN VIET THO	Nam	13.01.2002	SXCT	Ninh Bình
1736	50804273	NGUYEN MANH HUNG	Nam	29.07.2003	SXCT	Ninh Bình
1737	50804275	TRINH BAO LIEM	Nam	09.09.2007	SXCT	Ninh Bình
1738	50804289	VU MANH CONG	Nam	14.06.1994	SXCT	Ninh Bình
1739	50804293	LE MANH TUAN	Nam	03.10.2001	SXCT	Ninh Bình
1740	50804295	NGUYEN VAN HAO	Nam	26.06.2003	SXCT	Ninh Bình
1741	50804299	NGUYEN MANH HUNG	Nam	16.10.1991	SXCT	Ninh Bình
1742	50804300	NGUYEN VAN DOANH	Nam	29.05.2005	SXCT	Ninh Bình
1743	50804312	NGUYEN THI HONG	Nữ	19.09.2000	SXCT	Ninh Bình
1744	50804314	TRAN DUC NINH	Nam	24.05.1997	SXCT	Ninh Bình
1745	50804325	NGUYEN THI THU UYEN	Nữ	28.10.1997	SXCT	Ninh Bình
1746	50804326	VU HUY SON	Nam	21.01.2000	SXCT	Ninh Bình
1747	50804327	TRAN VAN TUYEN	Nam	05.03.2001	SXCT	Ninh Bình
1748	50804328	DO KHOI NGUYEN	Nam	26.10.2002	SXCT	Ninh Bình
1749	50804329	TRAN DUC DUY	Nam	14.07.2003	SXCT	Ninh Bình
1750	50804330	DO TIEN PHAT	Nam	01.09.2002	SXCT	Ninh Bình
1751	50804331	LE PHUONG LINH	Nữ	23.10.2007	SXCT	Ninh Bình
1752	50804334	TRAN VAN BANG	Nam	01.03.2003	SXCT	Ninh Bình
1753	50804335	NGUYEN CONG DOANH	Nam	10.02.2006	SXCT	Ninh Bình
1754	50804336	PHAM NGOC TAN	Nam	18.08.2003	SXCT	Ninh Bình
1755	50804338	NGUYEN TUAN KIET	Nam	01.09.2007	SXCT	Ninh Bình
1756	50804339	DANG TIEN DAO	Nam	18.11.2005	SXCT	Ninh Bình
1757	50804340	NGUYEN PHAM KHANH DUY	Nam	25.08.2005	SXCT	Ninh Bình
1758	50804342	BUI TRONG TUYEN	Nam	01.06.2001	SXCT	Ninh Bình
1759	50804343	NGUYEN THANH LIEM	Nam	15.08.1995	SXCT	Ninh Bình
1760	50804344	NGUYEN THI DIEU TRAM	Nữ	21.05.2007	SXCT	Ninh Bình
1761	50804345	TRAN PHU HIEP	Nam	06.04.2007	SXCT	Ninh Bình

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1762	50804353	VU VAN HOANG	Nam	23.05.2003	SXCT	Ninh Bình
1763	50804358	TRAN THI NGUYET	Nữ	19.11.1993	SXCT	Ninh Bình
1764	50804359	TRAN VAN LINH	Nam	25.09.1997	SXCT	Ninh Bình
1765	50804360	CHU VAN DOAN	Nam	05.06.1994	SXCT	Ninh Bình
1766	50804365	NGUYEN DUC ANH	Nam	03.08.2006	SXCT	Ninh Bình
1767	50804374	NGUYEN VAN TOAN	Nam	19.09.2003	SXCT	Ninh Bình
1768	50804380	BUI KHANH LY	Nữ	10.08.2003	SXCT	Ninh Bình
1769	50804382	NGUYEN PHI HUNG	Nam	14.11.2003	SXCT	Ninh Bình
1770	50804383	NGUYEN THI NGOC LAN	Nữ	23.05.1997	SXCT	Ninh Bình
1771	50804384	NGUYEN VIET VINH	Nam	07.01.1996	SXCT	Ninh Bình
1772	50804388	NGUYEN THI THU HIEN	Nữ	14.07.2006	SXCT	Ninh Bình
1773	50804390	TRAN THI NGOC ANH	Nữ	05.01.1994	SXCT	Ninh Bình
1774	50804393	CHU MINH TOAN	Nam	26.07.2005	SXCT	Ninh Bình
1775	50804394	DINH VAN CHIEN	Nam	06.04.1992	SXCT	Ninh Bình
1776	50804395	TRINH DANG NGHIA	Nam	18.03.2006	SXCT	Ninh Bình
1777	50804401	LE HONG SON	Nam	25.11.2003	SXCT	Ninh Bình
1778	50804405	NGUYEN THI HOA	Nữ	02.08.1991	SXCT	Ninh Bình
1779	50804407	TRAN QUANG HUNG	Nam	22.12.1996	SXCT	Ninh Bình
1780	50804411	BUI DUC THO	Nam	11.05.2003	SXCT	Ninh Bình
1781	50804413	BUI THI HONG NHUNG	Nữ	26.03.1993	SXCT	Ninh Bình
1782	50804416	MAI VAN VIET	Nam	30.08.2003	SXCT	Ninh Bình
1783	50804417	LUONG QUANG DUY	Nam	14.10.2000	SXCT	Ninh Bình
1784	50804419	LE TRUNG TIN	Nam	13.05.1995	SXCT	Ninh Bình
1785	50804433	DINH BAO LONG	Nam	24.05.2004	SXCT	Ninh Bình
1786	50804440	GIAP THI HUYEN	Nữ	02.12.1994	SXCT	Ninh Bình
1787	50804451	NGUYEN VAN SON	Nam	11.04.1991	SXCT	Ninh Bình
1788	50910001	BACH XUAN HINH	Nam	27.12.2003	Công nghiệp gốc	Ninh Bình
1789	50910003	NGUYEN THANH MINH	Nam	21.01.2006	Công nghiệp gốc	Ninh Bình
1790	50910005	MAI NHAT TAN	Nam	13.10.1997	Công nghiệp gốc	Ninh Bình
1791	51010035	TRINH VAN NGOC	Nam	20.04.2000	Công nghiệp gốc	Ninh Bình
1792	51010036	TRAN DUC KHUE	Nam	22.09.1989	Công nghiệp gốc	Ninh Bình
1793	51210119	NGUYEN VAN HAI	Nam	27.07.1989	Công nghiệp gốc	Ninh Bình
1794	51210120	LUONG THE TAI	Nam	25.12.2004	Công nghiệp gốc	Ninh Bình
1795	50200356	BUI THI NUONG	Nữ	10.07.2000	Nông nghiệp	Phú Thọ
1796	50200357	PHAM HONG NHUNG	Nữ	14.08.2000	Nông nghiệp	Phú Thọ
1797	50200358	HA THU THUY	Nữ	20.01.2002	Nông nghiệp	Phú Thọ
1798	50200376	TRAN VAN TIEN	Nam	11.09.2001	Nông nghiệp	Phú Thọ
1799	50200396	BUI VAN KHAI	Nam	11.08.2003	Nông nghiệp	Phú Thọ
1800	50806102	DANG NGOC TRUNG	Nam	16.12.2003	SXCT	Phú Thọ
1801	50806106	TRAN THI LINH	Nữ	01.05.1998	SXCT	Phú Thọ
1802	50806109	NGUYEN DUC THIEN HAU	Nam	20.03.2004	SXCT	Phú Thọ
1803	50806112	BUI THANH THAO	Nữ	26.03.2007	SXCT	Phú Thọ
1804	50806113	DINH CONG HUNG	Nam	24.04.1997	SXCT	Phú Thọ
1805	50806114	DO DUY PHUC	Nam	30.04.2005	SXCT	Phú Thọ
1806	50806117	HOANG TIEN MANH	Nam	24.09.2003	SXCT	Phú Thọ
1807	50806122	LE THI NGA	Nữ	04.04.1995	SXCT	Phú Thọ
1808	50806124	HA THI MINH PHUONG	Nữ	27.07.1996	SXCT	Phú Thọ
1809	50806127	NGUYEN HUY QUANG	Nam	30.11.2007	SXCT	Phú Thọ
1810	50806135	NGUYEN KHAC NGOC	Nam	14.09.2002	SXCT	Phú Thọ
1811	50806137	PHAN HAI DANG	Nam	17.01.2004	SXCT	Phú Thọ
1812	50806148	HA QUANG HAI	Nam	28.10.1991	SXCT	Phú Thọ
1813	50806151	NGUYEN DUC HIEU	Nam	10.05.2005	SXCT	Phú Thọ
1814	50806154	HA VAN KIEN	Nam	01.06.2005	SXCT	Phú Thọ
1815	50806158	DINH THI TUYEN	Nữ	26.07.2001	SXCT	Phú Thọ
1816	50806160	CAO THANH CONG	Nam	26.02.2003	SXCT	Phú Thọ
1817	50806161	HA VAN TAO	Nam	14.02.2007	SXCT	Phú Thọ
1818	50806167	TRIEU NHU NGOC	Nữ	06.09.2003	SXCT	Phú Thọ

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1819	50806168	HOANG VAN THANH	Nam	18.08.2006	SXCT	Phú Thọ
1820	50806174	NGUYEN THI THUY DUONG	Nữ	02.09.2005	SXCT	Phú Thọ
1821	50806179	TAN TA MAY	Nữ	03.08.2001	SXCT	Phú Thọ
1822	50806180	LE CONG VINH	Nam	20.11.2007	SXCT	Phú Thọ
1823	50806183	NGUYEN PHUONG THANH	Nữ	22.03.2006	SXCT	Phú Thọ
1824	50806184	NGUYEN HUY HIEP	Nam	14.09.2003	SXCT	Phú Thọ
1825	50806185	HA QUANG HUYNH	Nam	17.05.1999	SXCT	Phú Thọ
1826	50806187	NGUYEN THI QUYEN	Nữ	29.10.2003	SXCT	Phú Thọ
1827	50806189	NGUYEN VAN BIEN	Nam	25.10.2002	SXCT	Phú Thọ
1828	50806192	TRAN NHAT LE	Nữ	13.10.2004	SXCT	Phú Thọ
1829	50806195	PHAM DUC DUY	Nam	10.05.1999	SXCT	Phú Thọ
1830	50806200	DANG THI THUY LINH	Nữ	25.12.2002	SXCT	Phú Thọ
1831	50806201	DINH THI DAO	Nữ	01.11.1991	SXCT	Phú Thọ
1832	50806204	BUI TIEN ANH	Nam	21.02.1998	SXCT	Phú Thọ
1833	50806208	NGUYEN DUC DAI	Nam	09.02.2007	SXCT	Phú Thọ
1834	50806211	DO BAO KHANH	Nam	05.12.2001	SXCT	Phú Thọ
1835	50806212	VI THU TRANG	Nữ	14.11.2001	SXCT	Phú Thọ
1836	50806217	NGUYEN QUANG TUNG	Nam	21.08.2006	SXCT	Phú Thọ
1837	50806218	NGUYEN MANH TUNG	Nam	07.03.1993	SXCT	Phú Thọ
1838	50806222	LUONG DINH HOANG	Nam	16.06.2002	SXCT	Phú Thọ
1839	50806226	HAN MANH CUONG	Nam	07.12.2002	SXCT	Phú Thọ
1840	50806227	TRAN QUOC HUY	Nam	18.06.1995	SXCT	Phú Thọ
1841	50806228	NGUYEN MINH HIEU	Nam	28.05.2002	SXCT	Phú Thọ
1842	50806229	NGUYEN ANH TUAN	Nam	14.10.2005	SXCT	Phú Thọ
1843	50806231	LE GIANG THANH	Nam	18.09.2000	SXCT	Phú Thọ
1844	50806236	PHAM THANH TUAN	Nam	23.12.1996	SXCT	Phú Thọ
1845	50806238	HOANG TIEN DUNG	Nam	20.04.2006	SXCT	Phú Thọ
1846	50806243	TRUONG MA NGOC	Nam	21.10.1996	SXCT	Phú Thọ
1847	50806244	NGUYEN TUYET CHINH	Nữ	08.10.2003	SXCT	Phú Thọ
1848	50806245	LE HONG QUAN	Nam	08.08.1991	SXCT	Phú Thọ
1849	50806246	DUONG VAN CHUYEN	Nam	29.03.2004	SXCT	Phú Thọ
1850	50806249	NGUYEN DUY DAI	Nam	06.10.2003	SXCT	Phú Thọ
1851	50806251	NGUYEN THI PHUONG	Nữ	07.09.2007	SXCT	Phú Thọ
1852	50806253	HA THANH TOAN	Nam	27.09.2005	SXCT	Phú Thọ
1853	50806259	LE KIM HOA	Nữ	14.05.2005	SXCT	Phú Thọ
1854	50806261	CAO THI YEN	Nữ	21.02.1999	SXCT	Phú Thọ
1855	50806266	NGUYEN THI LINH	Nữ	04.09.1990	SXCT	Phú Thọ
1856	50806273	HOANG MINH TIEN	Nam	27.03.2000	SXCT	Phú Thọ
1857	50806286	TRAN THI HONG NHUNG	Nữ	12.07.2003	SXCT	Phú Thọ
1858	50806902	KIEU DUC HUNG	Nam	01.06.2001	SXCT	Phú Thọ
1859	50806905	NGUYEN QUOC THAI	Nam	26.04.2003	SXCT	Phú Thọ
1860	50806910	HA KIEU QUY	Nam	17.01.2003	SXCT	Phú Thọ
1861	50806923	PHUNG VAN MINH	Nam	05.06.2004	SXCT	Phú Thọ
1862	50806924	PHUNG THI HUONG	Nữ	03.06.1995	SXCT	Phú Thọ
1863	50806930	DO TIEN TOAN	Nam	06.08.2004	SXCT	Phú Thọ
1864	50806931	TRINH VAN TRONG	Nam	09.02.2006	SXCT	Phú Thọ
1865	50806933	NGUYEN MANH GIAP	Nam	07.08.2004	SXCT	Phú Thọ
1866	50806939	HOANG DINH GIANG	Nữ	09.12.2006	SXCT	Phú Thọ
1867	50806941	NGUYEN HUNG VY	Nam	06.03.2007	SXCT	Phú Thọ
1868	50806942	KHUONG VAN CHUNG	Nam	22.08.2000	SXCT	Phú Thọ
1869	50806943	DIEP VAN KHAI	Nam	16.12.1998	SXCT	Phú Thọ
1870	50806944	NGUYEN THI NGA	Nữ	20.02.2002	SXCT	Phú Thọ
1871	50806946	NGUYEN VAN CUONG	Nam	10.01.2004	SXCT	Phú Thọ
1872	50806947	VU MANH CUONG	Nam	17.02.2002	SXCT	Phú Thọ
1873	50806948	VIEN THAO ANH	Nữ	11.10.1999	SXCT	Phú Thọ
1874	50806949	NGUYEN THI KIM DUNG	Nữ	21.03.1999	SXCT	Phú Thọ
1875	50806952	LE THI THU HUONG	Nữ	07.06.2006	SXCT	Phú Thọ

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1876	50806953	HOANG THI THAO	Nữ	12.06.1997	SXCT	Phú Thọ
1877	50806956	NGUYEN HOANG TUAN ANH	Nam	31.08.2004	SXCT	Phú Thọ
1878	50806959	VU THI THUY GIANG	Nữ	31.08.2006	SXCT	Phú Thọ
1879	50806961	LANG VAN HOC	Nam	22.10.1995	SXCT	Phú Thọ
1880	50806965	BUI THI THUY	Nữ	29.07.2004	SXCT	Phú Thọ
1881	50806966	NGUYEN THI KHANH HUYEN	Nữ	19.10.2004	SXCT	Phú Thọ
1882	50806972	KHUONG MINH NGOC	Nam	21.05.1990	SXCT	Phú Thọ
1883	50806974	LE THI DIEM HUONG	Nữ	10.11.1994	SXCT	Phú Thọ
1884	50806975	NGUYEN TRUONG KHOI	Nam	01.06.2004	SXCT	Phú Thọ
1885	50806977	PHAM VAN LONG	Nam	03.10.1987	SXCT	Phú Thọ
1886	50806978	NGUYEN TRUONG GIANG	Nam	13.01.2005	SXCT	Phú Thọ
1887	50806981	VU TIEN LONG	Nam	05.11.1999	SXCT	Phú Thọ
1888	50806983	VUONG PHUONG DONG	Nam	27.03.2006	SXCT	Phú Thọ
1889	50806992	NGUYEN VAN THANH	Nam	01.06.1992	SXCT	Phú Thọ
1890	50806993	PHAM THI HUE	Nữ	11.05.2005	SXCT	Phú Thọ
1891	50807303	BUI THI NGOC LINH	Nữ	06.09.2005	SXCT	Phú Thọ
1892	50807304	TRAN LAM NGUYEN	Nam	19.08.2004	SXCT	Phú Thọ
1893	50807310	LE QUANG SON	Nam	18.06.2004	SXCT	Phú Thọ
1894	50807316	BUI THI HONG NHUNG	Nữ	24.08.2006	SXCT	Phú Thọ
1895	50807318	VU HONG THAI	Nam	26.08.1995	SXCT	Phú Thọ
1896	50807319	BUI THI CHI	Nữ	14.06.1996	SXCT	Phú Thọ
1897	50807326	BUI MINH QUAN	Nam	23.03.2003	SXCT	Phú Thọ
1898	50807327	BUI THE HIEN	Nam	24.12.2004	SXCT	Phú Thọ
1899	50807336	BUI THI SAU	Nữ	30.06.1996	SXCT	Phú Thọ
1900	50807339	DINH THI THANH TAM	Nữ	07.07.1991	SXCT	Phú Thọ
1901	50807341	HA THI PHUONG LINH	Nữ	31.01.2003	SXCT	Phú Thọ
1902	50807347	NGUYEN BAO NGOC	Nữ	21.10.1992	SXCT	Phú Thọ
1903	50910008	NGUYEN DUC LUAN	Nam	07.04.2003	Công nghiệp gốc	Phú Thọ
1904	50910009	NGUYEN DUC ANH	Nam	08.04.2002	Công nghiệp gốc	Phú Thọ
1905	50910010	NGUYEN VAN TUYEN	Nam	25.10.1990	Công nghiệp gốc	Phú Thọ
1906	50910011	BUI VAN TINH	Nam	19.09.1992	Công nghiệp gốc	Phú Thọ
1907	50910012	TRAN THANH HUNG	Nam	21.10.2002	Công nghiệp gốc	Phú Thọ
1908	50910014	NGUYEN VAN QUY	Nam	24.01.1993	Công nghiệp gốc	Phú Thọ
1909	51010037	BUI ANH TUAN	Nam	29.07.1991	Công nghiệp gốc	Phú Thọ
1910	51010038	KIEU BA VUONG	Nam	15.03.1990	Công nghiệp gốc	Phú Thọ
1911	50201456	BUI TRONG THE	Nam	13.11.1996	Nông nghiệp	Quảng Ngãi
1912	50201457	DINH THI MAN	Nữ	24.03.2007	Nông nghiệp	Quảng Ngãi
1913	50201458	LE TRUNG KIEN	Nam	15.10.2006	Nông nghiệp	Quảng Ngãi
1914	50201461	CHU TAT CHU TOAN	Nam	27.03.2007	Nông nghiệp	Quảng Ngãi
1915	50201462	DINH QUANG HUY	Nam	11.11.2004	Nông nghiệp	Quảng Ngãi
1916	50201463	DINH VAN LOI	Nam	12.03.1991	Nông nghiệp	Quảng Ngãi
1917	50312446	HUYNH VAN PHONG	Nam	14.08.1992	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1918	50312447	LE BA MO	Nam	30.03.2001	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1919	50312448	VO THI NHA LINH	Nữ	17.08.2007	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1920	50312449	VO THANH TRUONG	Nam	08.07.2001	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1921	50312450	HUYNH NGOC NHU Y	Nữ	22.07.2008	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1922	50312453	TRAN THANH DO	Nam	29.12.1996	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1923	50312455	LE VAN MY	Nam	30.05.1989	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1924	50312456	NGUYEN THI XUAN SANG	Nữ	20.02.2002	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1925	50312458	BUI THANH TU	Nam	11.10.1990	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1926	50312459	LUONG THANH TUNG	Nam	08.01.1999	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1927	50312460	TIEU MINH PHUONG	Nam	10.09.1996	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1928	50312461	DO MINH TIENG	Nam	02.05.1996	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1929	50312462	TIEU VIET PHONG	Nam	13.10.2000	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1930	50312463	AO XUAN VIET	Nam	02.01.2001	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1931	50312464	NGUYEN THANH TAM	Nam	17.07.1999	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1932	50312465	VO NGOC ANH	Nam	28.08.1993	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1933	50312466	HUYNH TAN CONG	Nam	02.02.2002	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1934	50312467	NGUYEN VAN KHOI	Nam	27.10.1995	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1935	50312468	BUI VAN TIEN	Nam	14.12.2000	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1936	50312469	DO HUU HUYNH	Nam	01.05.2000	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1937	50312470	LE THAI AN	Nam	01.04.2007	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1938	50312471	LE THAI SON	Nam	10.06.1994	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1939	50312472	DUONG TAN THACH	Nam	18.02.2004	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1940	50312473	NGUYEN VAN PHAT	Nam	27.04.1994	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1941	50312474	TRAN VAN DUA	Nam	22.07.2006	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1942	50312475	NGO THI MY SANG	Nữ	07.12.1997	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1943	50312477	TRAN DU	Nam	26.03.1989	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
1944	50825205	NGUYEN DUY HUNG	Nam	13.11.1990	SXCT	Quảng Ngãi
1945	50825206	NGUYEN MINH TINH	Nam	29.08.2003	SXCT	Quảng Ngãi
1946	50825208	PHAM THI HONG THUONG	Nữ	09.06.2007	SXCT	Quảng Ngãi
1947	50825209	NGUYEN NGOC ANH QUAN	Nam	09.04.2006	SXCT	Quảng Ngãi
1948	50825210	LE DUC MANH	Nam	01.01.2001	SXCT	Quảng Ngãi
1949	50825213	NGUYEN THI TIEN TIEN	Nữ	21.01.2006	SXCT	Quảng Ngãi
1950	50825214	VO MINH CANH	Nam	01.12.1997	SXCT	Quảng Ngãi
1951	50825217	DINH THI HOANG	Nữ	24.02.2004	SXCT	Quảng Ngãi
1952	50825218	DO THI XUAN DIEU	Nữ	07.02.2007	SXCT	Quảng Ngãi
1953	50825219	DANG THI THU HA	Nữ	20.09.1997	SXCT	Quảng Ngãi
1954	50825221	NGUYEN CHI BAO	Nam	05.10.1996	SXCT	Quảng Ngãi
1955	50825223	LE THI THUY VI	Nữ	23.04.2002	SXCT	Quảng Ngãi
1956	50825226	MAI THI THUY TRANG	Nữ	10.10.1991	SXCT	Quảng Ngãi
1957	50825227	HO THANH SON	Nam	18.01.1997	SXCT	Quảng Ngãi
1958	50825228	DINH THI QUY	Nữ	27.10.2006	SXCT	Quảng Ngãi
1959	50825231	NGUYEN THI THU HA	Nữ	17.02.2007	SXCT	Quảng Ngãi
1960	50825232	LE THI HOA HIEP	Nữ	02.01.1994	SXCT	Quảng Ngãi
1961	50825237	NGUYEN TRAN PHU THINH	Nam	22.03.2003	SXCT	Quảng Ngãi
1962	50825241	NGUYEN CHUONG	Nam	19.04.2003	SXCT	Quảng Ngãi
1963	50825242	VO THI MY VY	Nữ	09.10.2007	SXCT	Quảng Ngãi
1964	50825245	DINH VAN HUNG	Nam	25.04.2000	SXCT	Quảng Ngãi
1965	50825247	TRAN THI SON	Nữ	05.11.2000	SXCT	Quảng Ngãi
1966	50825248	TRAN THUY DUNG	Nữ	11.09.2007	SXCT	Quảng Ngãi
1967	50825249	NGO THI MINH THU	Nữ	23.08.2001	SXCT	Quảng Ngãi
1968	50825252	NGUYEN TAN CAN	Nam	12.07.1997	SXCT	Quảng Ngãi
1969	50825253	BUI VIET Y	Nam	18.05.1999	SXCT	Quảng Ngãi
1970	50825260	NGUYEN THI THANH TUYEN	Nữ	17.10.2005	SXCT	Quảng Ngãi
1971	50825265	TRAN VAN BI	Nam	09.09.2006	SXCT	Quảng Ngãi
1972	50825272	LE ANH TUAN	Nam	20.05.1999	SXCT	Quảng Ngãi
1973	50825273	HOANG DUC THINH	Nam	13.01.2006	SXCT	Quảng Ngãi
1974	50825274	LE VAN DUONG	Nam	16.03.2003	SXCT	Quảng Ngãi
1975	50825281	HAN TRUONG GIANG	Nam	30.11.2006	SXCT	Quảng Ngãi
1976	50825283	VO DUY DIN	Nam	25.05.2002	SXCT	Quảng Ngãi
1977	50825285	DO QUANG DUOC	Nam	07.12.2001	SXCT	Quảng Ngãi
1978	50825294	PHAM HUU DINH	Nam	19.05.2003	SXCT	Quảng Ngãi
1979	50825314	LE THI PHUONG	Nữ	19.03.1999	SXCT	Quảng Ngãi
1980	51010039	NGUYEN PHU CHINH	Nam	29.07.2005	Công nghiệp gốc	Quảng Ngãi
1981	50310176	NGUYEN VAN THIEU	Nam	26.09.1992	Ngư nghiệp	Quảng Ninh
1982	50310177	PHAM DAI DOAN	Nam	16.06.1995	Ngư nghiệp	Quảng Ninh
1983	50310179	BUI VAN HUNG	Nam	13.07.1991	Ngư nghiệp	Quảng Ninh
1984	50807501	NGUYEN VAN MINH	Nam	18.11.2000	SXCT	Quảng Ninh
1985	50807502	BUI HUONG GIANG	Nữ	16.07.1994	SXCT	Quảng Ninh
1986	50807504	PHAM THANH TUNG	Nam	04.07.1991	SXCT	Quảng Ninh
1987	50807505	LE VAN HAO	Nam	16.04.2005	SXCT	Quảng Ninh
1988	50807510	NGUYEN MANH PHONG	Nam	05.04.2006	SXCT	Quảng Ninh
1989	50807511	LE TRAN TRUNG NGHIA	Nam	20.06.2007	SXCT	Quảng Ninh

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1990	50807512	LE HOANG DUY VU	Nam	04.10.2004	SXCT	Quảng Ninh
1991	50807514	NGUYEN THAO NGAN	Nữ	13.09.2006	SXCT	Quảng Ninh
1992	50807515	PHAM THI GIANG	Nữ	04.02.1999	SXCT	Quảng Ninh
1993	50807526	PHUN THI YEN NHI	Nữ	29.04.2004	SXCT	Quảng Ninh
1994	50807530	DOAN QUYNH TRANG	Nữ	20.05.1991	SXCT	Quảng Ninh
1995	50807531	LY THI DUNG	Nữ	12.09.2004	SXCT	Quảng Ninh
1996	50807533	NGUYEN THI NHUNG	Nữ	28.09.1992	SXCT	Quảng Ninh
1997	50807537	TO DINH DAT	Nam	20.12.1999	SXCT	Quảng Ninh
1998	50807538	PHAN TUNG LAM	Nam	14.04.1996	SXCT	Quảng Ninh
1999	50807539	LY BA QUY	Nam	14.01.1993	SXCT	Quảng Ninh
2000	50807540	BUI CONG DUY	Nam	20.08.1994	SXCT	Quảng Ninh
2001	50807542	LE XUAN HOANG VU	Nam	05.05.2007	SXCT	Quảng Ninh
2002	50807543	TRAN VAN TUYEN	Nam	13.07.1992	SXCT	Quảng Ninh
2003	50807550	HOA VAN DAT	Nam	20.11.2005	SXCT	Quảng Ninh
2004	50807555	PHAM GIA KHIEM	Nam	28.05.2006	SXCT	Quảng Ninh
2005	50807556	TRAN DONG HUNG	Nam	02.10.2007	SXCT	Quảng Ninh
2006	50807557	NGUYEN THI THUY DUONG	Nữ	14.02.2007	SXCT	Quảng Ninh
2007	50807558	NGUYEN THI THUY	Nữ	02.11.2001	SXCT	Quảng Ninh
2008	50807559	NGUYEN KHANH LY	Nữ	20.11.2007	SXCT	Quảng Ninh
2009	50807560	DUONG VAN HUONG	Nam	20.04.2001	SXCT	Quảng Ninh
2010	50807561	DO VAN KHAI	Nam	10.12.2000	SXCT	Quảng Ninh
2011	50807562	DINH QUANG VINH	Nam	22.09.2004	SXCT	Quảng Ninh
2012	50807565	NGUYEN PHUONG THAO	Nữ	15.08.2007	SXCT	Quảng Ninh
2013	50807566	HA VAN HUNG	Nam	27.03.2005	SXCT	Quảng Ninh
2014	50807568	PHAM XUAN TRUONG	Nam	08.11.1999	SXCT	Quảng Ninh
2015	50807569	LE THI THU	Nữ	28.05.2002	SXCT	Quảng Ninh
2016	50807570	PHAM THI THUY DUNG	Nữ	04.10.2007	SXCT	Quảng Ninh
2017	50807578	NGUYEN THI NGOAN	Nữ	01.12.1992	SXCT	Quảng Ninh
2018	50807580	LE KY THUY	Nữ	05.05.2004	SXCT	Quảng Ninh
2019	50807582	LE THI MAI	Nữ	30.03.2004	SXCT	Quảng Ninh
2020	50807583	LE THI TRANG	Nữ	30.04.2000	SXCT	Quảng Ninh
2021	50807587	VU NAM THACH	Nam	18.01.2006	SXCT	Quảng Ninh
2022	50807594	DINH THI MINH CHAU	Nữ	05.08.2003	SXCT	Quảng Ninh
2023	50807595	NGUYEN THI HUONG GIANG	Nữ	01.08.2003	SXCT	Quảng Ninh
2024	50807603	VU THI PHUONG THAO	Nữ	25.04.2003	SXCT	Quảng Ninh
2025	50807604	DINH DUC CHINH	Nam	12.10.2002	SXCT	Quảng Ninh
2026	50807609	DANG VAN LUYEN	Nam	17.08.1997	SXCT	Quảng Ninh
2027	50807614	VU THI THUONG THEM	Nữ	12.12.2005	SXCT	Quảng Ninh
2028	50807617	DINH THI NGUYET	Nữ	23.12.2006	SXCT	Quảng Ninh
2029	50807627	PHAM TIEN DAT	Nam	30.12.2005	SXCT	Quảng Ninh
2030	50807628	NGO VAN TAN	Nam	03.03.1999	SXCT	Quảng Ninh
2031	50910016	NGUYEN KHAC TAI	Nam	09.11.1999	Công nghiệp gốc	Quảng Ninh
2032	50910017	TRAN DINH HUONG	Nam	27.01.1996	Công nghiệp gốc	Quảng Ninh
2033	50910018	DO VAN HANH	Nam	28.11.1993	Công nghiệp gốc	Quảng Ninh
2034	51010040	LUU NGOC THANH	Nam	28.10.1996	Công nghiệp gốc	Quảng Ninh
2035	50201307	HOANG QUANG HUY	Nam	09.02.2005	Nông nghiệp	Quảng Trị
2036	50201360	HO VAN SONG	Nam	13.11.1997	Nông nghiệp	Quảng Trị
2037	50311618	TRAN VAN TUYEN	Nam	01.04.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2038	50311619	PHAM VAN DUONG	Nam	05.05.2000	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2039	50311621	NGUYEN VAN CHINH	Nam	25.09.2002	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2040	50311622	NGUYEN XUAN NINH	Nam	14.08.2001	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2041	50311623	DO THI BAN	Nữ	12.04.1996	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2042	50311624	HO MINH THUAN	Nam	16.11.2004	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2043	50311625	HO DUC LONG	Nam	27.09.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2044	50311626	NGUYEN THI QUY	Nữ	10.12.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2045	50311627	NGUYEN TIEN HAI	Nam	28.08.2004	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2046	50311628	NGUYEN THI BE	Nữ	10.06.1994	Ngư nghiệp	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2047	50311629	NGUYEN NGOC CUONG	Nam	27.06.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2048	50311630	HOANG THI HUONG	Nữ	08.02.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2049	50311631	NGUYEN DUC PHE	Nam	28.07.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2050	50311633	HOANG VAN MINH	Nam	06.08.1990	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2051	50311634	LE HUU NHAT	Nam	11.06.2000	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2052	50311635	TRAN VAN DUONG	Nam	24.11.1992	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2053	50311636	NGUYEN DUC TRUNG	Nam	14.07.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2054	50311637	NGUYEN DUC HAU	Nam	01.10.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2055	50311638	NGUYEN DUC PHUC	Nam	01.10.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2056	50311640	MAI THI HOI	Nữ	10.02.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2057	50311641	DINH THI PHUONG	Nữ	23.03.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2058	50311642	TRAN TRONG THAO	Nam	12.02.1990	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2059	50311644	TRAN KHANH TINH	Nam	11.04.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2060	50311647	DO XUAN HIEN	Nam	20.08.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2061	50311649	NGUYEN QUY	Nam	10.06.1996	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2062	50311650	MAI TUAN	Nam	01.06.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2063	50311652	NGUYEN NHAT PHONG	Nam	13.08.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2064	50311653	PHUNG ANH HUNG	Nam	28.03.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2065	50311655	NGUYEN VAN TUAN	Nam	26.05.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2066	50311656	TRAN QUANG LUC	Nam	25.10.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2067	50311657	PHAM NGOC TOAN	Nam	14.04.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2068	50311658	VO VAN TUAN	Nam	12.11.1991	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2069	50311659	VO VAN VY	Nam	08.11.1992	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2070	50311661	PHAM VIET HOANG	Nam	21.05.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2071	50311663	TRUONG THI TINH	Nữ	04.07.1998	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2072	50311667	NGUYEN TUAN TU	Nam	06.01.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2073	50311669	HOANG VAN TAI	Nam	08.08.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2074	50311672	PHAM THI THU	Nữ	11.03.1996	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2075	50311673	NGUYEN NHAN THAO	Nam	20.11.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2076	50311675	NGUYEN VU HUY	Nam	28.02.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2077	50311676	TRAN DUY DOAN	Nam	03.09.2000	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2078	50311677	HA TIEN QUAN	Nam	18.07.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2079	50311679	PHAM VAN DAT	Nam	03.07.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2080	50311680	PHAN THANH LAM	Nam	03.10.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2081	50311681	HOANG ANH CUONG	Nam	15.06.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2082	50311682	NGUYEN KHANH HUNG	Nam	14.10.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2083	50311683	NGUYEN PHI HUNG	Nam	21.03.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2084	50311685	PHAM NGOC PHUONG	Nam	15.06.2003	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2085	50311686	MAI THI HUONG	Nữ	20.02.2002	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2086	50311689	PHAM HONG DINH	Nam	25.02.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2087	50311690	NGUYEN VAN NGHIEP	Nam	10.06.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2088	50311691	TRAN VAN TUAN	Nam	15.02.2004	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2089	50311692	DINH VAN THANH	Nam	29.07.2002	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2090	50311693	TRAN THI HUONG LAN	Nữ	30.07.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2091	50311694	NGUYEN NHAT TAN	Nam	23.02.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2092	50311697	NGUYEN CHI LINH	Nam	13.09.2001	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2093	50311699	MAI VAN LANH	Nam	02.03.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2094	50311700	MAI VAN LINH	Nam	23.07.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2095	50311701	HOANG LONG VY	Nam	30.04.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2096	50311702	NGUYEN THI VAN	Nữ	01.03.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2097	50311704	TRAN THE ANH	Nam	20.05.2001	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2098	50311706	HOANG VAN HUY	Nam	22.02.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2099	50311712	NGUYEN QUYNH GIANG	Nam	05.06.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2100	50311713	PHAM THANH LONG	Nam	29.06.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2101	50311714	TRAN VAN TUAN	Nam	27.02.1999	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2102	50311716	HOANG VAN TIEN	Nam	07.07.2001	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2103	50311717	NGUYEN THI NHU Y	Nữ	08.05.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2104	50311718	LE QUOC KHANH	Nam	06.08.2000	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2105	50311719	HOANG BAO NGOC	Nữ	17.01.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2106	50311721	HOANG NAM	Nam	15.05.1998	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2107	50311722	NGUYEN THI HANH DUYEN	Nữ	27.09.2000	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2108	50311725	TRAN VO DUC ANH	Nam	20.03.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2109	50311726	HOANG TUAN ANH	Nam	06.03.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2110	50311727	NGUYEN THI HANG	Nữ	05.10.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2111	50311728	NGUYEN NGOC THANG	Nam	20.02.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2112	50311730	MAI THI PHUONG	Nữ	30.09.2003	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2113	50311731	CAO THANH HANG	Nữ	02.03.1999	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2114	50311733	MAI QUANG TUNG	Nam	13.08.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2115	50311736	LE THI PHUONG THAO	Nữ	10.01.2002	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2116	50311737	NGUYEN THI NHIEN	Nữ	15.11.2000	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2117	50311743	TRUONG THI TU	Nữ	30.04.1994	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2118	50311745	MAI NGOC HIEU	Nam	04.06.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2119	50311746	MAI TAN THANH	Nam	02.07.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2120	50311747	HOANG THI HOAI TAM	Nữ	15.10.2003	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2121	50311748	NGUYEN TRUNG HUY	Nam	23.07.1996	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2122	50311749	LE QUANG THUA	Nam	03.11.1994	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2123	50311750	HOANG THI HUE	Nữ	06.04.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2124	50311753	NGUYEN VAN NAM	Nam	17.10.2000	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2125	50311755	MAI XUAN HAI	Nam	03.06.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2126	50311756	DUONG VAN SANG	Nam	10.12.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2127	50311757	LE THI THUY KIEU	Nữ	25.09.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2128	50311758	HOANG QUOC KHANH	Nam	01.08.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2129	50311762	MAI THI LANH	Nữ	12.09.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2130	50311763	PHAM THUY HANG	Nữ	18.03.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2131	50311764	MAI AN	Nam	05.10.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2132	50311765	DOI THI QUYNH ANH	Nữ	20.03.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2133	50311766	BUI THI ANH	Nữ	12.05.2001	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2134	50311767	MAI VAN VI	Nam	10.08.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2135	50311769	NGUYEN VAN QUOC KHANH	Nam	05.10.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2136	50311772	NGUYEN THI KIM TUYEN	Nữ	09.08.2002	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2137	50311774	TRUONG VAN TRUNG	Nam	06.11.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2138	50311777	NGUYEN HOANG GIA BAO	Nam	16.05.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2139	50311778	HOANG VAN TUAN	Nam	10.02.1988	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2140	50311779	NGUYEN THI KIM ANH	Nữ	21.05.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2141	50311780	HOANG VAN VIET	Nam	30.04.2001	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2142	50311781	NGUYEN VAN CUONG	Nam	15.06.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2143	50311782	HOANG VAN ANH	Nam	10.02.2002	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2144	50311783	NGUYEN KHANH TU	Nam	01.08.2004	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2145	50311784	NGUYEN THI LY	Nữ	17.06.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2146	50311785	NGUYEN THI HET	Nữ	29.12.1996	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2147	50311786	NGUYEN HUU THANG	Nam	16.02.1999	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2148	50311787	DUONG THI TRA MY	Nữ	17.06.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2149	50311788	DUONG THI KIM LAN	Nữ	12.07.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2150	50311789	TRUONG THI HY	Nữ	04.10.1996	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2151	50311791	VO XUAN HIEN	Nam	12.12.1994	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2152	50311792	NGUYEN VAN HOANG	Nam	16.07.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2153	50311793	PHAM VAN TRUONG	Nam	05.01.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2154	50311794	PHAM TUAN BAO	Nam	01.10.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2155	50311795	PHAM THANH HOA	Nam	05.08.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2156	50311796	NGUYEN QUOC	Nam	30.01.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2157	50311797	NGUYEN TIEN CHAU	Nam	11.07.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2158	50311798	LE THI ANH	Nữ	21.08.1999	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2159	50311799	NGUYEN VAN NGHIA	Nam	03.11.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2160	50311801	DUONG VAN HUNG	Nam	20.11.1991	Ngư nghiệp	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2161	50311802	TRAN DINH VU	Nam	11.04.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2162	50311803	PHAM DINH NHAT LINH	Nam	16.01.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2163	50311804	NGUYEN NGOC QUAN	Nam	13.02.1999	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2164	50311805	NGUYEN VAN KIEN	Nam	20.02.1990	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2165	50311806	VO VAN QUYEN	Nam	24.08.2000	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2166	50311808	NGUYEN VAN TINH	Nam	10.09.2000	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2167	50311809	PHAM VAN DINH	Nam	02.09.2000	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2168	50311810	NGUYEN VAN SY	Nam	17.01.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2169	50311811	NGUYEN VAN THUAN	Nam	02.10.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2170	50311812	HOANG VAN QUAN	Nam	26.07.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2171	50311813	LE THANH DUNG	Nam	12.08.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2172	50311814	PHAM VAN THAO	Nam	20.03.2003	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2173	50311817	HOANG THI THANH TINH	Nữ	16.02.2003	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2174	50311818	HOANG THI THUY KIEU	Nữ	01.12.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2175	50311820	LE VAN HUNG	Nam	11.04.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2176	50311821	MAI THI MINH THUY	Nữ	19.12.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2177	50311829	MAI VINH HANH	Nam	24.12.2003	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2178	50311832	NGUYEN THI KIM HOAN	Nữ	10.02.1992	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2179	50312117	PHAN CHI BAO	Nam	14.07.1999	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2180	50312118	VO QUANG HUY	Nam	20.12.1999	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2181	50312119	LE VAN TRUNG	Nam	01.07.1998	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2182	50312124	TRAN QUY DON	Nam	22.05.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2183	50312125	TRAN XUAN HUAN	Nam	20.09.1991	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2184	50312126	TRAN VAN LINH	Nam	09.12.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2185	50312128	LE VAN THANH	Nam	01.03.1994	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2186	50312129	NGUYEN NGOC HUAN	Nam	08.09.2003	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2187	50312130	MAI VAN NGHI	Nam	04.09.2004	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2188	50312131	TRAN VAN HAN	Nam	20.08.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2189	50312132	NGUYEN HAI DANG	Nam	01.01.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2190	50312133	TRAN PHAM VAN ANH	Nam	10.01.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2191	50312134	LE THI QUYEN	Nữ	13.12.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2192	50312136	HOANG VAN LONG	Nam	17.03.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2193	50312138	DANG VAN TY	Nam	22.02.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2194	50312140	TRAN DINH KIEN	Nam	14.02.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2195	50312149	VO NGUYEN VAN HAU	Nam	26.03.2008	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2196	50312151	BUI NGOC THANH BINH	Nam	29.11.2002	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2197	50312152	NGUYEN DUC HOAI	Nam	22.09.1994	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2198	50312154	NGUYEN THI THUY LINH	Nữ	15.11.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2199	50312155	NGUYEN VAN TU	Nam	20.05.2003	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2200	50312156	HO QUOC THANG	Nam	26.08.1991	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2201	50312157	TRUONG QUOC ANH	Nam	16.02.2006	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2202	50312158	NGUYEN HONG PHUC	Nam	22.05.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2203	50312163	LE NGOC HUONG	Nam	01.01.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2204	50312164	TRAN DINH THU	Nam	27.05.1994	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2205	50312166	HO NGOC LINH	Nam	08.06.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2206	50312167	TRAN THANH NAM	Nam	13.10.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2207	50312168	DANG NGOC SON	Nam	27.12.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2208	50312169	PHAN DINH TA	Nam	01.02.1991	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2209	50312170	NGUYEN THI DIEU NHU	Nữ	30.07.2001	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2210	50312171	PHAN THI VAN LE	Nữ	10.12.1990	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2211	50312172	TRAN HAI TAN	Nam	07.06.1991	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2212	50312174	NGUYEN VIET LAM	Nam	30.06.1999	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2213	50312176	LE VAN TRAI	Nam	19.06.1994	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2214	50312177	VO THE QUYEN	Nam	20.10.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2215	50312180	NGUYEN VAN THUAN	Nam	07.07.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2216	50312181	TRAN THI LAI	Nữ	25.08.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2217	50312182	DAO THI THANH HAI	Nữ	19.07.2001	Ngư nghiệp	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2218	50312184	NGUYEN HAI DUONG	Nam	26.03.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2219	50312186	DUONG THE THIEN	Nam	26.06.1998	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2220	50312188	LE THANH DAT	Nam	26.06.1987	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2221	50312189	DUONG THE THANG	Nam	01.08.1988	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2222	50312190	DOAN THI HANH	Nữ	21.08.1993	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2223	50312191	VO THI TAM	Nữ	01.01.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2224	50312192	LE PHUC HUNG	Nam	14.08.1998	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2225	50312193	DO QUOC CONG	Nam	09.03.2007	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2226	50312195	BUI DINH CHI HAO	Nam	29.01.2002	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2227	50312196	NGUYEN THI TUYET TRINH	Nữ	01.08.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2228	50312198	BUI THI THUY	Nữ	19.08.2000	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2229	50312199	VO VAN UY	Nam	13.07.2004	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2230	50312204	TRAN QUANG DIET	Nam	29.11.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2231	50312205	LE VAN DAT	Nam	17.11.1997	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2232	50312206	TRAN VAN LONG	Nam	11.11.1989	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2233	50312207	LE QUOC PHONG	Nam	22.04.1995	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2234	50312209	TRAN VAN TY	Nam	22.12.1989	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2235	50312212	LE VAN LUU	Nam	24.01.2005	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2236	50312213	PHAN THI LANH	Nữ	11.01.1992	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2237	50312215	PHAN VU HOAN	Nam	29.05.2004	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2238	50312217	NGUYEN THI HO	Nữ	10.11.1994	Ngư nghiệp	Quảng Trị
2239	50822502	TRAN THANH NHAN	Nam	26.12.2001	SXCT	Quảng Trị
2240	50822504	PHAM VAN TUOI	Nam	09.10.1996	SXCT	Quảng Trị
2241	50822505	NGUYEN DUC DAI	Nam	28.07.2004	SXCT	Quảng Trị
2242	50822506	BUI VAN DUC	Nam	12.05.2000	SXCT	Quảng Trị
2243	50822509	TRAN DUC HIEU	Nam	23.09.2005	SXCT	Quảng Trị
2244	50822510	TRAN HUU DONG	Nam	02.10.1996	SXCT	Quảng Trị
2245	50822511	TRUONG VAN DONG	Nam	08.01.2006	SXCT	Quảng Trị
2246	50822516	NGUYEN VAN TRUNG	Nam	11.06.2006	SXCT	Quảng Trị
2247	50822517	NGUYEN THE THANG	Nam	08.05.2006	SXCT	Quảng Trị
2248	50822518	NGUYEN CONG VIET	Nam	12.03.2006	SXCT	Quảng Trị
2249	50822519	TRAN QUOC DAT	Nam	24.01.2007	SXCT	Quảng Trị
2250	50822520	HOANG VAN LAM	Nam	10.06.2004	SXCT	Quảng Trị
2251	50822521	LUU VAN TAI	Nam	15.08.2006	SXCT	Quảng Trị
2252	50822522	VO DUC DO	Nam	10.04.1998	SXCT	Quảng Trị
2253	50822523	DUONG THI THUY NHI	Nữ	03.11.2006	SXCT	Quảng Trị
2254	50822528	NGUYEN NGOC HUY	Nam	20.01.1998	SXCT	Quảng Trị
2255	50822535	LE DINH LUC	Nam	22.07.2004	SXCT	Quảng Trị
2256	50822536	PHAM QUANG TAI	Nam	10.10.1997	SXCT	Quảng Trị
2257	50822540	LE THI UYEN NHI	Nữ	14.10.2003	SXCT	Quảng Trị
2258	50822541	NGUYEN HUU LONG	Nam	04.12.2007	SXCT	Quảng Trị
2259	50822543	TRAN CONG HOA	Nam	30.06.1996	SXCT	Quảng Trị
2260	50822545	DAM THI HAI YEN	Nữ	02.11.1997	SXCT	Quảng Trị
2261	50822546	NGUYEN TIEN HAO	Nam	21.08.2006	SXCT	Quảng Trị
2262	50822550	LAI MINH THANH	Nam	14.09.2002	SXCT	Quảng Trị
2263	50822551	BUI HUY HOANG	Nam	06.01.2007	SXCT	Quảng Trị
2264	50822554	NGUYEN VAN HANH	Nam	05.01.1997	SXCT	Quảng Trị
2265	50822555	NGUYEN TRUNG THANH	Nam	29.12.1994	SXCT	Quảng Trị
2266	50822556	VO DUC BAO	Nam	19.08.2006	SXCT	Quảng Trị
2267	50822567	NGUYEN VAN THOI	Nam	20.08.1993	SXCT	Quảng Trị
2268	50822568	LE HONG SON	Nam	25.06.1999	SXCT	Quảng Trị
2269	50822572	NGUYEN VIET HUNG	Nam	02.06.1987	SXCT	Quảng Trị
2270	50822574	TRAN THI HAI HA	Nữ	28.03.2001	SXCT	Quảng Trị
2271	50822575	HOANG THI KIEU TRINH	Nữ	29.08.2006	SXCT	Quảng Trị
2272	50822576	PHAM THI VAN	Nữ	26.07.1996	SXCT	Quảng Trị
2273	50822579	LE THI MY TRINH	Nữ	19.01.2007	SXCT	Quảng Trị
2274	50822581	NGUYEN THI XUAN	Nữ	10.11.1998	SXCT	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2275	50822587	TRUONG VAN HUY	Nam	18.06.2000	SXCT	Quảng Trị
2276	50822588	DO MINH HAU	Nam	01.11.1996	SXCT	Quảng Trị
2277	50822589	LE NGUYEN DUC PHU	Nam	26.05.2003	SXCT	Quảng Trị
2278	50822590	HA HUU CHI	Nam	20.11.1991	SXCT	Quảng Trị
2279	50822591	TRUONG QUANG TRUONG	Nam	08.10.1999	SXCT	Quảng Trị
2280	50822592	NGUYEN MINH HIEU	Nam	26.01.2001	SXCT	Quảng Trị
2281	50822593	PHAN THI CUC	Nữ	16.10.1998	SXCT	Quảng Trị
2282	50822596	LE THI KIM CHI	Nữ	16.01.2001	SXCT	Quảng Trị
2283	50822597	NGUYEN VAN LUAN	Nam	02.09.1993	SXCT	Quảng Trị
2284	50822601	THAI DUC THE	Nam	12.05.2003	SXCT	Quảng Trị
2285	50822602	DIEP THI NGOC LUYEN	Nữ	06.04.1998	SXCT	Quảng Trị
2286	50822604	HOANG THI HOAI	Nữ	17.04.1995	SXCT	Quảng Trị
2287	50822605	HOANG VAN BAO	Nam	30.12.1990	SXCT	Quảng Trị
2288	50822606	HOANG VAN PHU	Nam	12.11.1996	SXCT	Quảng Trị
2289	50822608	DOAN ANH TUAN	Nam	02.10.1995	SXCT	Quảng Trị
2290	50822609	TRAN THI NANH	Nữ	26.01.2001	SXCT	Quảng Trị
2291	50822611	NGUYEN DUY AN	Nam	29.03.1995	SXCT	Quảng Trị
2292	50822612	TRAN THAO LINH	Nữ	25.05.2001	SXCT	Quảng Trị
2293	50822613	NGUYEN THI SUONG	Nữ	17.11.2000	SXCT	Quảng Trị
2294	50822614	LE THI BICH QUYEN	Nữ	25.12.1995	SXCT	Quảng Trị
2295	50822615	PHAM VAN TUAN	Nam	02.10.1994	SXCT	Quảng Trị
2296	50822616	TRAN VAN LONG	Nam	03.12.1998	SXCT	Quảng Trị
2297	50822617	VO THI HAO	Nữ	07.05.2003	SXCT	Quảng Trị
2298	50822620	BUI THI THUY TRANG	Nữ	11.07.2005	SXCT	Quảng Trị
2299	50822621	HOANG VAN SON	Nam	27.01.1996	SXCT	Quảng Trị
2300	50822623	TRAN THI NGA	Nữ	25.05.2003	SXCT	Quảng Trị
2301	50822625	HO THI HIEN	Nữ	08.01.2007	SXCT	Quảng Trị
2302	50822627	HOANG ANH QUYNH NHU	Nữ	20.10.2006	SXCT	Quảng Trị
2303	50822628	PHAN THANH TRUNG	Nam	02.12.1998	SXCT	Quảng Trị
2304	50822629	NGUYEN THI HOA	Nữ	22.04.2006	SXCT	Quảng Trị
2305	50822630	NGUYEN THI MAI TAM	Nữ	24.06.2006	SXCT	Quảng Trị
2306	50822631	TRAN THIEN BAO	Nam	04.06.2004	SXCT	Quảng Trị
2307	50822636	DAM THI QUYNH NA	Nữ	17.06.2006	SXCT	Quảng Trị
2308	50822637	BUI VAN PHUONG	Nam	06.12.1997	SXCT	Quảng Trị
2309	50822639	TRAN HOAI NAM	Nam	04.11.1995	SXCT	Quảng Trị
2310	50822640	HOANG THI LIEU	Nữ	10.02.1997	SXCT	Quảng Trị
2311	50822644	TRAN THI THU HIEN	Nữ	22.04.1995	SXCT	Quảng Trị
2312	50822645	NGUYEN THI HONG	Nữ	30.07.1993	SXCT	Quảng Trị
2313	50822651	DINH NGOC TUAN	Nam	10.01.1995	SXCT	Quảng Trị
2314	50822652	CAO KIM CHI	Nữ	14.03.2006	SXCT	Quảng Trị
2315	50822662	MAI THANH NAM	Nam	21.08.2006	SXCT	Quảng Trị
2316	50822678	LAM THI ANH TUYET	Nữ	22.12.1998	SXCT	Quảng Trị
2317	50822680	DANG TRAN NAM HUNG	Nam	23.10.2007	SXCT	Quảng Trị
2318	50822681	HO HAN MINH	Nam	02.01.2006	SXCT	Quảng Trị
2319	50822682	NGUYEN THI TRANG	Nữ	04.02.2006	SXCT	Quảng Trị
2320	50822683	NGUYEN THI KIM OANH	Nữ	04.08.2003	SXCT	Quảng Trị
2321	50822690	DAM ANH HAO	Nam	28.08.1993	SXCT	Quảng Trị
2322	50822692	TRAN THI NGOC ANH	Nữ	21.12.1998	SXCT	Quảng Trị
2323	50822693	NGUYEN VAN THUAN	Nam	10.02.1993	SXCT	Quảng Trị
2324	50822701	PHAM VAN GIANG	Nam	10.09.2003	SXCT	Quảng Trị
2325	50822704	NGUYEN BA QUOC THANG	Nam	05.05.1997	SXCT	Quảng Trị
2326	50822707	TRAN MINH KHOA	Nam	10.02.1997	SXCT	Quảng Trị
2327	50822710	NGUYEN THI LAN	Nữ	02.02.1997	SXCT	Quảng Trị
2328	50822711	NGUYEN THANH HUNG	Nam	21.04.1998	SXCT	Quảng Trị
2329	50822718	HOANG HAI LY	Nam	15.05.2004	SXCT	Quảng Trị
2330	50822724	VO QUANG NGOC	Nam	09.09.2003	SXCT	Quảng Trị
2331	50822732	NGUYEN XUAN DONG	Nam	20.05.1990	SXCT	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2332	50822736	HA CONG VINH	Nam	10.04.2007	SXCT	Quảng Trị
2333	50823503	HOANG VAN AN	Nam	20.10.2006	SXCT	Quảng Trị
2334	50823506	LE VAN TAI	Nam	14.10.2006	SXCT	Quảng Trị
2335	50823507	LE THI QUYNH CHAU	Nữ	12.12.2003	SXCT	Quảng Trị
2336	50823512	HOANG VAN TAI	Nam	16.02.1999	SXCT	Quảng Trị
2337	50823514	PHAN THI SONG NHI	Nữ	04.05.2006	SXCT	Quảng Trị
2338	50823516	LE THI THUY TIEN	Nữ	02.01.2005	SXCT	Quảng Trị
2339	50823522	TRUONG THI YEN	Nữ	11.02.2006	SXCT	Quảng Trị
2340	50823523	TRAN QUANG HUYNH	Nam	07.07.2003	SXCT	Quảng Trị
2341	50823525	NGUYEN PHAN HA TRANG	Nữ	12.10.2001	SXCT	Quảng Trị
2342	50823530	LE PHUOC DONG	Nam	13.09.1996	SXCT	Quảng Trị
2343	50823531	NGUYEN THI MAI	Nữ	08.09.2000	SXCT	Quảng Trị
2344	50823533	NGUYEN VAN QUYEN	Nam	13.07.2005	SXCT	Quảng Trị
2345	50823536	NGUYEN THI CAM NHUNG	Nữ	09.11.1997	SXCT	Quảng Trị
2346	50823537	NGUYEN VAN CHANH	Nam	16.08.1991	SXCT	Quảng Trị
2347	50823538	NGUYEN CHI TAI	Nam	25.02.2007	SXCT	Quảng Trị
2348	50823539	NGUYEN THI LIEU	Nữ	01.04.1998	SXCT	Quảng Trị
2349	50823544	NGUYEN KHAC QUYET	Nam	25.07.1993	SXCT	Quảng Trị
2350	50823550	PHAN THI TRUC LINH	Nữ	06.06.2001	SXCT	Quảng Trị
2351	50823551	TRAN THI THACH	Nữ	10.06.2002	SXCT	Quảng Trị
2352	50823552	NGUYEN XUAN THUONG	Nam	25.01.1997	SXCT	Quảng Trị
2353	50823553	NGUYEN THI THUY	Nữ	10.02.2001	SXCT	Quảng Trị
2354	50823558	NGUYEN ANH VU	Nam	04.07.2007	SXCT	Quảng Trị
2355	50823564	TRAN THI NHUNG	Nữ	24.12.2002	SXCT	Quảng Trị
2356	50823567	LE THI QUYNH NHU	Nữ	14.06.2007	SXCT	Quảng Trị
2357	50823569	HA VAN SO	Nam	25.04.1997	SXCT	Quảng Trị
2358	50823570	HOANG CONG THANH THIEN	Nam	17.12.1998	SXCT	Quảng Trị
2359	50823573	BUI THI LUU	Nữ	07.03.1997	SXCT	Quảng Trị
2360	50823576	NGUYEN PHUONG DUY	Nam	12.11.2005	SXCT	Quảng Trị
2361	50823579	HOANG THI QUYNH ANH	Nữ	04.03.2007	SXCT	Quảng Trị
2362	50823584	LE VAN THANH DAT	Nam	01.06.1997	SXCT	Quảng Trị
2363	50823585	PHAM THI MY HANH	Nữ	04.10.1997	SXCT	Quảng Trị
2364	50823587	TRAN THI HUONG	Nữ	10.11.1998	SXCT	Quảng Trị
2365	50823590	TRAN THI THUY	Nữ	15.05.1993	SXCT	Quảng Trị
2366	50823594	NGUYEN THI NGOC	Nữ	06.10.1994	SXCT	Quảng Trị
2367	50823595	VO THI LY LY	Nữ	26.01.1998	SXCT	Quảng Trị
2368	50823597	LE QUY TRONG	Nam	26.09.2000	SXCT	Quảng Trị
2369	50823600	NGUYEN THI LOAN	Nữ	30.05.2000	SXCT	Quảng Trị
2370	50823602	NGO XUAN THUAN	Nam	10.04.2004	SXCT	Quảng Trị
2371	50823609	NGUYEN THI LINH	Nữ	09.10.2006	SXCT	Quảng Trị
2372	50823610	LE QUOC MANH	Nam	07.05.1998	SXCT	Quảng Trị
2373	50823612	TRAN ANH KIET	Nam	13.08.2007	SXCT	Quảng Trị
2374	50823613	TRAN NGOC BIEN	Nam	10.09.1998	SXCT	Quảng Trị
2375	50823614	MAI THI HUYEN TRANG	Nữ	25.05.2001	SXCT	Quảng Trị
2376	50823615	NGUYEN THI HUE	Nữ	15.11.2000	SXCT	Quảng Trị
2377	50823617	DO PHU TINH	Nam	24.10.1990	SXCT	Quảng Trị
2378	50823620	TRAN NGOC YEN NHI	Nữ	29.07.2006	SXCT	Quảng Trị
2379	50823621	PHAM NHU HANG	Nữ	28.11.2000	SXCT	Quảng Trị
2380	50823622	TRAN THI PHUONG NHI	Nữ	10.03.2005	SXCT	Quảng Trị
2381	50823625	DOAN VAN THANG	Nam	04.06.2004	SXCT	Quảng Trị
2382	50823627	BUI VAN MAN	Nam	12.08.1992	SXCT	Quảng Trị
2383	50823628	TRUONG HUU DAT	Nam	18.03.2002	SXCT	Quảng Trị
2384	50823629	TRUONG QUANG HOANG	Nam	25.10.1999	SXCT	Quảng Trị
2385	50823630	NGUYEN DANG BAO	Nam	01.05.2007	SXCT	Quảng Trị
2386	50823631	NGO THI NHU HANG	Nữ	14.05.2000	SXCT	Quảng Trị
2387	50823633	NGUYEN VAN THONG	Nam	05.07.2005	SXCT	Quảng Trị
2388	50823635	TRAN VAN VU HOAI	Nam	21.02.2004	SXCT	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2389	50823638	TRAN THI DUYEN	Nữ	09.08.1994	SXCT	Quảng Trị
2390	50823640	NGUYEN HUY HOANG	Nam	26.07.2004	SXCT	Quảng Trị
2391	50823641	NGUYEN THI NHU PHUONG	Nữ	24.04.1998	SXCT	Quảng Trị
2392	50823643	NGUYEN QUOC ANH KHOA	Nam	05.09.2004	SXCT	Quảng Trị
2393	50823647	TRAN DINH TAI	Nam	18.10.1994	SXCT	Quảng Trị
2394	50823651	NGUYEN THI CHUNG	Nữ	18.06.1995	SXCT	Quảng Trị
2395	50823655	LE VAN SY	Nam	19.04.1994	SXCT	Quảng Trị
2396	50823657	LAM CONG ANH	Nam	11.06.1996	SXCT	Quảng Trị
2397	50823658	NGUYEN DUC THANH	Nam	20.11.2006	SXCT	Quảng Trị
2398	50823659	LUONG THI MY TRINH	Nữ	19.08.2001	SXCT	Quảng Trị
2399	50823660	NGUYEN THI LAN NHI	Nữ	20.03.2005	SXCT	Quảng Trị
2400	50823664	LE THI HONG NHUNG	Nữ	30.11.1999	SXCT	Quảng Trị
2401	50823673	DUONG VAN TRUONG	Nam	05.11.1997	SXCT	Quảng Trị
2402	50823674	LE VAN NGHIA	Nam	05.01.1997	SXCT	Quảng Trị
2403	50823675	NGUYEN THI THUY	Nữ	03.09.2000	SXCT	Quảng Trị
2404	50823676	NGUYEN NGOC NHI	Nữ	15.07.2004	SXCT	Quảng Trị
2405	50823683	NGUYEN DINH DONG	Nam	29.10.2004	SXCT	Quảng Trị
2406	50823686	NGUYEN VAN DIEN	Nam	15.01.2005	SXCT	Quảng Trị
2407	50823687	LE VAN DOAN	Nam	12.10.2003	SXCT	Quảng Trị
2408	50823689	HOANG THI HIEU	Nữ	16.09.1999	SXCT	Quảng Trị
2409	50823691	LE THIEN QUY	Nam	20.06.2003	SXCT	Quảng Trị
2410	50823699	NGUYEN VAN TIEN	Nam	29.10.2002	SXCT	Quảng Trị
2411	50823707	TRAN THI HIEP	Nữ	03.07.2004	SXCT	Quảng Trị
2412	50823708	LE THI DIEM QUYNH	Nữ	28.01.2004	SXCT	Quảng Trị
2413	50823711	NGUYEN TRI LOC	Nam	09.10.2004	SXCT	Quảng Trị
2414	50823724	BUI NHU NGOC	Nữ	27.04.2006	SXCT	Quảng Trị
2415	50823725	LE HOANG OANH	Nam	20.11.2002	SXCT	Quảng Trị
2416	50823726	LE TRI VIET SON	Nam	25.06.2005	SXCT	Quảng Trị
2417	50823727	LE VAN HAI	Nam	22.01.2007	SXCT	Quảng Trị
2418	50823731	NGUYEN VAN HUNG	Nam	05.01.1999	SXCT	Quảng Trị
2419	50823736	BUI DINH KIEU	Nam	15.05.2000	SXCT	Quảng Trị
2420	50823742	NGUYEN THANH TRI	Nam	31.01.1993	SXCT	Quảng Trị
2421	50823753	NGUYEN VAN DUOC	Nam	01.04.2001	SXCT	Quảng Trị
2422	50823762	NGUYEN THI KHANH DIEM	Nữ	05.09.1997	SXCT	Quảng Trị
2423	50823764	NGUYEN THI YEN NHI	Nữ	22.11.2000	SXCT	Quảng Trị
2424	50910021	VO CHANH TRIEU	Nam	06.11.2001	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2425	50910022	BUI DINH DANG	Nam	09.02.1991	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2426	50910023	VO QUOC PHUNG	Nam	03.01.2003	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2427	50910025	NGUYEN CONG HOAI NAM	Nam	19.05.2005	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2428	50910028	NGUYEN XUAN PHONG	Nam	22.04.1994	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2429	50910029	NGUYEN DINH PHUC	Nam	24.04.1995	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2430	50910030	TRAN VAN CUONG	Nam	28.12.2006	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2431	50910031	TRAN MINH DUC	Nam	01.04.2001	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2432	50910032	DOAN XUAN NGHIA	Nam	20.07.2004	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2433	50910033	BUI VAN KHANH	Nam	10.04.1998	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2434	50910034	PHAN VAN MINH	Nam	28.09.1994	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2435	50910035	HOANG VAN DUY	Nam	15.06.1990	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2436	50910036	DAO PHUOC SON	Nam	20.06.1992	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2437	50910037	DANG DUC HUY	Nam	14.06.2006	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2438	50910039	LE THAI BAO	Nam	22.11.2005	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2439	51010041	LE MINH HUU	Nam	20.06.2005	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2440	51310002	VO VAN DAT	Nam	18.12.1998	Công nghiệp gốc	Quảng Trị
2441	50200446	QUANG VAN LAP	Nam	06.08.2002	Nông nghiệp	Sơn La
2442	50200447	LEO THI HA	Nữ	23.11.2003	Nông nghiệp	Sơn La
2443	50200448	LUONG LE THUY	Nữ	22.05.2002	Nông nghiệp	Sơn La
2444	50807901	LO MANH VAN	Nam	10.07.2006	SXCT	Sơn La
2445	50807902	LO VAN HIEU	Nam	18.01.1989	SXCT	Sơn La

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2446	50807906	CAM VAN DUY	Nam	25.09.2004	SXCT	Sơn La
2447	50807908	DONG XUAN TRUONG	Nam	26.09.2002	SXCT	Sơn La
2448	50807909	TONG VAN DUYEN	Nam	09.02.1991	SXCT	Sơn La
2449	50807912	PHAN THI HUE	Nữ	12.03.2005	SXCT	Sơn La
2450	50807914	LO HOANG NGHIEP	Nam	08.06.2007	SXCT	Sơn La
2451	50807918	DINH VAN DAO	Nam	28.08.2004	SXCT	Sơn La
2452	50807919	QUANG BINH NGUYEN	Nam	26.12.2007	SXCT	Sơn La
2453	50807920	SONG A PHANH	Nam	02.08.2005	SXCT	Sơn La
2454	50807921	CA VAN LAM	Nam	01.10.2006	SXCT	Sơn La
2455	50807928	VANG A TENH	Nam	05.12.2006	SXCT	Sơn La
2456	50807929	LUU THI PHUOC HANH	Nữ	19.02.2006	SXCT	Sơn La
2457	50807936	VANG A CHAI	Nam	18.02.2006	SXCT	Sơn La
2458	50807938	QUANG VAN SO	Nam	09.04.1993	SXCT	Sơn La
2459	50807939	THAO LAO LOI	Nam	12.11.2006	SXCT	Sơn La
2460	50807943	LO THI LUONG CHI	Nữ	08.09.2006	SXCT	Sơn La
2461	50807944	CA THI THANH CHUC	Nữ	27.09.2007	SXCT	Sơn La
2462	50807946	LO VAN MINH	Nam	19.11.1990	SXCT	Sơn La
2463	50807948	TONG VAN DIEP	Nam	07.01.2006	SXCT	Sơn La
2464	50807952	LO THI THAM	Nữ	19.01.1999	SXCT	Sơn La
2465	50910040	LO VAN NINH	Nam	01.01.1996	Công nghiệp gốc	Sơn La
2466	50910041	VU A TIEN	Nam	06.07.1996	Công nghiệp gốc	Sơn La
2467	50201791	TO PHUONG KIEU	Nữ	26.02.1991	Nông nghiệp	Tây Ninh
2468	50201792	NGUYEN THI MO	Nữ	10.12.1989	Nông nghiệp	Tây Ninh
2469	50201793	TRAN VAN TUAN	Nam	01.01.1997	Nông nghiệp	Tây Ninh
2470	50201796	HA THANH TU	Nam	18.08.1995	Nông nghiệp	Tây Ninh
2471	50201797	DO NHUT NAM	Nam	18.02.2001	Nông nghiệp	Tây Ninh
2472	50828363	DANG NGOC HUONG TRANG	Nữ	27.07.1993	SXCT	Tây Ninh
2473	50828364	NGUYEN THI TUOI	Nữ	01.06.2003	SXCT	Tây Ninh
2474	50828366	DO LIEN HOANG	Nam	09.05.1995	SXCT	Tây Ninh
2475	50828368	BUI DAN TRUONG	Nam	10.11.2006	SXCT	Tây Ninh
2476	50828369	VO THI NGOC DIEM	Nữ	28.08.1994	SXCT	Tây Ninh
2477	50828370	LAM NHAT NAM	Nam	15.10.2002	SXCT	Tây Ninh
2478	50828371	NGUYEN VAN SY	Nam	22.09.2003	SXCT	Tây Ninh
2479	50828372	HUYNH THI NGOC TRAM	Nữ	24.09.1997	SXCT	Tây Ninh
2480	50828373	NGUYEN HUU PHUOC	Nam	06.03.2003	SXCT	Tây Ninh
2481	50828383	DUONG CHI HAO	Nam	31.07.2004	SXCT	Tây Ninh
2482	50828388	NGUYEN THI NGOC HUONG	Nữ	17.08.2002	SXCT	Tây Ninh
2483	50828393	DOAN ANH THU	Nữ	23.06.2002	SXCT	Tây Ninh
2484	50828398	TRAN HOANG BAO	Nam	06.09.1996	SXCT	Tây Ninh
2485	50828404	NGUYEN TRONG NGHIA	Nam	02.03.2002	SXCT	Tây Ninh
2486	50828410	TRAN NGOC BAO THY	Nữ	13.11.2007	SXCT	Tây Ninh
2487	50828426	VUONG TRUC DUNG	Nữ	30.10.2000	SXCT	Tây Ninh
2488	50828527	DUONG TUAN KIET	Nam	04.10.2007	SXCT	Tây Ninh
2489	50828531	NGUYEN TUONG VY	Nữ	14.07.2004	SXCT	Tây Ninh
2490	50828535	LE QUOC THAI	Nam	19.10.1998	SXCT	Tây Ninh
2491	50828537	TRAN THI BICH NGOC	Nữ	06.05.2000	SXCT	Tây Ninh
2492	50828548	VO LE HOANG QUOC TRUNG	Nam	10.09.1989	SXCT	Tây Ninh
2493	51010043	PHAN VAN CAT	Nam	01.01.1988	Công nghiệp gốc	Tây Ninh
2494	51010045	NGUYEN MINH DUONG	Nam	29.06.1997	Công nghiệp gốc	Tây Ninh
2495	51010046	NGUYEN THI VIET TRINH	Nữ	23.08.1996	Công nghiệp gốc	Tây Ninh
2496	50200476	HOANG THE ANH	Nam	19.02.1990	Nông nghiệp	Thái Nguyên
2497	50200477	HOANG VAN HOAI	Nam	13.06.1999	Nông nghiệp	Thái Nguyên
2498	50200479	HOANG THI THANH LUYEN	Nữ	12.08.2005	Nông nghiệp	Thái Nguyên
2499	50808101	DO DINH DONG	Nam	07.08.1996	SXCT	Thái Nguyên
2500	50808103	TRAN THI THUONG	Nữ	15.07.2001	SXCT	Thái Nguyên
2501	50808104	NGUYEN THI TRANG	Nữ	03.08.2000	SXCT	Thái Nguyên
2502	50808109	UONG VAN DAT	Nam	26.12.2001	SXCT	Thái Nguyên

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2503	50808113	PHAN THI NHUNG	Nữ	19.11.2006	SXCT	Thái Nguyên
2504	50808114	PHAM MINH NAM	Nam	16.06.1995	SXCT	Thái Nguyên
2505	50808117	DUONG NGOC DUY	Nam	05.08.2004	SXCT	Thái Nguyên
2506	50808118	NGUYEN DUY HUNG	Nam	11.02.2007	SXCT	Thái Nguyên
2507	50808119	HOANG ANH TRUONG	Nam	08.08.1996	SXCT	Thái Nguyên
2508	50808121	TRAN THI NUONG	Nữ	07.08.2005	SXCT	Thái Nguyên
2509	50808125	LE VAN CUONG	Nam	03.06.1995	SXCT	Thái Nguyên
2510	50808126	NGUYEN THI HONG LOAN	Nữ	29.08.2003	SXCT	Thái Nguyên
2511	50808128	NONG THI THU HANG	Nữ	27.10.2003	SXCT	Thái Nguyên
2512	50808132	LUC THI THOM	Nữ	30.11.2000	SXCT	Thái Nguyên
2513	50808134	VU THI LOI	Nữ	02.08.2000	SXCT	Thái Nguyên
2514	50808136	NGUYEN THU THAO	Nữ	12.12.2006	SXCT	Thái Nguyên
2515	50808137	LUC DINH DUY	Nam	10.08.2002	SXCT	Thái Nguyên
2516	50808140	HOANG TRUONG CONG	Nam	09.06.1993	SXCT	Thái Nguyên
2517	50808144	LE TUAN ANH	Nam	08.06.2005	SXCT	Thái Nguyên
2518	50808145	TRAN QUANG KHAI	Nam	23.08.2006	SXCT	Thái Nguyên
2519	50808146	BUI NGOC LIEN	Nữ	02.11.2004	SXCT	Thái Nguyên
2520	50808149	LY THI TIEN	Nữ	25.09.1999	SXCT	Thái Nguyên
2521	50808154	NGUYEN QUOC DAT	Nam	14.11.2006	SXCT	Thái Nguyên
2522	50808155	NGUYEN HOANG DUY	Nam	18.03.2007	SXCT	Thái Nguyên
2523	50808157	VUONG THI THUONG	Nữ	30.10.1999	SXCT	Thái Nguyên
2524	50808158	PHAM DUY HUNG	Nam	16.04.2005	SXCT	Thái Nguyên
2525	50808161	DO XUAN QUANG	Nam	18.09.2004	SXCT	Thái Nguyên
2526	50808165	NGUYEN DANG KIEN	Nam	17.08.2003	SXCT	Thái Nguyên
2527	50808167	HOANG THI LE HANG	Nữ	22.11.2007	SXCT	Thái Nguyên
2528	50808173	TRIEU THI VIET TRINH	Nữ	17.12.2002	SXCT	Thái Nguyên
2529	50808175	LE CONG MINH	Nam	08.02.2002	SXCT	Thái Nguyên
2530	50808176	TRIEU THI HOAI	Nữ	26.03.2005	SXCT	Thái Nguyên
2531	50808177	TRAN VAN TON	Nam	08.08.1994	SXCT	Thái Nguyên
2532	50808182	DUONG VAN HUY	Nam	21.12.2006	SXCT	Thái Nguyên
2533	50808194	HAU VAN TRUONG	Nam	16.01.2001	SXCT	Thái Nguyên
2534	50808197	NGUYEN DINH LUC	Nam	16.12.2003	SXCT	Thái Nguyên
2535	50808198	NGUYEN HOANG THAI BAO	Nam	07.02.2005	SXCT	Thái Nguyên
2536	50808212	NGUYEN THI HOAN	Nữ	06.02.1998	SXCT	Thái Nguyên
2537	50910045	LY VAN DONG	Nam	03.07.2003	Công nghiệp gốc	Thái Nguyên
2538	50910047	TRAN VAN TIEN	Nam	11.11.1999	Công nghiệp gốc	Thái Nguyên
2539	50910048	LE THANH HAI	Nam	01.01.1988	Công nghiệp gốc	Thái Nguyên
2540	51010047	NGUYEN MINH DUNG	Nam	22.08.1999	Công nghiệp gốc	Thái Nguyên
2541	50200666	HA THI DAU	Nữ	25.02.1993	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2542	50200672	HA THI THI	Nữ	13.09.1993	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2543	50200673	HA VAN TUAN	Nam	07.08.2000	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2544	50200675	HA THI HOA	Nữ	13.12.1995	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2545	50200677	LE THI KHANH LY	Nữ	02.09.1997	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2546	50200679	HA VAN LOI	Nam	07.06.1991	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2547	50200684	DO THI OANH	Nữ	06.12.1999	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2548	50200685	LANG THI DUYEN	Nữ	15.06.1999	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2549	50200686	PHAM THI HANH	Nữ	07.08.1992	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2550	50200688	LUONG THI NGOC	Nữ	01.09.2003	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2551	50200689	HA THI KIEU ANH	Nữ	20.10.2005	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2552	50200691	VI THI MAI THU	Nữ	21.11.2005	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2553	50200692	LUONG VAN QUE	Nam	13.03.2005	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2554	50200695	VI VAN TUAN	Nam	21.01.1999	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2555	50200697	LO VAN THANH	Nam	26.04.2000	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2556	50200698	LO THI THUONG	Nữ	25.11.2003	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2557	50200699	CAO THI THAO	Nữ	06.02.1996	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2558	50200700	VI THI THANH	Nữ	07.02.2006	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2559	50200705	LO VAN HANH	Nam	01.09.1998	Nông nghiệp	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2560	50200707	NGAN VAN LAM	Nam	27.07.1990	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2561	50200710	BUI VAN HOA	Nam	10.03.1994	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2562	50200711	HA THANH TUNG	Nam	28.02.2006	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2563	50200712	LUONG THI HONG	Nữ	28.08.2004	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2564	50200713	NGUYEN CONG THANH	Nam	15.07.2000	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2565	50200714	NGUYEN HONG PHUC	Nam	28.03.1999	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2566	50200715	LE HUU DUONG	Nam	05.09.1991	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2567	50200717	LUONG VAN THE	Nam	05.10.2007	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2568	50200719	LO THI TINH	Nữ	08.10.1996	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2569	50200720	LO VAN DUNG	Nam	10.02.1996	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2570	50200723	LE THI HUONG	Nữ	09.10.1989	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2571	50200726	BUI VAN SAC	Nam	17.02.1997	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2572	50200728	LUONG VAN CUONG	Nam	24.11.1998	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2573	50200729	BUI THI LANH	Nữ	20.05.2003	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2574	50200730	NGUYEN THI HOAI	Nữ	23.08.1998	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2575	50200731	BUI NGOC ANH	Nam	20.02.2001	Nông nghiệp	Thanh Hóa
2576	50310268	LE KHA PHU	Nam	04.07.2001	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2577	50310269	LE VAN THONG	Nam	21.03.2002	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2578	50310271	BUI THI OANH	Nữ	19.10.2003	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2579	50310272	NGUYEN VAN NAM	Nam	20.10.2001	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2580	50310275	CAO VAN HOAN	Nam	18.10.2006	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2581	50310277	PHAM VAN DUOC	Nam	08.03.2001	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2582	50310279	NGUYEN THI THANH	Nữ	20.01.1993	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2583	50310280	DINH THI THU	Nữ	06.07.1994	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2584	50310281	PHAM VAN VU	Nam	15.02.2002	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2585	50310282	VU DUC TRUNG	Nam	28.01.2005	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2586	50310283	PHUNG MINH SU	Nam	28.04.1997	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2587	50310285	NGO VAN DAT	Nam	29.11.2004	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2588	50310286	HOANG VAN HUY	Nam	27.11.1991	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2589	50310287	VU DINH DUC	Nam	20.04.2004	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2590	50310289	THIEU QUOC VIET	Nam	10.06.1997	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2591	50310291	DINH ANH XUAN	Nam	03.06.1996	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2592	50310292	LE VAN DUY	Nam	02.07.2000	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2593	50310293	PHAM VAN DONG	Nam	29.06.1992	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2594	50310294	NGUYEN THUA DUNG	Nam	10.07.1991	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2595	50310296	TRAN TRI CUONG	Nam	23.05.1999	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2596	50310297	NGUYEN VAN TIEN	Nam	07.02.1999	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2597	50310298	NGUYEN SY KHANH	Nam	20.07.2006	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2598	50310301	NGUYEN VAN DAN	Nam	30.10.2005	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2599	50310302	DONG VAN QUY	Nam	30.09.2003	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2600	50310304	VU QUOC LONG	Nam	29.08.2001	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2601	50310305	NGO MINH GIANG	Nam	03.09.2003	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2602	50310307	NGUYEN VAN HUNG	Nam	10.01.2006	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2603	50310308	DAO VAN VIET	Nam	03.08.1995	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2604	50310309	UONG VAN LAM	Nam	14.02.1994	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2605	50310310	NGUYEN TRONG TRUONG	Nam	17.02.1997	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2606	50310311	THUA THI NGAN	Nữ	17.01.1993	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2607	50310314	NGUYEN VAN VU	Nam	16.09.1991	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2608	50310316	TRAN QUANG TIEN	Nam	22.07.1992	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2609	50310317	DANG BA LINH	Nam	06.04.1999	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2610	50310318	DUONG QUOC VIET	Nam	26.01.2005	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2611	50310320	TRAN THI HUONG LY	Nữ	04.02.2007	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2612	50310321	TRAN VIET TRUNG	Nam	09.11.2007	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2613	50310322	NGUYEN VAN LUAN	Nam	10.12.2000	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2614	50310323	PHAM VAN TUAN	Nam	10.08.1989	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2615	50310324	NGUYEN THI THAO	Nữ	12.08.1995	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2616	50310325	TRUONG VAN SAU	Nam	15.09.1991	Ngư nghiệp	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2617	50310331	DONG PHUONG VI	Nữ	20.08.2002	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2618	50310333	NGUYEN DINH HOANG	Nam	13.03.1992	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2619	50310334	NGUYEN VAN BA	Nam	08.09.1997	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2620	50310336	LE TRUONG THANH	Nam	05.07.1994	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2621	50310337	TRINH NGOC TRI	Nam	19.02.1989	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2622	50310342	PHAM VAN DUC	Nam	13.05.1999	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2623	50310345	LE CONG CUONG	Nam	18.04.2007	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2624	50310347	HOANG MINH DUC	Nam	30.12.1997	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2625	50310348	CAO VAN TU	Nam	20.05.1999	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
2626	50811501	DAO VAN HUAN	Nam	31.10.2006	SXCT	Thanh Hóa
2627	50811502	NGUYEN ANH QUAN	Nam	03.10.2000	SXCT	Thanh Hóa
2628	50811504	NGUYEN THI THANH THUY	Nữ	18.12.2003	SXCT	Thanh Hóa
2629	50811505	LE THUY NGAN	Nữ	07.09.2007	SXCT	Thanh Hóa
2630	50811507	VI THI DUNG	Nữ	25.01.1995	SXCT	Thanh Hóa
2631	50811509	HA THI HAO	Nữ	01.12.1998	SXCT	Thanh Hóa
2632	50811511	HA THI KIM HUE	Nữ	01.06.2000	SXCT	Thanh Hóa
2633	50811513	LUONG THI MAI	Nữ	24.01.1999	SXCT	Thanh Hóa
2634	50811515	BUI THI LE QUYEN	Nữ	28.10.2003	SXCT	Thanh Hóa
2635	50811518	TRUONG VAN GIANG	Nam	04.06.1990	SXCT	Thanh Hóa
2636	50811519	TRINH VIET DUC	Nam	16.10.2004	SXCT	Thanh Hóa
2637	50811520	DUONG VAN HAO	Nam	14.08.1999	SXCT	Thanh Hóa
2638	50811521	HA TRUONG GIANG	Nam	16.10.1994	SXCT	Thanh Hóa
2639	50811522	TRINH TRUNG HAU	Nam	24.11.2003	SXCT	Thanh Hóa
2640	50811523	TAO VAN TIEN	Nam	05.06.2007	SXCT	Thanh Hóa
2641	50811527	DO MANH DUNG	Nam	27.04.2004	SXCT	Thanh Hóa
2642	50811528	HA VAN KHUYEN	Nam	30.04.2003	SXCT	Thanh Hóa
2643	50811529	TRAN DUC DUY	Nam	11.02.2006	SXCT	Thanh Hóa
2644	50811531	PHAM THI THUY	Nữ	13.04.2001	SXCT	Thanh Hóa
2645	50811535	CAO NGOC NOI	Nam	03.11.2004	SXCT	Thanh Hóa
2646	50811536	TRUONG VAN SON	Nam	02.03.2001	SXCT	Thanh Hóa
2647	50811537	HA VAN THI	Nam	04.02.2004	SXCT	Thanh Hóa
2648	50811540	BUI VAN NHAN	Nam	01.01.1995	SXCT	Thanh Hóa
2649	50811541	HA THANH BINH	Nam	28.02.2004	SXCT	Thanh Hóa
2650	50811543	CAM BA NHAT	Nam	17.07.2006	SXCT	Thanh Hóa
2651	50811544	NGUYEN DUC TRIEU	Nam	01.01.2006	SXCT	Thanh Hóa
2652	50811548	LUU QUANG THANG	Nam	03.09.1988	SXCT	Thanh Hóa
2653	50811552	HA MANH THANG	Nam	06.03.1997	SXCT	Thanh Hóa
2654	50811554	LANG CONG HOAN	Nam	10.10.2007	SXCT	Thanh Hóa
2655	50811558	BUI MINH HAN	Nam	24.09.1998	SXCT	Thanh Hóa
2656	50811560	TRUONG CONG TINH	Nam	13.08.1998	SXCT	Thanh Hóa
2657	50811562	TRAN THI DIEP	Nữ	27.05.2000	SXCT	Thanh Hóa
2658	50811564	DUONG NGOC VIET	Nam	23.11.2007	SXCT	Thanh Hóa
2659	50811565	BUI QUANG HUY	Nam	23.08.2005	SXCT	Thanh Hóa
2660	50811568	VU THI HIEN	Nữ	28.05.1995	SXCT	Thanh Hóa
2661	50811569	TRIEU VAN VU	Nam	19.09.2001	SXCT	Thanh Hóa
2662	50811570	LE THI HONG	Nữ	21.11.1994	SXCT	Thanh Hóa
2663	50811572	LU THI KIM OANH	Nữ	02.11.2007	SXCT	Thanh Hóa
2664	50811573	LE THI HOAI	Nữ	18.02.1991	SXCT	Thanh Hóa
2665	50811575	IOANG NGUYEN LAN PHUON	Nữ	05.11.2005	SXCT	Thanh Hóa
2666	50811578	HA THI NHUNG	Nữ	17.04.1992	SXCT	Thanh Hóa
2667	50811579	CAO THI DIEU CHAU	Nữ	28.11.2006	SXCT	Thanh Hóa
2668	50811583	PHAM CONG TOAN	Nam	24.12.2000	SXCT	Thanh Hóa
2669	50811584	LE THI NHUNG	Nữ	23.12.1990	SXCT	Thanh Hóa
2670	50811588	QUACH VAN XUYEN	Nam	08.10.1995	SXCT	Thanh Hóa
2671	50811592	NGUYEN MINH TAN	Nam	19.08.2007	SXCT	Thanh Hóa
2672	50811595	LUONG THI LAN	Nữ	12.10.2006	SXCT	Thanh Hóa
2673	50811601	VI HOANG ANH	Nữ	08.11.2004	SXCT	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2674	50811605	DOAN LE HOANG PHUC	Nam	12.10.2006	SXCT	Thanh Hóa
2675	50811608	DINH VAN TINH	Nam	13.12.1991	SXCT	Thanh Hóa
2676	50811609	PHAM VAN HAI	Nam	23.08.2004	SXCT	Thanh Hóa
2677	50811611	TRAN PHUC THIEN	Nam	19.10.1997	SXCT	Thanh Hóa
2678	50811612	LU THI HA	Nữ	13.10.2004	SXCT	Thanh Hóa
2679	50811613	LE THI THUY DUNG	Nữ	26.11.2001	SXCT	Thanh Hóa
2680	50811615	BUI THI YEN NHI	Nữ	07.08.2006	SXCT	Thanh Hóa
2681	50811618	LE HOANG HIEU	Nam	01.07.2002	SXCT	Thanh Hóa
2682	50811620	VI THANH TRUNG	Nam	03.03.2005	SXCT	Thanh Hóa
2683	50811622	HA VAN KIEN	Nam	01.11.2007	SXCT	Thanh Hóa
2684	50811623	LUONG THI MANH	Nữ	11.02.2006	SXCT	Thanh Hóa
2685	50811626	PHI VAN TIN	Nam	17.04.2003	SXCT	Thanh Hóa
2686	50811632	BUI THI THU	Nữ	19.03.1993	SXCT	Thanh Hóa
2687	50811633	VI VAN HIEU	Nam	28.05.1998	SXCT	Thanh Hóa
2688	50811635	DANG DINH TIEN	Nam	15.01.2000	SXCT	Thanh Hóa
2689	50811638	NGO THI LAN	Nữ	07.10.1996	SXCT	Thanh Hóa
2690	50811641	QUACH VAN DAT	Nam	20.05.1993	SXCT	Thanh Hóa
2691	50811642	HA DINH LUAN	Nam	16.03.1993	SXCT	Thanh Hóa
2692	50811645	TRINH DINH HUNG	Nam	10.07.2006	SXCT	Thanh Hóa
2693	50811647	NGUYEN XUAN LUONG	Nam	05.07.1987	SXCT	Thanh Hóa
2694	50811649	LE VAN DUY	Nam	12.03.2004	SXCT	Thanh Hóa
2695	50811650	TRAN THI LAN	Nữ	13.02.2004	SXCT	Thanh Hóa
2696	50811654	TRAN VAN DUNG	Nam	04.09.2003	SXCT	Thanh Hóa
2697	50811662	LE VIET MANH	Nam	22.10.2001	SXCT	Thanh Hóa
2698	50811665	HA VAN HUNG	Nam	21.08.1998	SXCT	Thanh Hóa
2699	50811669	VI VAN KE	Nam	20.10.2001	SXCT	Thanh Hóa
2700	50811670	HOANG THI LE	Nữ	23.02.2000	SXCT	Thanh Hóa
2701	50811676	HA VAN CUONG	Nam	12.07.1998	SXCT	Thanh Hóa
2702	50811677	VI THI NGOC	Nữ	20.03.2006	SXCT	Thanh Hóa
2703	50811680	HA VAN HAO	Nam	13.01.2006	SXCT	Thanh Hóa
2704	50811685	NGUYEN DUY HUAN	Nam	20.12.1996	SXCT	Thanh Hóa
2705	50811687	LE THI PHUONG ANH	Nữ	16.07.2002	SXCT	Thanh Hóa
2706	50811689	DOAN DINH THANG	Nam	12.09.2004	SXCT	Thanh Hóa
2707	50811690	NGUYEN THE DAT	Nam	27.03.1999	SXCT	Thanh Hóa
2708	50811695	NGUYEN QUOC CUONG	Nam	01.04.2003	SXCT	Thanh Hóa
2709	50811699	NGUYEN TIEN PHONG	Nam	30.11.2006	SXCT	Thanh Hóa
2710	50811701	BUI VAN TRUNG	Nam	12.12.2002	SXCT	Thanh Hóa
2711	50811705	HAN VAN HANH	Nam	09.06.2002	SXCT	Thanh Hóa
2712	50811707	LE ANH TUAN	Nam	10.04.2007	SXCT	Thanh Hóa
2713	50811708	TRAN VAN AN	Nam	04.09.2001	SXCT	Thanh Hóa
2714	50811709	PHAM DANG PHU	Nam	02.01.2003	SXCT	Thanh Hóa
2715	50811710	TRAN VAN HIEU	Nam	30.03.1999	SXCT	Thanh Hóa
2716	50811711	LE THI KHANH LINH	Nữ	08.02.2007	SXCT	Thanh Hóa
2717	50811712	TRAN THI THANH THANH	Nữ	15.03.2002	SXCT	Thanh Hóa
2718	50811717	PHAM THI PHUONG	Nữ	25.02.2007	SXCT	Thanh Hóa
2719	50811719	TRUONG NGOC TAI	Nam	23.08.2006	SXCT	Thanh Hóa
2720	50811723	DO DUY DUAN	Nam	02.03.2004	SXCT	Thanh Hóa
2721	50811724	PHAM VAN MANH	Nam	06.08.1993	SXCT	Thanh Hóa
2722	50811725	LE DOAN KHANH	Nam	20.04.2005	SXCT	Thanh Hóa
2723	50811726	LE BAT THIEN	Nam	17.03.2000	SXCT	Thanh Hóa
2724	50811728	PHAN THI PHUC	Nữ	26.02.2005	SXCT	Thanh Hóa
2725	50811729	LE TRONG TUAN TU	Nam	28.09.2007	SXCT	Thanh Hóa
2726	50811731	NGUYEN VAN THONG	Nam	03.02.1996	SXCT	Thanh Hóa
2727	50811732	NGUYEN KHANH HUYEN	Nữ	16.02.2000	SXCT	Thanh Hóa
2728	50811735	LU TRONG DAT	Nam	07.10.2006	SXCT	Thanh Hóa
2729	50811736	PHAM VAN DUAN	Nam	27.02.1995	SXCT	Thanh Hóa
2730	50811737	LE TRONG KHANG	Nam	07.11.2005	SXCT	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2731	50811740	PHUNG QUOC PHU	Nam	29.04.2006	SXCT	Thanh Hóa
2732	50811741	VU HAI DANG	Nam	09.09.2003	SXCT	Thanh Hóa
2733	50811743	LE QUANG MINH	Nam	02.06.2002	SXCT	Thanh Hóa
2734	50811744	BUI ANH TUAN	Nam	02.05.1997	SXCT	Thanh Hóa
2735	50811749	TONG VAN HAI	Nam	26.09.2000	SXCT	Thanh Hóa
2736	50811751	TRINH XUAN BANG	Nam	22.11.2003	SXCT	Thanh Hóa
2737	50811755	NGO THI GIANG	Nữ	06.06.2003	SXCT	Thanh Hóa
2738	50811758	HOANG THI LE	Nữ	18.01.1999	SXCT	Thanh Hóa
2739	50811759	NGUYEN VAN TAN	Nam	18.08.1992	SXCT	Thanh Hóa
2740	50811762	NGUYEN THI TRANG	Nữ	25.10.2001	SXCT	Thanh Hóa
2741	50811764	LE ANH DUNG	Nam	09.04.2005	SXCT	Thanh Hóa
2742	50811765	LE BA THANH	Nam	19.01.2004	SXCT	Thanh Hóa
2743	50811767	NGUYEN THI HOA	Nữ	21.02.2002	SXCT	Thanh Hóa
2744	50811769	NGUYEN VAN TRONG	Nam	04.09.2003	SXCT	Thanh Hóa
2745	50811770	NGUYEN VAN VUONG	Nam	02.02.2000	SXCT	Thanh Hóa
2746	50811771	NGUYEN ANH TUAN	Nam	24.10.1998	SXCT	Thanh Hóa
2747	50811772	LE VAN BINH	Nam	28.03.2006	SXCT	Thanh Hóa
2748	50811775	KIEU VAN HUNG	Nam	06.09.2002	SXCT	Thanh Hóa
2749	50811777	LE THI QUYNH	Nữ	14.01.2006	SXCT	Thanh Hóa
2750	50811778	HOANG VAN DAT	Nam	19.12.2006	SXCT	Thanh Hóa
2751	50811780	NGUYEN DUY KIEN	Nam	09.11.2006	SXCT	Thanh Hóa
2752	50811785	TRAN TRONG HUY	Nam	28.03.1996	SXCT	Thanh Hóa
2753	50811787	VU THI NHU	Nữ	01.11.1993	SXCT	Thanh Hóa
2754	50811792	TRINH HOANG LOC	Nam	13.09.2005	SXCT	Thanh Hóa
2755	50811796	NGUYEN TRUONG CONG	Nam	09.10.2005	SXCT	Thanh Hóa
2756	50811797	PHAM DINH HAI	Nam	26.06.2007	SXCT	Thanh Hóa
2757	50811798	DO QUANG HUY	Nam	02.08.2002	SXCT	Thanh Hóa
2758	50811800	BUI VAN CUONG	Nam	23.03.2005	SXCT	Thanh Hóa
2759	50811801	DINH VAN HIEU	Nam	15.06.2000	SXCT	Thanh Hóa
2760	50811808	NGUYEN SY DONG	Nam	07.12.2007	SXCT	Thanh Hóa
2761	50811809	LE NGOC THANH HUNG	Nam	07.11.2006	SXCT	Thanh Hóa
2762	50811816	HO MINH KIEN	Nam	04.02.2005	SXCT	Thanh Hóa
2763	50811819	LU VAN THANH	Nam	28.11.2004	SXCT	Thanh Hóa
2764	50811820	PHAM THI TRANG	Nữ	20.12.2003	SXCT	Thanh Hóa
2765	50811821	PHAM THI DUNG	Nữ	26.10.1993	SXCT	Thanh Hóa
2766	50811822	PHAM TRUNG KIEN	Nam	08.11.2003	SXCT	Thanh Hóa
2767	50811825	TRAN VAN LUAN	Nam	12.06.1992	SXCT	Thanh Hóa
2768	50811828	DAO VAN VU	Nam	30.12.1998	SXCT	Thanh Hóa
2769	50811830	LE BA TUNG	Nam	08.10.2001	SXCT	Thanh Hóa
2770	50811834	NGUYEN TAI BA	Nam	20.06.1993	SXCT	Thanh Hóa
2771	50811835	NGUYEN DUC TRI	Nam	01.10.2006	SXCT	Thanh Hóa
2772	50811837	CAO THI PHUONG ANH	Nữ	16.01.2002	SXCT	Thanh Hóa
2773	50811838	BUI MANH CUONG	Nam	07.06.2002	SXCT	Thanh Hóa
2774	50811839	LE THI KIEU OANH	Nữ	04.11.2004	SXCT	Thanh Hóa
2775	50811841	NGUYEN THI THUY TRANG	Nữ	20.04.2006	SXCT	Thanh Hóa
2776	50811843	LUONG THI HA	Nữ	02.03.2006	SXCT	Thanh Hóa
2777	50811847	TRUONG LE HANG	Nữ	21.10.2006	SXCT	Thanh Hóa
2778	50811848	NGUYEN THI HOA	Nữ	16.04.1987	SXCT	Thanh Hóa
2779	50811849	NGUYEN THI HUYEN TRANG	Nữ	21.12.2006	SXCT	Thanh Hóa
2780	50811851	LE VAN DUC	Nam	31.07.2004	SXCT	Thanh Hóa
2781	50811853	DO THI MAI	Nữ	17.08.1993	SXCT	Thanh Hóa
2782	50811854	MAI XUAN QUY	Nam	27.12.2005	SXCT	Thanh Hóa
2783	50811856	NGUYEN VAN BAO	Nam	18.10.2007	SXCT	Thanh Hóa
2784	50811857	NGUYEN BA HUY	Nam	26.06.2000	SXCT	Thanh Hóa
2785	50811858	LE THI HUONG	Nữ	21.03.1999	SXCT	Thanh Hóa
2786	50811861	TRAN THI HONG	Nữ	11.09.2002	SXCT	Thanh Hóa
2787	50811862	NGUYEN KHANH BANG	Nữ	14.02.2005	SXCT	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2788	50811865	NGUYEN HUU NAM	Nam	03.09.1996	SXCT	Thanh Hóa
2789	50811868	TRINH THI HUONG	Nữ	16.10.1997	SXCT	Thanh Hóa
2790	50811869	NGUYEN TRONG HUY	Nam	10.10.2002	SXCT	Thanh Hóa
2791	50811871	LE VAN DUC	Nam	04.09.2000	SXCT	Thanh Hóa
2792	50811873	TRAN BUI NAM	Nam	23.07.2003	SXCT	Thanh Hóa
2793	50811875	LE PHAM TRUONG	Nam	22.12.2004	SXCT	Thanh Hóa
2794	50811876	BUI CHI LONG	Nam	15.07.1991	SXCT	Thanh Hóa
2795	50811877	TRINH XUAN HIEP	Nam	15.12.1989	SXCT	Thanh Hóa
2796	50811879	TRAN TINH HOANG	Nam	17.11.1997	SXCT	Thanh Hóa
2797	50811880	VU DUC HUAN	Nam	05.02.2006	SXCT	Thanh Hóa
2798	50811883	VI VAN KHANH	Nam	17.03.2000	SXCT	Thanh Hóa
2799	50811885	NGUYEN VAN TOAN	Nam	01.05.1998	SXCT	Thanh Hóa
2800	50811886	PHAM VAN DUONG	Nam	01.01.2005	SXCT	Thanh Hóa
2801	50811888	LUONG XUAN CUONG	Nam	23.09.2006	SXCT	Thanh Hóa
2802	50811890	NGUYEN SY DAT	Nam	12.09.2005	SXCT	Thanh Hóa
2803	50811893	NGUYEN DUY HUY	Nam	28.10.2005	SXCT	Thanh Hóa
2804	50811896	TRAN VAN DAT	Nam	13.07.2005	SXCT	Thanh Hóa
2805	50811903	BUI THI PHUONG	Nữ	16.02.2006	SXCT	Thanh Hóa
2806	50811907	DINH NAM DUONG	Nam	13.07.2006	SXCT	Thanh Hóa
2807	50811908	MAI QUANG DUNG	Nam	25.02.2004	SXCT	Thanh Hóa
2808	50811911	TRAN THU HA	Nữ	06.05.2007	SXCT	Thanh Hóa
2809	50811915	LE THI NGUYEN	Nữ	15.03.2002	SXCT	Thanh Hóa
2810	50811917	LE THIEN VU	Nam	20.03.2001	SXCT	Thanh Hóa
2811	50811919	LUONG THI GIANG	Nữ	04.10.2005	SXCT	Thanh Hóa
2812	50811920	PHAM VIET ANH	Nam	05.08.2007	SXCT	Thanh Hóa
2813	50811924	CAO VAN GIANG	Nam	01.07.1994	SXCT	Thanh Hóa
2814	50811925	PHAM VAN TUAN	Nam	25.10.2002	SXCT	Thanh Hóa
2815	50811930	LE VAN HUNG	Nam	28.07.2006	SXCT	Thanh Hóa
2816	50811931	NGUYEN THI THUY	Nữ	17.01.2001	SXCT	Thanh Hóa
2817	50811932	HOANG KHANH LINH	Nam	18.10.2007	SXCT	Thanh Hóa
2818	50811936	TRUONG KHAC QUANG	Nam	08.08.1998	SXCT	Thanh Hóa
2819	50811938	NGUYEN VAN PHUC	Nam	02.12.2007	SXCT	Thanh Hóa
2820	50811939	TRINH XUAN TOAN	Nam	17.04.2002	SXCT	Thanh Hóa
2821	50811940	NGO VAN DUC	Nam	31.07.2006	SXCT	Thanh Hóa
2822	50811946	KIEU VAN CUONG	Nam	12.12.1994	SXCT	Thanh Hóa
2823	50811950	LU THI LE	Nữ	04.12.2005	SXCT	Thanh Hóa
2824	50811951	TRUONG THI HUYEN	Nữ	22.08.2005	SXCT	Thanh Hóa
2825	50811956	LE BA QUYET	Nam	26.11.2007	SXCT	Thanh Hóa
2826	50811957	LE BA NGUYEN	Nam	27.04.2007	SXCT	Thanh Hóa
2827	50811961	BUI THUY HIEN	Nữ	16.08.2002	SXCT	Thanh Hóa
2828	50811963	LE HUU THANH	Nam	02.02.2004	SXCT	Thanh Hóa
2829	50811964	LE NGOC TUAN	Nam	06.05.2007	SXCT	Thanh Hóa
2830	50811969	HO THI NGOC YEN	Nữ	30.12.2007	SXCT	Thanh Hóa
2831	50811970	LE VAN HA	Nam	12.06.2005	SXCT	Thanh Hóa
2832	50811977	TRAN VAN CHUONG	Nam	30.07.1998	SXCT	Thanh Hóa
2833	50811979	LE DUC TUAN	Nam	21.04.2002	SXCT	Thanh Hóa
2834	50811981	CAM BA HAI	Nam	21.06.2005	SXCT	Thanh Hóa
2835	50811984	TANG VAN QUY	Nam	01.01.2003	SXCT	Thanh Hóa
2836	50811985	TRUONG VAN DAT	Nam	28.10.2005	SXCT	Thanh Hóa
2837	50811993	DO DANG QUANG	Nam	03.01.2006	SXCT	Thanh Hóa
2838	50811994	VU THI TUYET	Nữ	11.11.1993	SXCT	Thanh Hóa
2839	50811998	HOANG THI MINH PHUONG	Nữ	01.10.2007	SXCT	Thanh Hóa
2840	50811999	NGO VAN DONG	Nam	02.11.2003	SXCT	Thanh Hóa
2841	50812001	LE ANH MINH	Nam	20.07.2006	SXCT	Thanh Hóa
2842	50812002	BUI HOANG NAM	Nam	24.08.1999	SXCT	Thanh Hóa
2843	50812003	TRAN DUC HA	Nam	13.07.1997	SXCT	Thanh Hóa
2844	50812005	NGUYEN ANH TUONG	Nam	16.09.2003	SXCT	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2845	50812011	NGO THI LE	Nữ	04.12.2003	SXCT	Thanh Hóa
2846	50812013	NGUYEN THI PHUONG THUY	Nữ	01.05.2007	SXCT	Thanh Hóa
2847	50812016	NGUYEN THI NHU QUYNH	Nữ	01.07.2003	SXCT	Thanh Hóa
2848	50812020	NGUYEN DANG HIEU	Nam	17.09.2000	SXCT	Thanh Hóa
2849	50812021	NGO THI THU HAU	Nữ	20.08.2006	SXCT	Thanh Hóa
2850	50812024	NGUYEN KHAC DUC	Nam	07.07.2006	SXCT	Thanh Hóa
2851	50812025	NGUYEN DUNG DOC	Nam	29.09.2006	SXCT	Thanh Hóa
2852	50812026	LE THI HUE	Nữ	12.02.1993	SXCT	Thanh Hóa
2853	50812027	TRAN VAN DUNG	Nam	14.09.1994	SXCT	Thanh Hóa
2854	50812028	LE DINH TRINH	Nam	11.03.2003	SXCT	Thanh Hóa
2855	50812029	DO VAN QUAN	Nam	14.04.2002	SXCT	Thanh Hóa
2856	50812031	TRAN DUY TUAN	Nam	12.07.2001	SXCT	Thanh Hóa
2857	50812033	LE THI HAM MI	Nữ	19.12.1993	SXCT	Thanh Hóa
2858	50812037	TRINH TIEN DUNG	Nam	04.01.2002	SXCT	Thanh Hóa
2859	50812038	PHAM THE DUNG	Nam	12.08.1995	SXCT	Thanh Hóa
2860	50812039	DUONG VAN KIEN	Nam	05.10.2004	SXCT	Thanh Hóa
2861	50812042	NGO PHUONG NAM	Nam	30.11.2004	SXCT	Thanh Hóa
2862	50812045	LE THI YEN	Nữ	17.10.2006	SXCT	Thanh Hóa
2863	50812049	LE TIEN	Nam	24.02.1992	SXCT	Thanh Hóa
2864	50812050	PHAM THI HONG THAM	Nữ	07.11.2007	SXCT	Thanh Hóa
2865	50812051	NGUYEN CHI THUC	Nam	16.04.2007	SXCT	Thanh Hóa
2866	50812055	MAI VAN NGOC	Nam	24.07.1994	SXCT	Thanh Hóa
2867	50812058	VU DUC MINH	Nam	31.05.2006	SXCT	Thanh Hóa
2868	50812059	HO QUOC DAI	Nam	06.10.1992	SXCT	Thanh Hóa
2869	50812061	NGUYEN VAN NAM	Nam	27.09.2003	SXCT	Thanh Hóa
2870	50812065	LE DINH PHAP	Nam	17.10.2006	SXCT	Thanh Hóa
2871	50812067	BUI THI HA	Nữ	10.07.1998	SXCT	Thanh Hóa
2872	50812068	NGUYEN THI MY HANH	Nữ	27.10.1998	SXCT	Thanh Hóa
2873	50812069	CAO THI VI	Nữ	17.11.1993	SXCT	Thanh Hóa
2874	50812070	TRAN THI MINH THAI	Nữ	20.04.2006	SXCT	Thanh Hóa
2875	50812071	BUI THI NGOC BICH	Nữ	01.11.2007	SXCT	Thanh Hóa
2876	50812072	NGUYEN THANH TRA	Nữ	01.10.2007	SXCT	Thanh Hóa
2877	50812075	NGUYEN THI THAO	Nữ	10.08.1999	SXCT	Thanh Hóa
2878	50812076	NGUYEN THI QUYNH ANH	Nữ	03.08.2006	SXCT	Thanh Hóa
2879	50812077	HA THI NGU	Nữ	13.01.1996	SXCT	Thanh Hóa
2880	50812079	DINH VAN HUNG	Nam	20.02.2005	SXCT	Thanh Hóa
2881	50812081	NGUYEN THANH CHUNG	Nam	02.12.2006	SXCT	Thanh Hóa
2882	50812083	VU DINH QUANG	Nam	26.02.2007	SXCT	Thanh Hóa
2883	50812085	LE VAN TU	Nam	09.02.2007	SXCT	Thanh Hóa
2884	50812089	NGUYEN VAN PHONG	Nam	16.12.1997	SXCT	Thanh Hóa
2885	50812092	DOAN TRONG TUAN	Nam	10.12.1996	SXCT	Thanh Hóa
2886	50812093	LUONG XUAN HAO	Nam	09.12.2007	SXCT	Thanh Hóa
2887	50812094	NGUYEN DINH SANG	Nam	27.01.2006	SXCT	Thanh Hóa
2888	50812101	NGUYEN THO HAI	Nam	05.02.2001	SXCT	Thanh Hóa
2889	50812104	LE XUAN ANH TUAN	Nam	15.11.2004	SXCT	Thanh Hóa
2890	50812107	NGUYEN VAN PHONG	Nam	04.01.2000	SXCT	Thanh Hóa
2891	50812111	LE VAN QUYET	Nam	23.02.2003	SXCT	Thanh Hóa
2892	50812112	NGUYEN XUAN AN	Nam	05.08.2004	SXCT	Thanh Hóa
2893	50812115	NGUYEN VAN CHUNG	Nam	15.11.2005	SXCT	Thanh Hóa
2894	50812116	DO VAN CHUNG	Nam	25.02.1997	SXCT	Thanh Hóa
2895	50812117	NGUYEN HUU AN	Nam	20.08.1995	SXCT	Thanh Hóa
2896	50812120	DO DUY TUAN TU	Nam	15.10.2007	SXCT	Thanh Hóa
2897	50812121	TRAN TRONG LONG	Nam	19.06.1996	SXCT	Thanh Hóa
2898	50812127	TRAN TRONG TUAN	Nam	02.08.1994	SXCT	Thanh Hóa
2899	50812128	DAO SON LAM	Nam	16.12.1998	SXCT	Thanh Hóa
2900	50812129	NGO VAN HIEU	Nam	01.10.2003	SXCT	Thanh Hóa
2901	50812130	NGUYEN VAN DOAN	Nam	18.06.2006	SXCT	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2902	50812131	PHAM THANH TUAN	Nam	10.09.2003	SXCT	Thanh Hóa
2903	50812134	NGUYEN THI HOA	Nữ	10.04.2001	SXCT	Thanh Hóa
2904	50812136	NGUYEN NHU HIEP	Nam	07.04.2006	SXCT	Thanh Hóa
2905	50812139	LE DUC DUNG	Nam	02.04.1998	SXCT	Thanh Hóa
2906	50812140	LE ANH DUC	Nam	24.10.2007	SXCT	Thanh Hóa
2907	50812144	HA VAN DUONG	Nam	21.12.2004	SXCT	Thanh Hóa
2908	50812145	TRINH DINH MANH	Nam	30.01.2006	SXCT	Thanh Hóa
2909	50812146	NGUYEN VAN TOAN	Nam	02.06.1994	SXCT	Thanh Hóa
2910	50812148	TRAN THI HANG	Nữ	14.11.2000	SXCT	Thanh Hóa
2911	50812152	NGUYEN TRAN DUC DAT	Nam	14.04.2006	SXCT	Thanh Hóa
2912	50812153	DOAN KHAC HUNG	Nam	05.07.1988	SXCT	Thanh Hóa
2913	50812154	BUI THI TUYET	Nữ	06.02.2003	SXCT	Thanh Hóa
2914	50812156	NGUYEN THI HIEN	Nữ	24.10.1998	SXCT	Thanh Hóa
2915	50812157	HOANG QUOC HUY	Nam	12.05.2003	SXCT	Thanh Hóa
2916	50812160	TRUONG VAN THANG	Nam	27.12.2004	SXCT	Thanh Hóa
2917	50812161	HOANG HUU HONG	Nam	10.02.1999	SXCT	Thanh Hóa
2918	50812162	NGUYEN DUC TU	Nam	24.09.2005	SXCT	Thanh Hóa
2919	50812164	MAI THI THU HUONG	Nữ	04.12.2004	SXCT	Thanh Hóa
2920	50812165	HOANG VIET HIEU	Nam	18.01.2004	SXCT	Thanh Hóa
2921	50812175	MA VAN DONG	Nam	17.09.2002	SXCT	Thanh Hóa
2922	50812176	NGUYEN DUY MANH	Nam	29.05.2003	SXCT	Thanh Hóa
2923	50812177	MAI THI YEN NHI	Nữ	08.04.2000	SXCT	Thanh Hóa
2924	50812180	CAO NGOC BANG	Nam	07.01.2004	SXCT	Thanh Hóa
2925	50812181	VU SON LAM	Nam	26.04.2007	SXCT	Thanh Hóa
2926	50812185	QUAN THI TRANG	Nữ	18.11.2006	SXCT	Thanh Hóa
2927	50812188	NGUYEN THI LINH	Nữ	28.09.1994	SXCT	Thanh Hóa
2928	50812189	LE DOAN TUAN	Nam	25.03.2003	SXCT	Thanh Hóa
2929	50812190	NGUYEN THI DIEM QUYNH	Nữ	13.01.2005	SXCT	Thanh Hóa
2930	50812191	LE THI ANH	Nữ	10.12.2004	SXCT	Thanh Hóa
2931	50812195	HOANG BINH TIEN	Nam	10.09.1997	SXCT	Thanh Hóa
2932	50812200	NGUYEN THI HIEN	Nữ	16.01.1998	SXCT	Thanh Hóa
2933	50812203	DUONG VAN LINH	Nam	08.12.2004	SXCT	Thanh Hóa
2934	50812204	LE THE THANH	Nam	07.08.2004	SXCT	Thanh Hóa
2935	50812209	PHAM HUY HOANG	Nam	06.05.2006	SXCT	Thanh Hóa
2936	50812212	HOANG QUOC ANH	Nam	08.01.2007	SXCT	Thanh Hóa
2937	50812216	HOANG VAN QUANG	Nam	14.03.2003	SXCT	Thanh Hóa
2938	50812217	LE DOAN HIEU	Nam	05.03.2006	SXCT	Thanh Hóa
2939	50812219	DOAN VAN BANG	Nam	14.10.2006	SXCT	Thanh Hóa
2940	50812223	TRINH XUAN TOI	Nam	08.11.2005	SXCT	Thanh Hóa
2941	50812227	NGUYEN VAN GIANG	Nam	28.01.2000	SXCT	Thanh Hóa
2942	50812232	NGUYEN HUU CONG	Nam	15.06.1997	SXCT	Thanh Hóa
2943	50812233	TRINH THAI THUY	Nam	04.12.1990	SXCT	Thanh Hóa
2944	50812235	LE VAN MANH	Nam	13.11.1992	SXCT	Thanh Hóa
2945	50812236	HOANG TRONG TAN	Nam	18.06.2006	SXCT	Thanh Hóa
2946	50812239	VU THANH NHAN	Nam	08.10.2001	SXCT	Thanh Hóa
2947	50812243	LE NGOC TINH	Nam	16.10.1995	SXCT	Thanh Hóa
2948	50812263	HOANG THI NHUNG	Nữ	05.11.2004	SXCT	Thanh Hóa
2949	50812268	NGUYEN THI HONG	Nữ	03.11.2002	SXCT	Thanh Hóa
2950	50812269	CHU HOANG PHUC	Nam	25.09.2006	SXCT	Thanh Hóa
2951	50812271	NGUYEN THI THUY	Nữ	23.04.1990	SXCT	Thanh Hóa
2952	50812277	DUONG THI VAN ANH	Nữ	20.05.2007	SXCT	Thanh Hóa
2953	50812278	NGUYEN THANH DAT	Nam	23.04.2007	SXCT	Thanh Hóa
2954	50812280	TA THI DIEM QUYNH	Nữ	06.08.2005	SXCT	Thanh Hóa
2955	50812281	PHAM THI THU	Nữ	08.07.1990	SXCT	Thanh Hóa
2956	50812282	LE THI HANH	Nữ	13.12.1999	SXCT	Thanh Hóa
2957	50812287	VU THI NHAN	Nữ	04.04.1997	SXCT	Thanh Hóa
2958	50812288	LE VAN AN	Nam	13.11.2003	SXCT	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
2959	50812289	TRINH DINH CHUNG	Nam	08.08.2007	SXCT	Thanh Hóa
2960	50812295	LE THANH PHONG	Nam	03.05.2004	SXCT	Thanh Hóa
2961	50812297	NGUYEN SY CUONG	Nam	09.09.1993	SXCT	Thanh Hóa
2962	50812300	TRAN VAN TUAN	Nam	18.10.2006	SXCT	Thanh Hóa
2963	50812301	TRAN MINH PHI	Nam	21.01.2006	SXCT	Thanh Hóa
2964	50812303	LE NGOC ANH	Nam	19.09.2002	SXCT	Thanh Hóa
2965	50812307	LE DUC HUNG	Nam	25.06.2003	SXCT	Thanh Hóa
2966	50812308	NGUYEN THI LAN ANH	Nữ	05.09.2005	SXCT	Thanh Hóa
2967	50812310	HOANG NGOC DUNG	Nam	21.01.2005	SXCT	Thanh Hóa
2968	50812318	QUACH VAN TOAN	Nam	22.08.2006	SXCT	Thanh Hóa
2969	50812319	LE HUY SON	Nam	25.08.1996	SXCT	Thanh Hóa
2970	50812327	NGUYEN THI LAN ANH	Nữ	30.11.1992	SXCT	Thanh Hóa
2971	50812328	NGUYEN THI PHUONG LINH	Nữ	02.04.2007	SXCT	Thanh Hóa
2972	50812334	NGUYEN VAN DUONG	Nam	20.09.1989	SXCT	Thanh Hóa
2973	50812337	TRINH DANG THO	Nam	25.08.2006	SXCT	Thanh Hóa
2974	50812340	LE DINH THUAN	Nam	11.07.1996	SXCT	Thanh Hóa
2975	50812342	HA VAN KHANH	Nam	28.12.2007	SXCT	Thanh Hóa
2976	50812343	LE VAN LICH	Nam	26.08.1999	SXCT	Thanh Hóa
2977	50812347	LE VAN DUONG	Nam	03.09.2006	SXCT	Thanh Hóa
2978	50812348	LE DINH SON	Nam	27.04.2001	SXCT	Thanh Hóa
2979	50812352	NGUYEN HONG THUONG	Nam	19.12.2004	SXCT	Thanh Hóa
2980	50812353	LE THI HIEN ANH	Nữ	16.11.2007	SXCT	Thanh Hóa
2981	50812354	TRINH DINH XUAN	Nam	09.11.2003	SXCT	Thanh Hóa
2982	50812355	NGUYEN THI MINH ANH	Nữ	17.05.2006	SXCT	Thanh Hóa
2983	50812357	NGUYEN VAN HUY	Nam	20.05.2006	SXCT	Thanh Hóa
2984	50812364	PHAM VAN HUNG	Nam	11.02.2005	SXCT	Thanh Hóa
2985	50812367	LE THI LINH	Nữ	03.03.2001	SXCT	Thanh Hóa
2986	50812369	NONG BA TUAN	Nam	13.12.2007	SXCT	Thanh Hóa
2987	50812375	TRAN VAN CHUNG	Nam	16.05.2007	SXCT	Thanh Hóa
2988	50812376	LE VAN LONG	Nam	24.08.2000	SXCT	Thanh Hóa
2989	50812377	LE CONG THANH	Nam	08.05.1998	SXCT	Thanh Hóa
2990	50812380	NGUYEN VAN DUY	Nam	07.01.2006	SXCT	Thanh Hóa
2991	50812382	HA THI KHOAI	Nữ	09.06.1998	SXCT	Thanh Hóa
2992	50812384	HAN VIET NAM	Nam	15.01.2004	SXCT	Thanh Hóa
2993	50812386	NGUYEN HUY DUNG	Nam	02.04.1997	SXCT	Thanh Hóa
2994	50812387	LE NGOC HANG	Nữ	19.06.2005	SXCT	Thanh Hóa
2995	50812389	LE VAN CON	Nam	20.11.1988	SXCT	Thanh Hóa
2996	50812391	PHAM VAN SY	Nam	21.05.1988	SXCT	Thanh Hóa
2997	50812392	TRAN BAO NGOC	Nữ	20.08.2005	SXCT	Thanh Hóa
2998	50812394	LE VAN HUY	Nam	08.05.2006	SXCT	Thanh Hóa
2999	50812397	NGUYEN DINH CHINH	Nam	26.01.2006	SXCT	Thanh Hóa
3000	50812398	HOANG BA TUAN	Nam	12.09.2007	SXCT	Thanh Hóa
3001	50812399	TRINH THI LE QUYEN	Nữ	24.08.2001	SXCT	Thanh Hóa
3002	50812400	LE XUAN THUAN	Nam	04.12.2003	SXCT	Thanh Hóa
3003	50812402	DO CONG HOANG	Nam	07.08.1993	SXCT	Thanh Hóa
3004	50812403	NGUYEN VAN DO	Nam	11.05.2000	SXCT	Thanh Hóa
3005	50812406	LE NAM ANH	Nam	28.06.1998	SXCT	Thanh Hóa
3006	50812413	LE QUOC VIET	Nam	29.06.1993	SXCT	Thanh Hóa
3007	50812414	LE VAN THU	Nam	27.11.2004	SXCT	Thanh Hóa
3008	50812418	HA THI HUYEN TRAM	Nữ	15.12.2006	SXCT	Thanh Hóa
3009	50812419	LE HAI HIEP	Nam	20.02.1993	SXCT	Thanh Hóa
3010	50812420	NGUYEN THI NGOC ANH	Nữ	09.11.2005	SXCT	Thanh Hóa
3011	50812421	LUU HUYEN TRANG	Nữ	12.04.2004	SXCT	Thanh Hóa
3012	50812425	HA THI THU HUE	Nữ	12.11.2006	SXCT	Thanh Hóa
3013	50812428	TRINH THI CAM LY	Nữ	05.05.2005	SXCT	Thanh Hóa
3014	50812432	NGUYEN THI KHANH LIEN	Nữ	07.09.1993	SXCT	Thanh Hóa
3015	50812433	NGUYEN THI PHUONG	Nữ	05.10.2005	SXCT	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3016	50812435	LE THI QUYEN	Nữ	15.09.2005	SXCT	Thanh Hóa
3017	50812436	NGUYEN HOANG YEN	Nữ	07.03.2006	SXCT	Thanh Hóa
3018	50812439	PHAM THI PHUONG	Nữ	12.09.1999	SXCT	Thanh Hóa
3019	50812440	LE THI ANH	Nữ	09.02.1997	SXCT	Thanh Hóa
3020	50812444	NGUYEN NGOC ANH	Nữ	15.07.2005	SXCT	Thanh Hóa
3021	50812447	TRINH THI HA	Nữ	19.11.1998	SXCT	Thanh Hóa
3022	50812448	PHAN VAN GIAU	Nam	30.09.2002	SXCT	Thanh Hóa
3023	50812449	TRAN VAN NGUYEN	Nam	10.05.2002	SXCT	Thanh Hóa
3024	50812450	LE THI CHINH	Nữ	11.10.1995	SXCT	Thanh Hóa
3025	50812452	LE VAN THOM	Nam	03.03.2004	SXCT	Thanh Hóa
3026	50812453	DO DUY THAI	Nam	03.08.1997	SXCT	Thanh Hóa
3027	50812455	VU QUOC THANG	Nam	02.09.1987	SXCT	Thanh Hóa
3028	50812457	NGUYEN TIEN THUY	Nam	01.03.2001	SXCT	Thanh Hóa
3029	50812459	LU VAN QUANG	Nam	30.10.2002	SXCT	Thanh Hóa
3030	50812460	TRUONG TUAN ANH	Nam	24.12.2005	SXCT	Thanh Hóa
3031	50812461	LE KHA HOANG LONG	Nam	09.08.2007	SXCT	Thanh Hóa
3032	50812462	NGUYEN TRUNG HIEU	Nam	22.09.2001	SXCT	Thanh Hóa
3033	50812469	NGUYEN VAN TU	Nam	07.05.2004	SXCT	Thanh Hóa
3034	50812471	LAM THI CHUC THU	Nữ	10.03.2002	SXCT	Thanh Hóa
3035	50812473	LE THI BINH	Nữ	12.11.1994	SXCT	Thanh Hóa
3036	50812475	DAO THI HOAI THUONG	Nữ	28.06.2007	SXCT	Thanh Hóa
3037	50812476	PHAM VIET QUAN	Nam	04.06.2005	SXCT	Thanh Hóa
3038	50812480	LE THI MINH LY	Nữ	15.01.1998	SXCT	Thanh Hóa
3039	50812485	PHAM DINH TU	Nam	27.09.2005	SXCT	Thanh Hóa
3040	50812488	LE VAN TIEN	Nam	04.12.1997	SXCT	Thanh Hóa
3041	50812491	TRUONG TIEN VUONG	Nam	25.10.1992	SXCT	Thanh Hóa
3042	50812493	DAO XUAN TOI	Nam	24.05.2006	SXCT	Thanh Hóa
3043	50812494	LA XUAN THACH	Nam	12.04.1993	SXCT	Thanh Hóa
3044	50812495	LE VAN DUYEN	Nam	08.04.1990	SXCT	Thanh Hóa
3045	50812498	DAO KHA AN	Nam	11.03.2006	SXCT	Thanh Hóa
3046	50812499	TRINH DUY HUY	Nam	20.11.1998	SXCT	Thanh Hóa
3047	50812500	LE TAT NHAT	Nam	02.01.1999	SXCT	Thanh Hóa
3048	50812504	LE MINH SANG	Nam	24.05.2002	SXCT	Thanh Hóa
3049	50812507	NGUYEN THUY LINH	Nữ	02.03.2001	SXCT	Thanh Hóa
3050	50812510	LE KINH TUAN	Nam	01.05.1995	SXCT	Thanh Hóa
3051	50812511	DUONG DINH TUAN	Nam	26.05.1990	SXCT	Thanh Hóa
3052	50812512	LE DUY DUC	Nam	13.08.2003	SXCT	Thanh Hóa
3053	50812519	NGUYEN THI HUONG	Nữ	18.10.1989	SXCT	Thanh Hóa
3054	50812522	HA DANG NGOC	Nam	27.03.2006	SXCT	Thanh Hóa
3055	50812523	DO VIET DUNG	Nam	04.01.1989	SXCT	Thanh Hóa
3056	50812525	LE DUC BINH	Nam	01.04.1991	SXCT	Thanh Hóa
3057	50812526	DO VAN TU	Nam	02.06.1995	SXCT	Thanh Hóa
3058	50812528	CHU DINH HIEP	Nam	07.05.2006	SXCT	Thanh Hóa
3059	50812530	PHAM BA HAU	Nam	09.04.1998	SXCT	Thanh Hóa
3060	50812532	HA DINH ANH	Nam	08.06.1992	SXCT	Thanh Hóa
3061	50812533	LE VAN XUAN	Nam	31.05.2003	SXCT	Thanh Hóa
3062	50812537	LE THO LAP	Nam	24.04.1992	SXCT	Thanh Hóa
3063	50812538	LE VINH TRONG	Nam	01.10.1993	SXCT	Thanh Hóa
3064	50812540	NGUYEN NGOC NGOC	Nam	26.05.1999	SXCT	Thanh Hóa
3065	50812544	NGUYEN VAN TRINH	Nam	03.01.2004	SXCT	Thanh Hóa
3066	50812546	LE DINH NAM	Nam	16.08.2000	SXCT	Thanh Hóa
3067	50812550	LE ANH SON	Nam	02.03.2006	SXCT	Thanh Hóa
3068	50812551	LE DINH ANH	Nam	07.07.2004	SXCT	Thanh Hóa
3069	50812559	TRAN THI DUNG	Nữ	10.10.1998	SXCT	Thanh Hóa
3070	50812561	LE DUC CUONG	Nam	22.07.2001	SXCT	Thanh Hóa
3071	50812563	PHAM TA TOI	Nam	28.07.1999	SXCT	Thanh Hóa
3072	50812566	BUI VAN QUAN	Nam	04.08.2005	SXCT	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3073	50812572	MAI VAN THUAN	Nam	20.05.1989	SXCT	Thanh Hóa
3074	50812573	LUU THU HOAI	Nữ	06.11.2004	SXCT	Thanh Hóa
3075	50812574	LE THI THUY	Nữ	05.06.2004	SXCT	Thanh Hóa
3076	50812576	BUI VAN GIANG	Nam	28.11.2002	SXCT	Thanh Hóa
3077	50812578	NGUYEN DUC AN	Nam	02.09.2001	SXCT	Thanh Hóa
3078	50812579	NGUYEN HUU TAM	Nam	13.05.1995	SXCT	Thanh Hóa
3079	50812582	NGUYEN VAN TUAN	Nam	07.10.1990	SXCT	Thanh Hóa
3080	50812583	NGUYEN HOANG DUONG	Nam	22.06.2007	SXCT	Thanh Hóa
3081	50812584	LE THI VAN	Nữ	10.01.1996	SXCT	Thanh Hóa
3082	50812586	LE THI HUONG	Nữ	02.05.2002	SXCT	Thanh Hóa
3083	50812587	NGUYEN VAN HOAN	Nam	10.10.2002	SXCT	Thanh Hóa
3084	50812591	LE THI MAI	Nữ	05.06.2001	SXCT	Thanh Hóa
3085	50812596	LE THI HONG	Nữ	29.04.1997	SXCT	Thanh Hóa
3086	50812601	DINH VAN SON	Nam	12.06.1995	SXCT	Thanh Hóa
3087	50812602	NGUYEN THI LINH	Nữ	29.03.2002	SXCT	Thanh Hóa
3088	50812604	HOANG VAN PHUC	Nam	18.11.2006	SXCT	Thanh Hóa
3089	50812606	DO VAN CUONG	Nam	12.10.2003	SXCT	Thanh Hóa
3090	50812608	PHAM THI THUY	Nữ	17.08.2004	SXCT	Thanh Hóa
3091	50812612	HOANG VIET ANH	Nam	31.08.1996	SXCT	Thanh Hóa
3092	50812620	NGUYEN MANH CUONG	Nam	16.07.2005	SXCT	Thanh Hóa
3093	50812637	NGO HONG CONG	Nam	09.04.1990	SXCT	Thanh Hóa
3094	50812639	NGUYEN HUU DAT	Nam	28.01.2000	SXCT	Thanh Hóa
3095	50812646	LE HUU CUONG	Nam	16.06.2000	SXCT	Thanh Hóa
3096	50812661	PHAM THI THUY TIEN	Nữ	04.07.1999	SXCT	Thanh Hóa
3097	50812673	LE QUANG MINH	Nam	18.08.1991	SXCT	Thanh Hóa
3098	50812678	LUONG NGOC THUY	Nữ	23.12.2005	SXCT	Thanh Hóa
3099	50910049	LUU VAN TUAN	Nam	24.03.1995	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3100	50910050	LE NHU DU	Nam	06.01.1992	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3101	50910051	MAI VAN VINH	Nam	04.07.1994	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3102	50910052	DAO KHA BINH	Nam	16.06.1995	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3103	50910055	TRAN VAN DUNG	Nam	13.08.2006	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3104	50910057	NGUYEN VAN HUNG	Nam	15.10.2003	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3105	50910058	VU CHI DUNG	Nam	10.10.2002	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3106	50910060	MAI DANG HUY	Nam	14.11.1999	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3107	50910062	DAO XUAN VUONG	Nam	17.06.1994	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3108	50910064	LE NGOC BAO	Nam	21.04.2005	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3109	50910066	HA THANH LAM	Nam	27.02.1996	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3110	50910067	PHAM HOANG HAI	Nam	26.09.1996	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3111	50910068	LUONG TRUNG KIEN	Nam	14.09.2001	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3112	50910069	LE VAN TINH	Nam	10.06.1988	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3113	50910075	NINH VAN THANG	Nam	03.03.1997	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3114	50910077	LE TRUNG DUNG	Nam	20.06.1989	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3115	50910078	NGUYEN ANH TUAN	Nam	16.08.2006	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3116	50910079	TRAN VAN DUY	Nam	05.11.2003	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3117	50910081	BUI VAN KHANH	Nam	29.06.2006	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3118	50910082	PHAM VAN TUNG	Nam	02.08.1995	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3119	50910083	LE XUAN CHIEN	Nam	29.05.1998	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3120	50910085	NGUYEN VAN DAT	Nam	30.04.1995	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3121	50910086	NGUYEN HONG MANH	Nam	24.08.2004	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3122	50920002	LE VAN KHANH	Nam	17.05.2005	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3123	51010048	LE DAC CHINH	Nam	19.01.1999	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3124	51010049	NGUYEN ANH THANG	Nam	21.05.2006	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3125	51010050	LE SY DUNG	Nam	21.01.1997	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3126	51010051	CHU THI HA	Nữ	16.06.2001	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3127	51210122	LUONG THI THU HA	Nữ	23.12.2003	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3128	51210123	LE THI OANH	Nữ	26.09.1994	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3129	51310003	BUI SY TUAN	Nam	02.08.1999	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3130	51310004	LE VIET THANH	Nam	03.09.2003	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3131	51310005	LE VAN THIEN	Nam	20.10.1987	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3132	51310006	LA DINH HUNG	Nam	02.09.1986	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3133	51310007	NGUYEN CHI CONG	Nam	02.08.2001	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3134	51310008	BUI HUU MANH	Nam	17.03.2001	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3135	51310009	NGUYEN DUY LINH	Nam	11.07.2003	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3136	51310010	NGUYEN KIM THIEN	Nam	09.08.1998	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3137	51310011	NGUYEN TAT THANH	Nam	10.04.1996	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3138	51310012	LE BAT THANH	Nam	06.06.2001	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3139	51310013	NGUYEN VAN THUY	Nam	14.09.2005	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3140	51310014	PHAM VAN TRUONG	Nam	22.02.2004	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3141	51310015	LE NGOC HUNG	Nam	25.05.2002	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3142	51310016	DO VAN MANH	Nam	11.08.1991	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3143	51310017	LE DINH NHAT	Nam	16.02.2006	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3144	51310018	LE HOANG ANH	Nam	10.03.1999	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3145	51310019	LE THANH BANG	Nam	25.03.1997	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3146	51310020	TRINH XUAN THANG	Nam	02.06.1999	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3147	51310023	CHU VAN DUNG	Nam	03.03.2003	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3148	51310024	NGUYEN DUY DUNG	Nam	26.06.1990	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3149	51310025	PHAM VAN THANH	Nam	25.11.2003	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3150	51310026	PHAM NGOC SON	Nam	10.08.1999	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3151	51310027	CAO MINH DU	Nam	03.08.2004	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3152	51310028	PHAN VAN NGOC	Nam	10.10.1987	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3153	51310029	NGUYEN VAN TUAN	Nam	25.09.1991	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3154	51310030	PHAM DUY NAM	Nam	12.09.1999	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3155	51310031	PHAM VAN TIEN	Nam	02.04.1996	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3156	51310032	DO VAN DAI	Nam	25.05.1995	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3157	51310033	PHAM MINH TUAN	Nam	25.10.2001	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3158	51310034	NGUYEN DANG HUNG	Nam	23.03.1988	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3159	51310035	NGUYEN VAN THANG	Nam	10.04.2005	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3160	51310036	LE VINH SINH	Nam	09.07.1993	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3161	51310037	LE XUAN TRUONG	Nam	18.10.2001	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3162	51310040	LE DINH KY	Nam	12.02.1993	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3163	51310041	TRAN VAN VIET	Nam	27.04.2004	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3164	51310042	LUONG HUU LONG	Nam	28.03.1989	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3165	51310043	NGUYEN THE HOA	Nam	18.03.1992	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3166	51310044	LE VAN KHANH	Nam	03.04.1994	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3167	51310045	LE HUU NAM	Nam	30.07.2006	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3168	51310046	MAI CONG CHIEN	Nam	28.09.1989	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3169	51310047	BUI KHAC MINH	Nam	09.10.1992	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3170	51310048	LY NAM LINH	Nam	30.05.2004	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3171	51310049	KIM HUU TRAI	Nam	04.01.1989	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3172	51310051	NGUYEN VIET HOANG	Nam	15.11.2004	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3173	51310052	TRUONG HONG DUONG	Nam	02.09.1991	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3174	51310053	LE DUY QUANG	Nam	17.07.2006	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3175	51310054	NGUYEN QUOC ANH	Nam	21.08.1995	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3176	51310055	LE VAN LAM	Nam	25.08.1997	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3177	51310058	PHAM VAN PHUC	Nam	23.01.2000	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3178	51310059	PHAM VAN DUNG	Nam	09.10.2000	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3179	51310060	LE THANH AN	Nam	19.10.2005	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3180	51310061	LE MANH CUONG	Nam	28.09.2005	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3181	51310062	LE THE ANH	Nam	13.08.2005	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3182	51310063	BUI VAN LAI	Nam	13.10.1991	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3183	51310064	PHAM VAN HUNG	Nam	09.04.1993	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3184	51310065	DAO TRONG TRI	Nam	19.10.2003	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3185	51310070	HA VAN THANH	Nam	07.05.1995	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3186	51310071	LE VAN DUC	Nam	08.05.1998	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3187	51310072	LE VAN NGOC	Nam	07.08.1991	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3188	51310073	HOANG KHAC HIEU	Nam	10.08.1997	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3189	51310074	HOANG VIET TUAN	Nam	26.07.1994	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3190	51310075	NGUYEN QUANG LINH	Nam	15.03.2002	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3191	51310076	PHAM VAN TUAN	Nam	05.10.2006	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3192	51310077	LE VAN TRUONG	Nam	31.03.2005	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3193	51310078	NGUYEN VAN TUAN	Nam	29.12.2003	Công nghiệp gốc	Thanh Hóa
3194	50201806	LE HOANG TUY	Nam	24.08.2000	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3195	50201808	DONG QUANG SANG	Nam	29.11.2000	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3196	50201810	DINH VAN VIET	Nam	10.10.1997	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3197	50201811	NGUYEN THACH TAM	Nam	10.09.1991	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3198	50201812	TRAN QUANG LINH	Nam	13.02.2000	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3199	50201813	LUU NHUT KHANG	Nam	24.09.1996	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3200	50201814	HUYNH THIEN SANG	Nam	18.08.2005	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3201	50201815	TRAN TAN AN	Nam	01.01.1994	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3202	50201821	DANG CHI TINH	Nam	13.01.2005	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3203	50201822	DO THANH NHAN	Nam	02.03.2001	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3204	50201823	NGUYEN THANH LUAN	Nam	04.10.1987	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3205	50201825	PHAN THI PHUONG EM	Nữ	16.02.1989	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3206	50201826	LE HONG PHUC	Nam	25.09.2002	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3207	50201827	NGO NGUYEN MINH KIEN	Nam	10.01.1993	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3208	50201830	NGUYEN HOANG AI	Nam	27.09.2004	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3209	50201834	NGUYEN KHANH DUY	Nam	23.05.2005	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3210	50201836	VO THI TUYET NHI	Nữ	01.12.2003	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3211	50201837	NGUYEN VAN TAU	Nam	16.06.1991	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3212	50201839	NGUYEN QUOC SU	Nam	10.04.1999	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3213	50201844	VO NHAT HOAI	Nam	23.12.2001	Nông nghiệp	TP Cần Thơ
3214	50828571	MAI THUY HANG	Nữ	04.10.2000	SXCT	TP Cần Thơ
3215	50828572	NGUYEN THI ANH DAO	Nữ	14.11.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3216	50828576	TRAN MINH SINH	Nam	22.11.1999	SXCT	TP Cần Thơ
3217	50828579	NGUYEN HUU TINH	Nam	07.01.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3218	50828580	TRAN VAN HIEU	Nam	16.06.2005	SXCT	TP Cần Thơ
3219	50828585	DAO THANH TRUC	Nữ	07.12.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3220	50828586	NGUYEN TUONG QUYEN	Nữ	30.08.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3221	50828589	LE THI TUYET TRINH	Nữ	11.03.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3222	50828592	NGUYEN HO NHU NGOC	Nữ	05.03.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3223	50828593	MAI VIET TRUNG	Nam	22.02.1997	SXCT	TP Cần Thơ
3224	50828594	LE HA Y NGHI	Nữ	04.03.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3225	50828595	NGUYEN KIEU NGAN	Nữ	04.06.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3226	50828598	NGUYEN VAN QUY	Nam	19.01.2006	SXCT	TP Cần Thơ
3227	50828599	VO THANH TUYEN	Nữ	30.10.2005	SXCT	TP Cần Thơ
3228	50828600	PHAM NGO ANH HAO	Nam	05.11.1993	SXCT	TP Cần Thơ
3229	50828601	BUI KIEU DIEM	Nữ	01.01.2004	SXCT	TP Cần Thơ
3230	50828602	NGUYEN DI HAO	Nam	04.02.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3231	50828603	DUONG QUOC BANG	Nam	11.06.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3232	50828604	LE TUAN VU	Nam	06.07.1999	SXCT	TP Cần Thơ
3233	50828607	PHAN THAI AN	Nam	29.03.1999	SXCT	TP Cần Thơ
3234	50828608	HUYNH THI KIEU MY	Nữ	28.09.1998	SXCT	TP Cần Thơ
3235	50828609	PHAM THANH THUAN	Nam	18.05.1995	SXCT	TP Cần Thơ
3236	50828613	THAI NGOC TRAN	Nữ	28.03.2005	SXCT	TP Cần Thơ
3237	50828614	NGUYEN BA CONG TIN	Nam	03.01.1997	SXCT	TP Cần Thơ
3238	50828618	NGUYEN DANG KHOA	Nam	18.02.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3239	50828620	DUONG TRONG NGHIA	Nam	15.08.1999	SXCT	TP Cần Thơ
3240	50828621	THIEM THI YEN NHU	Nữ	05.12.2004	SXCT	TP Cần Thơ
3241	50828623	TRUONG TAN DINH	Nam	01.01.1998	SXCT	TP Cần Thơ
3242	50828627	PHAN THI NHU THAO	Nữ	07.02.1997	SXCT	TP Cần Thơ
3243	50828631	CHAU THI NGOC TRINH	Nữ	13.07.2005	SXCT	TP Cần Thơ

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3244	50828632	BUI HONG SON	Nam	19.08.1996	SXCT	TP Cần Thơ
3245	50828633	LE MINH HIEP	Nam	06.08.1999	SXCT	TP Cần Thơ
3246	50828634	LE BICH NGAN	Nữ	25.05.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3247	50828636	PHAM VAN QUOC	Nam	17.02.2008	SXCT	TP Cần Thơ
3248	50828637	RUONG NGUYEN HOAI PHON	Nam	01.05.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3249	50828639	TRAN NGUYEN MINH TY	Nam	24.07.2004	SXCT	TP Cần Thơ
3250	50828642	TRAN NGOC THAO	Nữ	25.08.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3251	50828643	LE THI THU XUONG	Nữ	28.06.2006	SXCT	TP Cần Thơ
3252	50828644	PHAM KIM PHUONG VY	Nữ	01.01.2000	SXCT	TP Cần Thơ
3253	50828645	NGUYEN HONG DUC	Nam	25.03.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3254	50828646	VO THI BAO NGUYEN	Nữ	21.06.1999	SXCT	TP Cần Thơ
3255	50828647	NGUYEN THANH NGHIA	Nam	19.11.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3256	50828649	LY THI KIEU OANH	Nữ	07.11.2006	SXCT	TP Cần Thơ
3257	50828653	PHAM HUU THANH	Nam	16.01.1999	SXCT	TP Cần Thơ
3258	50828654	NGUYEN QUACH KHA AI	Nữ	18.06.2004	SXCT	TP Cần Thơ
3259	50828658	NGUYEN NGOC QUI	Nam	15.03.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3260	50828660	NGUYEN DUY CANH	Nam	25.05.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3261	50828665	NGUYEN DU	Nam	06.10.2004	SXCT	TP Cần Thơ
3262	50828667	DANG PHUOC BINH	Nam	28.05.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3263	50828668	VO NGOC DIEP	Nữ	31.12.1992	SXCT	TP Cần Thơ
3264	50828671	NGUYEN THANH TAM	Nam	13.08.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3265	50828672	DINH THI BAO NGOC	Nữ	22.01.2005	SXCT	TP Cần Thơ
3266	50828673	NGUYEN TAN PHAT	Nam	07.10.2006	SXCT	TP Cần Thơ
3267	50828675	TRAN HUU LOC	Nam	28.08.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3268	50828676	TRAN ANH DUNG	Nam	15.03.1994	SXCT	TP Cần Thơ
3269	50828677	BUI THANH NHAT	Nam	15.08.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3270	50828679	NGUYEN HUU PHUOC	Nam	03.02.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3271	50828680	LE HOANG VINH	Nam	06.10.2005	SXCT	TP Cần Thơ
3272	50828681	DOAN PHU DINH	Nam	19.12.2004	SXCT	TP Cần Thơ
3273	50828685	HO THI BICH PHUONG	Nữ	21.09.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3274	50828690	MAI VU HA	Nam	31.12.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3275	50828691	BUI VAN NHO	Nam	23.03.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3276	50828697	HUYNH THI MY TRINH	Nữ	24.05.2006	SXCT	TP Cần Thơ
3277	50828704	LE PHUOC TAM	Nam	18.11.1999	SXCT	TP Cần Thơ
3278	50828705	TRAN HONG SON	Nam	20.03.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3279	50828706	TRUONG THI THAO TRINH	Nữ	08.06.2006	SXCT	TP Cần Thơ
3280	50828707	TRAN THI TU LINH	Nữ	19.10.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3281	50828708	NGUYEN PHAM NGOC PHUNG	Nam	25.03.2000	SXCT	TP Cần Thơ
3282	50828712	NGUYEN THI MY HUONG	Nữ	01.05.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3283	50828713	DO HONG QUAN	Nam	14.01.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3284	50828714	NGUYEN KHAC LINH NAM	Nam	21.11.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3285	50828715	LE THI MY KIM	Nữ	08.01.2008	SXCT	TP Cần Thơ
3286	50828719	NGUYEN MINH THIEN	Nam	25.03.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3287	50828725	TRINH THI TUONG VY	Nữ	08.11.2004	SXCT	TP Cần Thơ
3288	50828726	NGUYEN TRUC LINH	Nữ	28.01.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3289	50828727	TRAN CAM QUYEN	Nữ	19.11.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3290	50828734	VO HAI NGAN	Nam	24.06.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3291	50828741	NGUYEN NGOC ANH THO	Nữ	10.01.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3292	50828745	TRUONG MINH NHIEU	Nam	02.02.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3293	50828747	NGUYEN THI TUYET NGAN	Nữ	21.09.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3294	50828751	HO HOANG KHANH	Nam	17.11.1992	SXCT	TP Cần Thơ
3295	50828754	DINH TRAN NGOC TRAM	Nữ	19.10.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3296	50828757	NGUYEN NGOC ANH KIET	Nam	21.05.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3297	50828766	PHAN THI THAO NGAN	Nữ	16.10.2000	SXCT	TP Cần Thơ
3298	50828767	LE HUU THINH	Nam	06.04.2005	SXCT	TP Cần Thơ
3299	50828779	DUONG NU QUYNH ANH	Nữ	12.01.2006	SXCT	TP Cần Thơ
3300	50828783	TRAN NGAN TUONG	Nữ	15.09.2000	SXCT	TP Cần Thơ

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3301	50828785	IO TRAN HOANG HUNG QUO	Nam	28.09.1999	SXCT	TP Cần Thơ
3302	50828786	NGUYEN VAN HOANG NANG	Nam	22.07.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3303	50828789	DAO NGUYEN NHAT LINH	Nữ	06.09.1997	SXCT	TP Cần Thơ
3304	50828790	LE VAN LE	Nam	06.06.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3305	50828791	VO DUONG MY NGOC	Nữ	02.01.2000	SXCT	TP Cần Thơ
3306	50828793	LE THI HUYNH NHU	Nữ	17.01.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3307	50828795	NGUYEN THI KIEU DIEM	Nữ	15.02.1994	SXCT	TP Cần Thơ
3308	50828796	CAO THI TRUC LINH	Nữ	28.04.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3309	50828797	TRUONG THANH NGAN	Nữ	01.08.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3310	50828798	TRAN THANH NHA	Nữ	21.05.2003	SXCT	TP Cần Thơ
3311	50828799	LE KIEU MY	Nữ	03.11.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3312	50828800	NGUYEN HIEU THAO	Nam	09.03.2000	SXCT	TP Cần Thơ
3313	50828801	NGUYEN THI TUYET NHI	Nữ	28.01.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3314	50828802	TRINH THI THU NGAN	Nữ	10.05.1998	SXCT	TP Cần Thơ
3315	50828803	PHAN TAN TAI	Nam	12.12.1994	SXCT	TP Cần Thơ
3316	50828807	LE NGOC MUOI	Nữ	26.12.2007	SXCT	TP Cần Thơ
3317	50828813	TRAN HUYNH DUC	Nam	23.01.1998	SXCT	TP Cần Thơ
3318	50828815	NGUYEN VAN NGHE	Nam	24.07.1990	SXCT	TP Cần Thơ
3319	50828819	TRAN THI KIM SA	Nữ	15.06.1988	SXCT	TP Cần Thơ
3320	50828820	TRAN THI QUE TRAN	Nữ	16.09.2005	SXCT	TP Cần Thơ
3321	50828824	TA NGOC DUONG VU	Nam	11.12.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3322	50828825	DINH THI NHAT VY	Nữ	11.03.1997	SXCT	TP Cần Thơ
3323	50828826	NGUYEN THANH TAM	Nam	27.09.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3324	50828828	HOANG NGUYEN BICH TRAM	Nữ	28.12.2005	SXCT	TP Cần Thơ
3325	50828834	LUU THI MY DUYEN	Nữ	08.01.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3326	50828840	HO THI ANH KY	Nữ	07.08.2005	SXCT	TP Cần Thơ
3327	50828850	SON HOANG	Nam	16.07.2005	SXCT	TP Cần Thơ
3328	50828855	LE HOAI PHUC	Nam	29.12.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3329	50828864	THAI NGOC NHI	Nữ	02.09.2004	SXCT	TP Cần Thơ
3330	50828865	LE THE VINH	Nam	22.08.1999	SXCT	TP Cần Thơ
3331	50828868	MAI VO NHUT THANH	Nam	04.07.2005	SXCT	TP Cần Thơ
3332	50828870	HA PHAN TO NHU	Nữ	07.05.2000	SXCT	TP Cần Thơ
3333	50828872	HOANG THI MINH NGOC	Nữ	07.06.2002	SXCT	TP Cần Thơ
3334	50828879	PHAM MINH TRI	Nam	04.03.1993	SXCT	TP Cần Thơ
3335	50828881	NGO TRONG NGUYEN	Nam	18.03.1992	SXCT	TP Cần Thơ
3336	50828883	PHAM VAN CAN	Nam	30.07.1992	SXCT	TP Cần Thơ
3337	50828887	TRAN QUOC THINH	Nam	23.02.1999	SXCT	TP Cần Thơ
3338	50828895	DAO NGOC THANH	Nam	06.12.1997	SXCT	TP Cần Thơ
3339	50828899	NGUYEN CHI BAO	Nam	07.05.2004	SXCT	TP Cần Thơ
3340	50828906	PHAN THANH TRUC	Nữ	23.10.2001	SXCT	TP Cần Thơ
3341	51010053	NGUYEN QUANG THINH	Nam	09.12.1991	Công nghiệp gốc	TP Cần Thơ
3342	51310079	LU PHAM PHAT TAI	Nam	20.11.2005	Công nghiệp gốc	TP Cần Thơ
3343	50201446	NGUYEN VAN LAC	Nam	15.11.2002	Nông nghiệp	TP Đà Nẵng
3344	50312417	TRAN CONG HAI	Nam	01.02.1995	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
3345	50312419	NGUYEN VAN HUNG	Nam	25.11.1996	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
3346	50312421	TRUONG CONG SANG	Nam	10.06.1992	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
3347	50824801	NGUYEN THI QUI PHUONG	Nữ	07.10.2004	SXCT	TP Đà Nẵng
3348	50824802	TRUONG NGOC HUY	Nam	14.04.2003	SXCT	TP Đà Nẵng
3349	50824804	UONG MINH HIEU	Nam	20.01.2006	SXCT	TP Đà Nẵng
3350	50824805	TRUONG THI THU NGOC	Nữ	21.11.2001	SXCT	TP Đà Nẵng
3351	50824812	NGUYEN ANH QUANG	Nam	22.11.2005	SXCT	TP Đà Nẵng
3352	50824813	NGUYEN HUU BIN	Nam	07.12.2001	SXCT	TP Đà Nẵng
3353	50824818	LE ANH TAI	Nam	26.02.2004	SXCT	TP Đà Nẵng
3354	50824821	HUYNH TAN NHAT MINH	Nam	07.02.1991	SXCT	TP Đà Nẵng
3355	50824822	VO THI QUYNH THU	Nữ	18.10.2004	SXCT	TP Đà Nẵng
3356	50824823	NGUYEN THI DIEU NHI	Nữ	03.01.1999	SXCT	TP Đà Nẵng
3357	50824828	NGO THI THANH TRUC	Nữ	03.05.2003	SXCT	TP Đà Nẵng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3358	50824829	LE VAN TRUONG	Nam	20.02.2000	SXCT	TP Đà Nẵng
3359	50824832	NGUYEN THI KIEU THO	Nữ	26.01.2000	SXCT	TP Đà Nẵng
3360	50824833	DUONG TAN SON	Nam	26.09.2002	SXCT	TP Đà Nẵng
3361	50824835	DUONG TAN CU	Nam	20.11.2003	SXCT	TP Đà Nẵng
3362	50824847	DO TRONG NGHIA	Nam	15.11.1998	SXCT	TP Đà Nẵng
3363	50824848	NGUYEN DUC HOANG	Nam	07.02.1991	SXCT	TP Đà Nẵng
3364	50824853	DANG THI BICH NGOC	Nữ	17.07.1997	SXCT	TP Đà Nẵng
3365	50824855	NGUYEN TAN TAI	Nam	20.12.1998	SXCT	TP Đà Nẵng
3366	50824861	TRAN TIEN DAT	Nam	07.01.2003	SXCT	TP Đà Nẵng
3367	50824862	LE GIA BAO	Nam	31.10.2004	SXCT	TP Đà Nẵng
3368	50824864	LE THI KIEU TRANG	Nữ	22.07.1998	SXCT	TP Đà Nẵng
3369	50824865	HO THI THU HANG	Nữ	21.10.1998	SXCT	TP Đà Nẵng
3370	50824866	DO TAN DAT	Nam	17.02.2005	SXCT	TP Đà Nẵng
3371	50824867	NGUYEN THI THIEN	Nữ	11.06.1998	SXCT	TP Đà Nẵng
3372	50824868	NGO VAN TAM	Nam	03.07.2001	SXCT	TP Đà Nẵng
3373	50824869	LE VAN MINH	Nam	13.09.2003	SXCT	TP Đà Nẵng
3374	50824870	TRAN THE BAO	Nam	02.11.1999	SXCT	TP Đà Nẵng
3375	50824871	NGUYEN VAN THANH	Nam	05.04.1997	SXCT	TP Đà Nẵng
3376	50824872	LE TRUNG TIEN	Nam	21.04.2000	SXCT	TP Đà Nẵng
3377	50824874	PHAM THANH TUNG	Nam	02.06.1997	SXCT	TP Đà Nẵng
3378	50824877	TRAN THI KIM ANH	Nữ	04.07.2002	SXCT	TP Đà Nẵng
3379	50824881	LUU HONG QUAN	Nam	07.02.2001	SXCT	TP Đà Nẵng
3380	50824883	NGUYEN VAN CAM	Nam	13.06.2003	SXCT	TP Đà Nẵng
3381	50824901	NGO THI TIEN	Nữ	11.09.1998	SXCT	TP Đà Nẵng
3382	50824903	LE THI MINH THANG	Nữ	10.09.2004	SXCT	TP Đà Nẵng
3383	50824904	LE TAN HOA	Nam	24.02.2001	SXCT	TP Đà Nẵng
3384	50824906	PHAN LE THANH QUANG	Nam	10.08.2003	SXCT	TP Đà Nẵng
3385	50824907	NGUYEN DUC TIEN	Nam	05.06.2000	SXCT	TP Đà Nẵng
3386	50824908	VO THI ANH NGAN	Nữ	04.05.1998	SXCT	TP Đà Nẵng
3387	50824910	NGUYEN THI THU THUY	Nữ	05.02.1996	SXCT	TP Đà Nẵng
3388	50824914	NGUYEN VAN HIEN	Nam	05.04.2000	SXCT	TP Đà Nẵng
3389	50824915	HO VAN THOI	Nam	09.07.2000	SXCT	TP Đà Nẵng
3390	50824916	NGUYEN VAN SANG	Nam	15.04.2002	SXCT	TP Đà Nẵng
3391	50824918	NGUYEN THI SUONG	Nữ	20.10.1996	SXCT	TP Đà Nẵng
3392	50824920	HUYNH THANH VINH	Nam	27.04.2005	SXCT	TP Đà Nẵng
3393	50824921	NGUYEN THI MY LINH	Nữ	02.02.1999	SXCT	TP Đà Nẵng
3394	50824923	PHAN QUOC TINH	Nam	20.09.1998	SXCT	TP Đà Nẵng
3395	50824926	NGUYEN THI KIM THANH	Nữ	11.04.2006	SXCT	TP Đà Nẵng
3396	50824927	DO THI HONG NHUNG	Nữ	20.11.2007	SXCT	TP Đà Nẵng
3397	50824932	VO THI THUY DUONG	Nữ	16.03.2003	SXCT	TP Đà Nẵng
3398	50824936	DUONG NGOC MIEN	Nam	25.11.1993	SXCT	TP Đà Nẵng
3399	50824937	DUONG THI THANH HIEN	Nữ	03.09.2006	SXCT	TP Đà Nẵng
3400	50825151	NGUYEN VAN QUYET	Nam	13.02.1988	SXCT	TP Đà Nẵng
3401	50825152	BUI THANH TRONG	Nam	25.07.1999	SXCT	TP Đà Nẵng
3402	51010054	NGUYEN PHUOC BAO	Nam	12.05.1998	Công nghiệp gốc	TP Đà Nẵng
3403	51010055	NGUYEN MINH HAO	Nam	22.06.2005	Công nghiệp gốc	TP Đà Nẵng
3404	51010056	NGUYEN PHUONG DONG	Nam	23.06.1999	Công nghiệp gốc	TP Đà Nẵng
3405	51210124	TRAN THI THUY TRANG	Nữ	18.12.1999	Công nghiệp gốc	TP Đà Nẵng
3406	51310081	DAO DUC TOAI	Nam	31.10.1998	Công nghiệp gốc	TP Đà Nẵng
3407	51310082	NGUYEN DANG QUANG HUY	Nam	16.10.1994	Công nghiệp gốc	TP Đà Nẵng
3408	51310083	VO MINH DAT	Nam	20.12.1992	Công nghiệp gốc	TP Đà Nẵng
3409	51310084	NGUYEN DUY MAN	Nam	17.05.1987	Công nghiệp gốc	TP Đà Nẵng
3410	51310085	NGO THANH LONG	Nam	17.09.1998	Công nghiệp gốc	TP Đà Nẵng
3411	50808501	NGUYEN HOANG NAM	Nam	21.07.2005	SXCT	TP Hà Nội
3412	50808502	TRAN THI THU	Nữ	20.11.2003	SXCT	TP Hà Nội
3413	50808503	NGUYEN THI LIEN	Nữ	20.07.1997	SXCT	TP Hà Nội
3414	50808505	NGUYEN VAN THAO	Nam	12.04.2007	SXCT	TP Hà Nội

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3415	50808506	DINH THI THU	Nữ	30.07.2000	SXCT	TP Hà Nội
3416	50808509	PHAM MINH KHOI	Nam	06.11.2007	SXCT	TP Hà Nội
3417	50808510	PHUNG THI KIEU TRANG	Nữ	10.12.2000	SXCT	TP Hà Nội
3418	50808511	DO BA HUYNH	Nam	23.07.2002	SXCT	TP Hà Nội
3419	50808513	CAO VAN HUY	Nam	24.08.2002	SXCT	TP Hà Nội
3420	50808514	NGUYEN DINH VIET	Nam	22.10.2005	SXCT	TP Hà Nội
3421	50808516	PHUNG VAN LUONG	Nam	03.10.2002	SXCT	TP Hà Nội
3422	50808521	DAO DUC CUONG	Nam	14.06.2004	SXCT	TP Hà Nội
3423	50808522	NGUYEN HOANG ANH	Nữ	14.07.2000	SXCT	TP Hà Nội
3424	50808523	DANG VAN TIEP	Nam	16.06.2003	SXCT	TP Hà Nội
3425	50808525	DANG VAN THUY	Nam	31.08.1992	SXCT	TP Hà Nội
3426	50808526	NGUYEN TIEN NGHIEP	Nam	09.11.2007	SXCT	TP Hà Nội
3427	50808527	DO DANH TUONG	Nam	24.09.2004	SXCT	TP Hà Nội
3428	50808529	DO THI NHUNG	Nữ	28.04.2002	SXCT	TP Hà Nội
3429	50808531	NGUYEN MINH HIEU	Nam	24.10.2006	SXCT	TP Hà Nội
3430	50808532	NGUYEN DUY TRONG	Nam	25.11.2000	SXCT	TP Hà Nội
3431	50808534	NGUYEN THI NGUYET	Nữ	03.12.1996	SXCT	TP Hà Nội
3432	50808535	DANG VAN QUAN	Nam	25.10.2007	SXCT	TP Hà Nội
3433	50808537	NGUYEN THANH DAT	Nam	26.10.1995	SXCT	TP Hà Nội
3434	50808542	NGO VAN HUAN	Nam	03.04.2005	SXCT	TP Hà Nội
3435	50808544	PHAN VAN HUNG	Nam	13.11.2007	SXCT	TP Hà Nội
3436	50808546	LE NGOC VY	Nam	18.06.2004	SXCT	TP Hà Nội
3437	50808550	DANG THI NGOC	Nữ	25.12.1995	SXCT	TP Hà Nội
3438	50808553	NGUYEN NGOC LINH	Nữ	18.06.2007	SXCT	TP Hà Nội
3439	50808559	VU HUONG LAN	Nữ	29.03.1996	SXCT	TP Hà Nội
3440	50808566	NGUYEN HONG NGOC SON	Nam	06.10.2005	SXCT	TP Hà Nội
3441	50808567	NGUYEN CONG LUAN	Nam	19.01.2005	SXCT	TP Hà Nội
3442	50808568	NGUYEN TUAN ANH	Nam	22.09.2003	SXCT	TP Hà Nội
3443	50808570	TA VAN ANH	Nữ	26.06.2007	SXCT	TP Hà Nội
3444	50808575	TA THI TRANG	Nữ	01.12.2006	SXCT	TP Hà Nội
3445	50808576	HO SY KIEN	Nam	22.11.2003	SXCT	TP Hà Nội
3446	50808579	KHUAT THI NGOC ANH	Nữ	14.07.2006	SXCT	TP Hà Nội
3447	50808581	NGO HAI NAM	Nam	29.04.1998	SXCT	TP Hà Nội
3448	50808584	NGUYEN BAO ANH	Nam	03.09.1991	SXCT	TP Hà Nội
3449	50808585	NGUYEN VAN HUYNH	Nam	30.05.2001	SXCT	TP Hà Nội
3450	50808587	PHAM NHAT PHONG	Nam	22.09.2006	SXCT	TP Hà Nội
3451	50808588	NGO THI MAI	Nữ	07.09.1988	SXCT	TP Hà Nội
3452	50808589	VU THI NGOC THAO	Nữ	30.11.2007	SXCT	TP Hà Nội
3453	50808594	NGUYEN HUU TICH	Nam	19.04.2004	SXCT	TP Hà Nội
3454	50808596	LE MINH DUC	Nam	08.02.2007	SXCT	TP Hà Nội
3455	50808597	NGUYEN DUY HUNG	Nam	18.07.2006	SXCT	TP Hà Nội
3456	50808601	NGUYEN XUAN GIANG	Nam	18.08.2003	SXCT	TP Hà Nội
3457	50808603	NGUYEN THI THANH LAM	Nữ	13.08.2001	SXCT	TP Hà Nội
3458	50808604	PHAN THI THU UYEN	Nữ	20.01.1998	SXCT	TP Hà Nội
3459	50808607	NGUYEN THI HONG	Nữ	11.05.1991	SXCT	TP Hà Nội
3460	50808608	NGUYEN MINH THANH	Nam	09.03.2007	SXCT	TP Hà Nội
3461	50808610	DANG HONG THAI	Nam	12.04.2007	SXCT	TP Hà Nội
3462	50808611	CHU NGOC TAI	Nam	06.08.2007	SXCT	TP Hà Nội
3463	50808612	NGUYEN DINH QUOC VUONG	Nam	23.11.2006	SXCT	TP Hà Nội
3464	50808614	NGUYEN THI LAN ANH	Nữ	15.03.2007	SXCT	TP Hà Nội
3465	50808615	LE CONG TU	Nam	28.10.1999	SXCT	TP Hà Nội
3466	50808616	LA VAN DUNG	Nam	22.10.1998	SXCT	TP Hà Nội
3467	50808621	PHUNG VAN QUAN	Nam	20.01.1997	SXCT	TP Hà Nội
3468	50808622	NGUYEN THU PHUONG	Nữ	05.12.2004	SXCT	TP Hà Nội
3469	50808623	LE NGOC HUNG	Nam	05.10.2004	SXCT	TP Hà Nội
3470	50808631	PHAM VAN NHAT	Nam	20.06.2002	SXCT	TP Hà Nội
3471	50808632	NGUYEN THI VAN ANH	Nữ	15.09.1994	SXCT	TP Hà Nội

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3472	50808633	NGUYEN DUY TUNG LAM	Nam	03.11.2006	SXCT	TP Hà Nội
3473	50808639	TA THAC THE	Nam	03.04.1993	SXCT	TP Hà Nội
3474	50808643	NGUYEN DAC DUY ANH	Nam	19.03.2005	SXCT	TP Hà Nội
3475	50808644	CAN CONG TOAN	Nam	10.07.1999	SXCT	TP Hà Nội
3476	50808646	NGUYEN VIET TRUNG	Nam	03.08.2007	SXCT	TP Hà Nội
3477	50808647	VUONG VAN ANH KIET	Nam	10.12.2004	SXCT	TP Hà Nội
3478	50808652	NGO GIA LONG	Nam	11.09.2007	SXCT	TP Hà Nội
3479	50808654	LE TUAN LONG	Nam	26.07.1998	SXCT	TP Hà Nội
3480	50808655	NGUYEN VUONG HUYNH	Nam	14.12.2003	SXCT	TP Hà Nội
3481	50808661	NGUYEN THI MINH PHUONG	Nữ	11.04.2007	SXCT	TP Hà Nội
3482	50808662	CAO NGOC SON	Nam	31.05.2004	SXCT	TP Hà Nội
3483	50808667	LE THI THUY HIEN	Nữ	21.01.2002	SXCT	TP Hà Nội
3484	50808671	VUONG DAC SON	Nam	07.12.1993	SXCT	TP Hà Nội
3485	50808678	CAO QUANG DIEN	Nam	08.11.1996	SXCT	TP Hà Nội
3486	50808681	NGUYEN THI QUYNH TRANG	Nữ	30.10.2003	SXCT	TP Hà Nội
3487	50808682	NGUYEN MAI THAM	Nữ	02.10.1998	SXCT	TP Hà Nội
3488	50808686	VUONG DAC CUONG	Nam	24.03.2002	SXCT	TP Hà Nội
3489	50808689	LE NHAT HAO	Nam	15.08.2006	SXCT	TP Hà Nội
3490	50808690	NGUYEN HUU TAM	Nam	02.05.2006	SXCT	TP Hà Nội
3491	50808691	NGUYEN QUE HOC	Nam	13.10.2004	SXCT	TP Hà Nội
3492	50808692	NGUYEN DANH THUAN	Nam	20.06.2004	SXCT	TP Hà Nội
3493	50808693	NGUYEN VAN TAI	Nam	23.09.2006	SXCT	TP Hà Nội
3494	50808695	VUONG SY TRUONG	Nam	15.07.2005	SXCT	TP Hà Nội
3495	50808696	NGUYEN DINH PHI	Nam	22.10.2003	SXCT	TP Hà Nội
3496	50808698	PHAN THI THUY LINH	Nữ	17.11.1998	SXCT	TP Hà Nội
3497	50808699	NGUYEN HUONG QUYEN	Nam	31.12.2003	SXCT	TP Hà Nội
3498	50808702	PHAN THI ANH	Nữ	18.01.2003	SXCT	TP Hà Nội
3499	50808703	NGUYEN VAN HOAI NAM	Nam	24.09.2005	SXCT	TP Hà Nội
3500	50808704	NGUYEN PHI HUNG	Nam	28.08.2005	SXCT	TP Hà Nội
3501	50808705	NGO HAO PHONG	Nam	27.06.2003	SXCT	TP Hà Nội
3502	50808707	NGUYEN THIEN MINH	Nam	03.10.2006	SXCT	TP Hà Nội
3503	50808708	NGUYEN NGOC HOA	Nam	01.10.2006	SXCT	TP Hà Nội
3504	50808709	BUI QUANG HIEP	Nam	03.01.2007	SXCT	TP Hà Nội
3505	50808712	NGUYEN HUY HOANG	Nam	23.11.2005	SXCT	TP Hà Nội
3506	50808713	TRAN THANH KHOA	Nam	15.08.2004	SXCT	TP Hà Nội
3507	50808720	PHAM VAN HAI	Nam	13.12.2002	SXCT	TP Hà Nội
3508	50808721	HOANG TUAN PHONG	Nam	24.10.2005	SXCT	TP Hà Nội
3509	50808729	DAO THI MINH PHUONG	Nữ	07.12.2006	SXCT	TP Hà Nội
3510	50808731	NGUYEN ANH TRUONG	Nam	23.10.1997	SXCT	TP Hà Nội
3511	50808732	NGUYEN DUY TAN	Nam	11.05.2004	SXCT	TP Hà Nội
3512	50808733	NGUYEN XUAN THAI	Nam	25.02.2007	SXCT	TP Hà Nội
3513	50808735	DO THI THU UYEN	Nữ	13.10.1999	SXCT	TP Hà Nội
3514	50808736	NGUYEN VAN SAM	Nam	22.01.2006	SXCT	TP Hà Nội
3515	50808740	DAO THI VANG THUONG	Nữ	16.08.2007	SXCT	TP Hà Nội
3516	50808746	NGUYEN THI HANG	Nữ	14.10.2005	SXCT	TP Hà Nội
3517	50808749	DO VAN MANH	Nam	09.05.2004	SXCT	TP Hà Nội
3518	50808750	NGUYEN VAN AN	Nam	04.09.2005	SXCT	TP Hà Nội
3519	50808751	NGUYEN VAN TRUNG	Nam	05.11.2005	SXCT	TP Hà Nội
3520	50808753	TRAN THI XUAN ANH	Nữ	19.02.2003	SXCT	TP Hà Nội
3521	50808754	DO VAN TRUNG HIEU	Nam	30.11.2004	SXCT	TP Hà Nội
3522	50808756	DO DANG THANH SON	Nam	21.09.2003	SXCT	TP Hà Nội
3523	50808757	NGUYEN THI CUC	Nữ	04.02.1987	SXCT	TP Hà Nội
3524	50808758	LUU THI LIEN	Nữ	08.01.2005	SXCT	TP Hà Nội
3525	50808764	DUONG THI THAM	Nữ	25.08.1998	SXCT	TP Hà Nội
3526	50808771	BUI HONG NHUNG	Nữ	19.04.2003	SXCT	TP Hà Nội
3527	50808778	THAN DANH TU	Nam	15.12.1994	SXCT	TP Hà Nội
3528	50808783	DO THI HUONG	Nữ	10.08.1995	SXCT	TP Hà Nội

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3529	50808784	VUONG DAC HOANG	Nam	22.07.2004	SXCT	TP Hà Nội
3530	50808785	PHAM VAN DOAN	Nam	13.03.2000	SXCT	TP Hà Nội
3531	50808805	NGUYEN THI HIEN	Nữ	27.10.2005	SXCT	TP Hà Nội
3532	50808809	PHAM THI MAI LINH	Nữ	21.07.1999	SXCT	TP Hà Nội
3533	50808820	NGUYEN TIEN BINH	Nam	08.08.2002	SXCT	TP Hà Nội
3534	50808823	NGUYEN HONG HAI	Nam	13.03.1991	SXCT	TP Hà Nội
3535	50808831	NGUYEN THANH CONG	Nam	23.05.1994	SXCT	TP Hà Nội
3536	51010057	HOANG THI THANH NHAN	Nữ	20.12.1990	Công nghiệp gốc	TP Hà Nội
3537	51010058	NGUYEN VAN HUNG	Nam	01.06.1987	Công nghiệp gốc	TP Hà Nội
3538	51310086	NGUYEN HUU BIEN	Nam	28.02.1996	Công nghiệp gốc	TP Hà Nội
3539	51310087	DO XUAN THUAT	Nam	13.03.1991	Công nghiệp gốc	TP Hà Nội
3540	51310089	NGUYEN HUU TUAN	Nam	12.02.2004	Công nghiệp gốc	TP Hà Nội
3541	51310090	NGUYEN MANH HUNG	Nam	06.09.2000	Công nghiệp gốc	TP Hà Nội
3542	51310092	LUU CONG DUC	Nam	14.03.2005	Công nghiệp gốc	TP Hà Nội
3543	51310093	DO KE LOC	Nam	29.01.2005	Công nghiệp gốc	TP Hà Nội
3544	51310094	LE XUAN TUYEN	Nam	21.11.1996	Công nghiệp gốc	TP Hà Nội
3545	51310095	DO QUANG QUANG OAI	Nam	06.02.2006	Công nghiệp gốc	TP Hà Nội
3546	51210030	NGUYEN DINH VU	Nam	15.09.2005	Công nghiệp gốc	TP Hải Phòng
3547	50809502	TRAN VAN SY	Nam	23.09.2000	SXCT	TP Hải Phòng
3548	50809505	NGUYEN THANH HUONG	Nữ	18.09.2004	SXCT	TP Hải Phòng
3549	50809506	LE PHUONG NHUNG	Nữ	13.04.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3550	50809507	DAO TRONG KHAI	Nam	22.09.1997	SXCT	TP Hải Phòng
3551	50809508	NGUYEN THI QUYEN	Nữ	23.01.1993	SXCT	TP Hải Phòng
3552	50809509	NGUYEN HONG PHUC	Nam	24.10.2007	SXCT	TP Hải Phòng
3553	50809510	NGUYEN THI NHAI	Nữ	05.09.2000	SXCT	TP Hải Phòng
3554	50809512	NGO THI THU HIEN	Nữ	28.12.2005	SXCT	TP Hải Phòng
3555	50809513	VU DINH SON	Nam	17.02.1993	SXCT	TP Hải Phòng
3556	50809514	HA THI BIEN	Nữ	16.09.1989	SXCT	TP Hải Phòng
3557	50809515	VU VIET HOANG	Nam	24.12.1998	SXCT	TP Hải Phòng
3558	50809523	NGUYEN VAN LINH	Nam	02.02.1999	SXCT	TP Hải Phòng
3559	50809525	LE MINH HAI	Nam	02.10.1999	SXCT	TP Hải Phòng
3560	50809527	DO DANG DAT	Nam	28.08.2005	SXCT	TP Hải Phòng
3561	50809530	PHAM VAN KIET	Nam	07.01.1994	SXCT	TP Hải Phòng
3562	50809531	NGUYEN THI MINH THUY	Nữ	27.09.1997	SXCT	TP Hải Phòng
3563	50809533	NGO DUC SON	Nam	29.09.1988	SXCT	TP Hải Phòng
3564	50809536	NGUYEN MINH TUAN	Nam	10.05.2000	SXCT	TP Hải Phòng
3565	50809543	CAO THANH LONG	Nam	18.09.2004	SXCT	TP Hải Phòng
3566	50809550	NGUYEN THI LY	Nữ	26.09.1994	SXCT	TP Hải Phòng
3567	50809552	NGUYEN CANH PHU NGUYEN	Nam	29.09.1997	SXCT	TP Hải Phòng
3568	50809553	PHAM VAN VU	Nam	07.09.1992	SXCT	TP Hải Phòng
3569	50809554	NGUYEN THE CANH	Nam	14.02.2001	SXCT	TP Hải Phòng
3570	50809555	NGUYEN TIEN DUNG	Nam	17.11.2001	SXCT	TP Hải Phòng
3571	50809556	NGUYEN THI NHUNG	Nữ	26.09.2002	SXCT	TP Hải Phòng
3572	50809557	PHAM CONG ANH	Nam	04.11.1991	SXCT	TP Hải Phòng
3573	50809560	PHUNG QUANG HOANG	Nam	09.12.1993	SXCT	TP Hải Phòng
3574	50809562	DAO TRONG TUAN NAM	Nam	26.08.2005	SXCT	TP Hải Phòng
3575	50809566	NGUYEN THI TUYET	Nữ	04.10.1996	SXCT	TP Hải Phòng
3576	50809570	NGUYEN TRONG NGUYEN	Nam	08.10.1993	SXCT	TP Hải Phòng
3577	50809571	PHAM VAN HUY	Nam	30.01.1998	SXCT	TP Hải Phòng
3578	50809574	NGUYEN THI HUE	Nữ	04.07.2000	SXCT	TP Hải Phòng
3579	50809577	VU VAN SON	Nam	26.11.1993	SXCT	TP Hải Phòng
3580	50809580	PHAM XUAN LUC	Nam	21.02.1997	SXCT	TP Hải Phòng
3581	50809594	TRAN VAN DINH	Nam	26.05.1995	SXCT	TP Hải Phòng
3582	50809603	VU THI HAI	Nữ	06.09.1987	SXCT	TP Hải Phòng
3583	50809612	NGUYEN THI THUY	Nữ	08.03.1994	SXCT	TP Hải Phòng
3584	50809613	HOANG DUC ANH	Nam	18.01.1995	SXCT	TP Hải Phòng
3585	50809617	DAO VAN MANH	Nam	03.06.1998	SXCT	TP Hải Phòng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3586	50809620	NGUYEN THI DUYEN	Nữ	29.06.1996	SXCT	TP Hải Phòng
3587	50809623	GIANG THANH PHONG	Nam	18.10.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3588	50809630	NGUYEN MINH QUANG	Nam	27.11.1991	SXCT	TP Hải Phòng
3589	50809631	VU THI TUYEN	Nữ	04.01.2000	SXCT	TP Hải Phòng
3590	50809639	NGUYEN THI NGOC	Nữ	09.12.1991	SXCT	TP Hải Phòng
3591	50809652	VU XUAN DAI	Nam	16.12.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3592	50809901	TRAN VAN TRUNG	Nam	11.02.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3593	50809902	NGUYEN THI THANH HOA	Nữ	15.08.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3594	50809904	DONG XUAN TUYEN	Nam	08.01.1993	SXCT	TP Hải Phòng
3595	50809908	VU VAN QUANG LONG	Nam	13.07.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3596	50809910	NGUYEN DUC MINH HIEU	Nam	03.08.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3597	50809912	NGUYEN HA VI	Nữ	14.09.2001	SXCT	TP Hải Phòng
3598	50809914	VU VAN DUONG	Nam	24.08.2000	SXCT	TP Hải Phòng
3599	50809915	HOANG DUC DAT	Nam	18.02.2001	SXCT	TP Hải Phòng
3600	50809916	LE QUY DUONG	Nam	06.08.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3601	50809917	NGUYEN VAN NGUYEN	Nam	11.02.2004	SXCT	TP Hải Phòng
3602	50809920	PHAM VINH THUONG	Nam	12.06.2000	SXCT	TP Hải Phòng
3603	50809924	NGUYEN THI KIM NGAN	Nữ	26.12.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3604	50809926	NGUYEN THI CHUYEN	Nữ	18.02.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3605	50809927	VU DOAN KHANH LINH	Nữ	03.06.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3606	50809928	NGUYEN THI KIM OANH	Nữ	29.10.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3607	50809930	PHAM BA NAM	Nam	03.05.1998	SXCT	TP Hải Phòng
3608	50809933	BUI THI THU	Nữ	13.09.1997	SXCT	TP Hải Phòng
3609	50809937	VU VAN HAI	Nam	20.11.2002	SXCT	TP Hải Phòng
3610	50809941	DOAN YEN LINH	Nữ	09.11.2007	SXCT	TP Hải Phòng
3611	50809942	NGUYEN MY HANH	Nữ	24.02.2007	SXCT	TP Hải Phòng
3612	50809943	NGUYEN ANH TU	Nam	28.07.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3613	50809944	VU VAN DUY	Nam	29.11.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3614	50809945	DAO DUY DUC	Nam	04.12.2004	SXCT	TP Hải Phòng
3615	50809947	LE XUAN TOAN	Nam	18.02.2005	SXCT	TP Hải Phòng
3616	50809948	NGUYEN VAN HOANG	Nam	23.05.2004	SXCT	TP Hải Phòng
3617	50809949	TRINH DINH TRUNG	Nam	22.07.2002	SXCT	TP Hải Phòng
3618	50809950	NGUYEN THI YEN NHI	Nữ	15.06.2007	SXCT	TP Hải Phòng
3619	50809951	DINH NGOC LAN	Nam	28.03.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3620	50809955	HOANG VAN PHUONG	Nam	23.06.1993	SXCT	TP Hải Phòng
3621	50809956	NGUYEN DINH DUC	Nam	10.03.1998	SXCT	TP Hải Phòng
3622	50809958	BUI VAN THIEU	Nam	20.07.1999	SXCT	TP Hải Phòng
3623	50809959	NGUYEN VAN CONG	Nam	04.03.1988	SXCT	TP Hải Phòng
3624	50809960	NGUYEN NGOC HOA	Nam	27.07.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3625	50809961	DOAN BA TOAN	Nam	23.01.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3626	50809963	LE THI NGOC NGA	Nữ	17.05.2007	SXCT	TP Hải Phòng
3627	50809965	LE DUC ANH	Nam	15.06.2002	SXCT	TP Hải Phòng
3628	50809967	HOANG THI THANH THANH	Nữ	08.10.1996	SXCT	TP Hải Phòng
3629	50809968	DANG TUAN NAM	Nam	20.10.2007	SXCT	TP Hải Phòng
3630	50809969	VU TIEN VINH	Nam	13.07.2000	SXCT	TP Hải Phòng
3631	50809970	PHAM THE PHONG	Nam	22.08.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3632	50809972	VU NGOC HA	Nam	17.03.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3633	50809975	PHAM VAN THANH	Nam	21.09.2005	SXCT	TP Hải Phòng
3634	50809979	PHAM VAN KHANG	Nam	12.09.2002	SXCT	TP Hải Phòng
3635	50809980	BUI QUANG SONG	Nam	20.12.1992	SXCT	TP Hải Phòng
3636	50809982	CAO VAN DAN	Nam	03.07.2004	SXCT	TP Hải Phòng
3637	50809988	TRAN NAM KHANH	Nam	16.05.2001	SXCT	TP Hải Phòng
3638	50809993	NGUYEN TRONG VU	Nam	02.06.1991	SXCT	TP Hải Phòng
3639	50809994	PHAM BAO LONG	Nam	02.12.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3640	50809995	HOANG SY LANG	Nam	10.08.2004	SXCT	TP Hải Phòng
3641	50809999	VU VAN TRUONG	Nam	28.10.2000	SXCT	TP Hải Phòng
3642	50810000	PHAM TUAN ANH	Nam	28.09.2004	SXCT	TP Hải Phòng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3643	50810001	VU VAN QUYNH	Nam	04.04.2004	SXCT	TP Hải Phòng
3644	50810002	TRAN THU TRANG	Nữ	24.01.2000	SXCT	TP Hải Phòng
3645	50810003	PHAM THI KHANH LINH	Nữ	27.07.2002	SXCT	TP Hải Phòng
3646	50810004	DANG THI UYEN	Nữ	05.12.1999	SXCT	TP Hải Phòng
3647	50810005	NGUYEN VIET AN	Nam	26.01.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3648	50810006	DANG VAN HIEN	Nam	20.09.1992	SXCT	TP Hải Phòng
3649	50810007	VU TRUNG NGHIA	Nam	28.06.2005	SXCT	TP Hải Phòng
3650	50810008	TRAN VAN LOI	Nam	09.06.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3651	50810009	NGUYEN NGOC HIEN	Nam	17.10.1994	SXCT	TP Hải Phòng
3652	50810011	NGUYEN THI BICH NGOC	Nữ	22.06.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3653	50810013	VU XUAN TRUONG	Nam	16.09.1997	SXCT	TP Hải Phòng
3654	50810014	PHAN VAN DIEP	Nam	01.07.1996	SXCT	TP Hải Phòng
3655	50810015	NGUYEN NGOC HAI	Nam	02.02.2004	SXCT	TP Hải Phòng
3656	50810016	NGUYEN HUY THUC	Nam	21.01.1997	SXCT	TP Hải Phòng
3657	50810020	DOAN BUI ANH NGUYET	Nữ	29.12.2007	SXCT	TP Hải Phòng
3658	50810021	NGUYEN LUONG KIEN	Nam	18.04.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3659	50810022	NGUYEN THI HOAI NGOC	Nữ	22.09.2007	SXCT	TP Hải Phòng
3660	50810023	VU VAN THANG	Nam	12.03.2004	SXCT	TP Hải Phòng
3661	50810025	LE QUANG NINH	Nam	09.11.2004	SXCT	TP Hải Phòng
3662	50810026	DO VAN MANH	Nam	26.03.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3663	50810029	LE VIET ANH	Nam	13.10.1998	SXCT	TP Hải Phòng
3664	50810030	NGUYEN BACH NGUYEN	Nam	30.11.1992	SXCT	TP Hải Phòng
3665	50810031	TRINH DINH HAI	Nam	29.11.1989	SXCT	TP Hải Phòng
3666	50810034	LE VAN TUAN	Nam	27.08.1995	SXCT	TP Hải Phòng
3667	50810037	NGUYEN QUANG MANH	Nam	23.09.1987	SXCT	TP Hải Phòng
3668	50810039	LE THI HANH	Nữ	03.02.1993	SXCT	TP Hải Phòng
3669	50810040	VU THI PHUONG ANH	Nữ	15.09.2006	SXCT	TP Hải Phòng
3670	50810044	LE THI HAI	Nữ	06.08.1993	SXCT	TP Hải Phòng
3671	50810046	LE DUC THANG	Nam	26.11.2001	SXCT	TP Hải Phòng
3672	50810048	VU NGOC HIEU	Nam	01.09.1997	SXCT	TP Hải Phòng
3673	50810052	LE VAN THANG	Nam	06.05.1993	SXCT	TP Hải Phòng
3674	50810055	PHAM THI LY	Nữ	10.04.1996	SXCT	TP Hải Phòng
3675	50810067	PHAM THI THU KHUYEN	Nữ	24.12.2003	SXCT	TP Hải Phòng
3676	50810070	NGUYEN THI NGOAN	Nữ	25.10.2005	SXCT	TP Hải Phòng
3677	50810084	NGUYEN THI DUNG	Nữ	23.05.1996	SXCT	TP Hải Phòng
3678	50810088	NGUYEN VAN LONG	Nam	04.10.1990	SXCT	TP Hải Phòng
3679	50810109	LE THI THU HUYEN	Nữ	18.09.2005	SXCT	TP Hải Phòng
3680	50810110	MAC THI DIU	Nữ	20.08.2001	SXCT	TP Hải Phòng
3681	51310098	NGUYEN THANH DAT	Nam	20.01.1999	Công nghiệp gốc	TP Hải Phòng
3682	51310100	TANG NGOC HOA	Nam	11.09.1991	Công nghiệp gốc	TP Hải Phòng
3683	51310101	NGUYEN VAN KHANH	Nam	17.07.1988	Công nghiệp gốc	TP Hải Phòng
3684	51310102	TRAN XUAN THIEM	Nam	09.07.2003	Công nghiệp gốc	TP Hải Phòng
3685	50829071	NGUYEN THI NGOC TRANG	Nữ	01.05.2001	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3686	50829072	TRAN THI TIEN TIEN	Nữ	17.06.2004	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3687	50829073	TRAN THI NHA UYEN	Nữ	01.12.1996	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3688	50829076	TRUONG TAN DUY	Nam	11.05.2003	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3689	50829080	NGUYEN QUOC AN	Nam	10.10.2000	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3690	50829081	DONG TUE NGHI	Nữ	12.07.2004	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3691	50829082	TRAN TAN LOC	Nam	28.08.2002	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3692	50829084	MAI NGUYEN TUAN TU	Nam	12.01.2006	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3693	50829085	TRAN THI THUY DUONG	Nữ	13.11.2000	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3694	50829088	VO THI NGOC OANH	Nữ	02.08.2001	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3695	50829089	BACH HOANG MINH VU	Nam	10.04.2002	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3696	50829091	NGUYEN CHAU HAI MI	Nữ	25.08.2003	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3697	50829094	VO TRONG DAI	Nam	30.11.2007	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3698	50829096	PHAM THI THANH TUYEN	Nữ	10.10.2003	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3699	50829099	TRAN NGUYEN THUY TIEN	Nữ	03.03.2007	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3700	50829106	QUANG CAM NHI	Nữ	24.07.1993	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3701	50829107	LE THI THUY TIEN	Nữ	27.09.1997	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3702	50829111	TRAN HOANG BAO NGOC	Nữ	30.10.2002	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3703	50829112	DO NGOC THANH	Nam	16.02.1994	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3704	50829116	LE PHAM THANH TUAN	Nam	31.08.1991	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3705	50829118	NGUYEN THANH MINH	Nam	12.11.2002	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3706	50829119	LAM TRUNG TIN	Nam	11.12.1996	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3707	50829132	BUI DUC THUAN	Nam	01.06.1993	SXCT	TP Hồ Chí Minh

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3708	50829134	PHAN THANH NHU	Nữ	03.08.2001	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3709	50829135	NGUYEN THI TUYET NHUNG	Nữ	02.04.1998	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3710	50829136	DUONG THI KIM TRAM	Nữ	14.11.1996	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3711	50829137	THAI TRINH TIEN	Nam	05.10.2003	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3712	50829138	VO DAC THANH	Nam	07.05.2003	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3713	50829139	LY XUAN TRUONG	Nam	01.09.1999	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3714	50829145	NGUYEN VAN HOANG THANH	Nam	20.08.2002	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3715	50829147	BUI TAN VY	Nam	06.07.2001	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3716	50829153	BUI QUANG HUNG	Nam	05.12.2001	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3717	50829163	NGO NGUYEN QUANG VINH	Nam	02.11.2000	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3718	50829164	NGUYEN TUAN ANH	Nam	17.09.1994	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3719	50829167	DANG HOAI NAM	Nam	29.07.1997	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3720	50829271	PHAM THI THUY LAN	Nữ	20.02.1991	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3721	50829272	NGUYEN HOANG BAO CHAU	Nam	14.04.2000	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3722	50829273	LE HONG PHONG	Nam	11.09.1989	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3723	50829277	MAI THE MANH	Nam	12.01.2004	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3724	50829278	PHAM ANH DUNG	Nam	17.11.2005	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3725	50829279	TRAN TIEN DAT	Nam	12.03.2000	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3726	50829280	CU THI TRUC QUYNH	Nữ	16.03.2007	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3727	50829281	NGUYEN ANH TIEN	Nam	28.03.1990	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3728	50829285	HO NGOC QUE TIEN	Nữ	14.06.2002	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3729	50829288	LE THI TUYET NHI	Nữ	30.09.2006	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3730	50829290	NGUYEN THO PHONG	Nam	29.08.1999	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3731	50829292	TRAN THI NHU QUYNH	Nữ	19.01.2002	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3732	50829295	LE HAI TRUONG	Nam	20.04.2001	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3733	50829296	TRAN THANH HAI	Nam	25.06.2000	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3734	50829300	VO XUAN NGHIA	Nam	20.09.2005	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3735	50829301	VU HOANG TUAN	Nam	05.06.1994	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3736	50829371	NGUYEN VAN DOAN	Nam	24.09.1995	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3737	50829375	CU VAN HIEU	Nam	13.02.2004	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3738	50829376	TRUONG DOAN TRUONG	Nam	30.10.2003	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3739	50829379	NGUYEN THI THANH NGUYET	Nữ	22.08.2002	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3740	50829381	PHAM THI DUNG	Nữ	06.01.1998	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3741	50829385	NGUYEN VAN SY	Nam	08.08.2004	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3742	50829388	VO VAN MANH	Nam	01.12.1991	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3743	50829392	LY THI NGOC HA	Nữ	24.01.1994	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3744	50829394	NGUYEN CONG CAO QUOC KY	Nam	17.05.2007	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3745	50829396	NGUYEN VAN THO	Nam	28.11.2001	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3746	50829397	NGO THI THI	Nữ	17.05.1997	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3747	50829401	NGUYEN VAN NAM	Nam	28.02.2001	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3748	50829407	VAN CONG THANH	Nam	07.06.2002	SXCT	TP Hồ Chí Minh
3749	51310103	NGUYEN QUOC CUONG	Nam	11.01.1997	Công nghiệp gốc	TP Hồ Chí Minh
3750	50312316	HA HUU PHONG	Nam	27.06.1993	Ngư nghiệp	TP Huế
3751	50312317	PHAN HOAI NAM	Nam	10.05.2000	Ngư nghiệp	TP Huế
3752	50312318	PHAN DUC CHUONG	Nam	07.10.2000	Ngư nghiệp	TP Huế
3753	50312319	HOANG PHI HUNG	Nam	15.04.2001	Ngư nghiệp	TP Huế
3754	50312320	PHAN VAN QUAN	Nam	17.01.2002	Ngư nghiệp	TP Huế
3755	50312321	NGUYEN DINH VAN	Nam	05.09.2002	Ngư nghiệp	TP Huế
3756	50824502	NGUYEN VAN HOANG	Nam	25.12.1998	SXCT	TP Huế
3757	50824503	TRAN THI TU TRINH	Nữ	02.11.2007	SXCT	TP Huế
3758	50824504	LE VAN HUNG	Nam	02.12.2001	SXCT	TP Huế
3759	50824505	PHAN XUAN PHAP	Nam	08.04.2004	SXCT	TP Huế
3760	50824507	HO THI MY HA	Nữ	12.11.2004	SXCT	TP Huế
3761	50824510	TRAN THI MY LAN	Nữ	08.08.2000	SXCT	TP Huế
3762	50824511	VAN THI MY TRA	Nữ	26.08.2004	SXCT	TP Huế
3763	50824512	TRAN THI THAO NGUYEN	Nữ	20.01.2002	SXCT	TP Huế
3764	50824514	HOANG QUOC VU	Nam	28.07.2002	SXCT	TP Huế
3765	50824515	LE KIM QUOC CUONG	Nam	04.10.1997	SXCT	TP Huế
3766	50824516	NGUYEN THI NGOC BICH	Nữ	08.10.2001	SXCT	TP Huế
3767	50824517	NGUYEN THI NHI	Nữ	18.10.1997	SXCT	TP Huế
3768	50824521	HUNG NGUYEN HOANG LONG	Nam	07.05.2003	SXCT	TP Huế
3769	50824522	NGO QUOC TRI	Nam	26.11.2005	SXCT	TP Huế
3770	50824525	NGUYEN THI QUYNH NHU	Nữ	24.08.2006	SXCT	TP Huế
3771	50824527	CAO VAN LUU	Nam	21.06.2005	SXCT	TP Huế
3772	50824529	TRAN THI THAO LY	Nữ	25.11.1999	SXCT	TP Huế

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3773	50824531	VAN VIET CHI KIEN	Nam	15.01.2006	SXCT	TP Huế
3774	50824533	LE THI THAO	Nữ	23.11.2000	SXCT	TP Huế
3775	50824536	NGUYEN HONG THUAT	Nam	24.08.2004	SXCT	TP Huế
3776	50824539	TRAN VAN DOANH	Nam	18.05.2003	SXCT	TP Huế
3777	50824543	DUONG DINH VIEN	Nam	27.05.1999	SXCT	TP Huế
3778	50824549	LE DUY	Nam	07.12.1994	SXCT	TP Huế
3779	50824550	VO VAN DU	Nam	15.10.1998	SXCT	TP Huế
3780	50824554	HUYNH THI NGOC LE	Nữ	28.07.2004	SXCT	TP Huế
3781	50824556	PHAN VAN THUAN	Nam	06.07.2000	SXCT	TP Huế
3782	50824557	PHAN VAN QUOC TUAN	Nam	30.03.2002	SXCT	TP Huế
3783	50824559	VAN VO DO THANH	Nam	15.09.1992	SXCT	TP Huế
3784	50824565	NGUYEN THI HIEN	Nữ	11.03.2000	SXCT	TP Huế
3785	50824567	HUYNH VAN NHAT	Nam	01.11.2000	SXCT	TP Huế
3786	50824568	DUONG PHI HUNG	Nam	11.03.2001	SXCT	TP Huế
3787	50824569	VO NGUYEN DAN TRUONG	Nam	01.10.1998	SXCT	TP Huế
3788	50824574	NGUYEN THI NGOC BICH	Nữ	28.02.2003	SXCT	TP Huế
3789	51010059	NGUYEN THI THU TRANG	Nữ	16.10.1998	Công nghiệp gốc	TP Huế
3790	51010060	PHAM VAN SON	Nam	08.09.1998	Công nghiệp gốc	TP Huế
3791	51010061	NGO DUC THUAN	Nam	16.06.1999	Công nghiệp gốc	TP Huế
3792	51310106	LE VAN BUU	Nam	12.03.1990	Công nghiệp gốc	TP Huế
3793	51310107	LA QUAN THUY	Nam	10.02.2002	Công nghiệp gốc	TP Huế
3794	51310108	PHAM TOAN	Nam	13.07.2000	Công nghiệp gốc	TP Huế
3795	51310109	TA HONG KY	Nam	02.01.2000	Công nghiệp gốc	TP Huế
3796	51310110	HAC THUONG	Nam	10.04.1993	Công nghiệp gốc	TP Huế
3797	51310111	PHAM THE MY	Nam	15.10.2003	Công nghiệp gốc	TP Huế
3798	51310112	LE VAN THANH	Nam	02.07.1996	Công nghiệp gốc	TP Huế
3799	50200626	HOANG DUC MANH	Nam	22.11.2000	Nông nghiệp	Tuyên Quang
3800	50200627	TRIEU VAN DUONG	Nam	10.03.1993	Nông nghiệp	Tuyên Quang
3801	50200629	NGUYEN DINH QUANG	Nam	02.11.2006	Nông nghiệp	Tuyên Quang
3802	50200630	NGUYEN VAN NGOC	Nam	20.01.2002	Nông nghiệp	Tuyên Quang
3803	50810704	TOAN VAN LAM	Nam	16.05.1994	SXCT	Tuyên Quang
3804	50810705	HOANG VAN LOC	Nam	02.01.2000	SXCT	Tuyên Quang
3805	50810706	LA THI HIEN	Nữ	18.04.2003	SXCT	Tuyên Quang
3806	50810707	BAN THI KIM	Nữ	06.07.2002	SXCT	Tuyên Quang
3807	50810709	LU THI HAI	Nữ	13.12.2006	SXCT	Tuyên Quang
3808	50810713	NGUYEN VAN KHANH	Nam	13.11.2001	SXCT	Tuyên Quang
3809	50810801	NGUYEN THI KIM DOAI	Nữ	28.01.2005	SXCT	Tuyên Quang
3810	50810802	NGUYEN VAN CUONG	Nam	18.09.2003	SXCT	Tuyên Quang
3811	50810803	MA LONG NHAT	Nam	18.09.2007	SXCT	Tuyên Quang
3812	50810805	NGUYEN NGOC KHANH LY	Nữ	13.07.2007	SXCT	Tuyên Quang
3813	50810806	TRINH XUAN HUNG	Nam	14.08.2005	SXCT	Tuyên Quang
3814	50810812	LE TRONG DUONG	Nam	27.08.2004	SXCT	Tuyên Quang
3815	50810813	NGUYEN VAN NGOC	Nam	20.01.2002	SXCT	Tuyên Quang
3816	50810816	NGUYEN THI HOANG ANH	Nữ	12.07.2006	SXCT	Tuyên Quang
3817	50810817	NGO THI THANH TUYEN	Nữ	06.06.2006	SXCT	Tuyên Quang
3818	50810819	LE THI NGOC	Nữ	10.09.2000	SXCT	Tuyên Quang
3819	50810823	VI THE HUY	Nam	12.06.2005	SXCT	Tuyên Quang
3820	50810830	VU DUC THANG	Nam	18.11.2007	SXCT	Tuyên Quang
3821	50810831	PHAM THAI DUONG	Nam	25.11.2006	SXCT	Tuyên Quang
3822	50810834	MA MANH CAM	Nam	19.06.2002	SXCT	Tuyên Quang
3823	50810837	BAN THI HANH	Nữ	05.01.2003	SXCT	Tuyên Quang
3824	50810840	NONG THI DUNG	Nữ	09.03.2006	SXCT	Tuyên Quang
3825	50810841	NGUYEN DUC CUONG	Nam	06.11.2005	SXCT	Tuyên Quang
3826	50810846	NGUYEN HUU THANG	Nam	12.05.2002	SXCT	Tuyên Quang
3827	50810858	CAO THI HONG NHUNG	Nữ	07.03.2002	SXCT	Tuyên Quang
3828	50810862	NGUYEN THI KIEU TRANG	Nữ	16.08.2006	SXCT	Tuyên Quang
3829	50810864	PHAM THI LE GIANG	Nữ	08.06.1994	SXCT	Tuyên Quang
3830	51310113	HOANG KHANH THIEP	Nam	22.09.2003	Công nghiệp gốc	Tuyên Quang
3831	51310114	NGUYEN VAN CHINH	Nam	22.01.1987	Công nghiệp gốc	Tuyên Quang
3832	51310115	MA HONG QUAN	Nam	05.10.1998	Công nghiệp gốc	Tuyên Quang
3833	50201926	MAI NGUYEN KHANH TAM	Nam	11.07.2006	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3834	50201927	VO TRUNG QUAN	Nam	03.09.1992	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3835	50201929	HUYNH TRUONG KIEU NUONG	Nữ	03.08.2006	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3836	50201930	TRAN THI THU HONG	Nữ	09.06.1991	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3837	50201931	NGUYEN HUU THANH	Nam	24.09.1999	Nông nghiệp	Vĩnh Long

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3838	50201933	NGUYEN MINH QUI	Nam	23.07.1993	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3839	50201957	DANG VAN MANH	Nam	10.03.1993	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3840	50201958	LE THI PHUONG HUYNH	Nữ	11.01.2006	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3841	50201959	LE THANH HAI	Nam	27.03.1995	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3842	50201960	HO DANG KHOA	Nam	20.08.1992	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3843	50201961	LE THANH DUYEN	Nữ	31.08.2000	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3844	50201965	DONG MINH NHUT	Nam	20.10.2007	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3845	50201966	KIM BA	Nam	13.06.2005	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3846	50201967	LUC DUY TAM	Nam	22.06.2002	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3847	50201969	THAI VAN BAO	Nam	27.03.1993	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3848	50201970	PHAN HUE NGOC	Nam	20.05.2001	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3849	50201972	PHAM KHANH CHAU	Nam	21.06.1990	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3850	50201981	NGUYEN THI HONG NHUNG	Nữ	28.04.2003	Nông nghiệp	Vĩnh Long
3851	50312961	DAO THANH PHONG	Nam	20.01.1997	Ngư nghiệp	Vĩnh Long
3852	50312962	NGUYEN HOANG PHONG	Nam	07.01.1990	Ngư nghiệp	Vĩnh Long
3853	50829472	NGUYEN DANG KHOA	Nam	19.07.2005	SXCT	Vĩnh Long
3854	50829473	NGUYEN HOANG DAT	Nam	08.09.2003	SXCT	Vĩnh Long
3855	50829474	HUYNH TAN PHAT	Nam	15.10.1995	SXCT	Vĩnh Long
3856	50829477	PHAM LE ANH KHOA	Nam	23.04.1991	SXCT	Vĩnh Long
3857	50829478	TRAN KHANH DUY	Nam	08.05.2007	SXCT	Vĩnh Long
3858	50829480	NGUYEN HUU NGHIA	Nam	19.10.2001	SXCT	Vĩnh Long
3859	50829481	NGUYEN HOAI THANH	Nam	23.02.2004	SXCT	Vĩnh Long
3860	50829483	LE THI CAM GIANG	Nữ	03.11.1995	SXCT	Vĩnh Long
3861	50829485	TRAN TO QUYEN	Nữ	16.12.1989	SXCT	Vĩnh Long
3862	50829491	NGUYEN THI THUY DUONG	Nữ	07.09.2003	SXCT	Vĩnh Long
3863	50829492	TRAN THANH XUAN	Nữ	20.12.2001	SXCT	Vĩnh Long
3864	50829493	LE THI DEP	Nữ	21.01.2002	SXCT	Vĩnh Long
3865	50829495	TRUONG NGUYEN NHU Y	Nữ	30.09.2007	SXCT	Vĩnh Long
3866	50829496	NGUYEN HUYNH NGOC PHU	Nam	30.10.2002	SXCT	Vĩnh Long
3867	50829497	NGUYEN THUY VY	Nữ	04.05.2001	SXCT	Vĩnh Long
3868	50829499	HUYNH HOANG DE	Nam	10.02.1994	SXCT	Vĩnh Long
3869	50829503	TRAN TUYET NHUNG	Nữ	08.05.2003	SXCT	Vĩnh Long
3870	50829505	PHAM CHI THONG	Nam	10.05.1988	SXCT	Vĩnh Long
3871	50829506	NGUYEN NHU NGOC	Nữ	20.10.2002	SXCT	Vĩnh Long
3872	50829507	NGUYEN THI YEN TRANG	Nữ	08.07.2006	SXCT	Vĩnh Long
3873	50829510	TRAN MINH CHON	Nam	18.05.1999	SXCT	Vĩnh Long
3874	50829515	PHAN TIEN SANG	Nam	15.04.1997	SXCT	Vĩnh Long
3875	50829519	VO THANH DAT	Nam	20.11.2006	SXCT	Vĩnh Long
3876	50829520	LAM TRUNG	Nam	29.03.1993	SXCT	Vĩnh Long
3877	50829521	LE THI THANH NGAN	Nữ	30.12.2007	SXCT	Vĩnh Long
3878	50829523	PHAN VAN TRUONG	Nam	08.10.1996	SXCT	Vĩnh Long
3879	50829528	NGUYEN THANH LOC	Nam	01.01.1992	SXCT	Vĩnh Long
3880	50829530	BUI THI TUONG DUY	Nữ	12.05.2001	SXCT	Vĩnh Long
3881	50829532	DO QUOC TRUNG	Nam	04.06.1994	SXCT	Vĩnh Long
3882	50829533	NGUYEN HUU CANH	Nam	14.04.1999	SXCT	Vĩnh Long
3883	50829534	LUONG THI BE NGOAN	Nữ	04.07.2005	SXCT	Vĩnh Long
3884	50829535	THAI THI CAM TIEN	Nữ	07.06.1995	SXCT	Vĩnh Long
3885	50829541	NGUYEN CHI THANH	Nam	19.10.1997	SXCT	Vĩnh Long
3886	50829553	TRAN HAI LONG	Nam	13.02.2004	SXCT	Vĩnh Long
3887	50829556	TRAN LE MINH HUY	Nam	20.11.2003	SXCT	Vĩnh Long
3888	50829557	HUYNH THI MONG THUONG	Nữ	27.08.2006	SXCT	Vĩnh Long
3889	50829562	PHAM THI HUYNH NHU	Nữ	25.11.2003	SXCT	Vĩnh Long
3890	50829564	TRUONG HOANG NHA	Nam	01.08.2002	SXCT	Vĩnh Long
3891	50829566	NGUYEN NHUT THANH	Nam	06.10.2005	SXCT	Vĩnh Long
3892	50829567	LE NGUYEN THUY TRAM	Nữ	23.12.2007	SXCT	Vĩnh Long
3893	50829571	LE THANH PHU	Nam	22.02.2004	SXCT	Vĩnh Long
3894	50829579	NGUYEN THANH TRONG	Nam	24.07.2000	SXCT	Vĩnh Long
3895	50829581	NGUYEN PHAM KIEU MY	Nữ	03.10.2002	SXCT	Vĩnh Long
3896	50829653	TRAN VU LAM	Nam	06.08.1998	SXCT	Vĩnh Long
3897	50829654	LUONG VAN TUAN	Nam	30.01.2003	SXCT	Vĩnh Long
3898	50829655	DANG LU THANH TAM	Nữ	08.12.1995	SXCT	Vĩnh Long
3899	50829656	NGUYEN PHAM HOANG DUY	Nam	23.04.1999	SXCT	Vĩnh Long
3900	50829657	BACH DUONG TIN	Nam	17.09.1996	SXCT	Vĩnh Long
3901	50829665	TRAN MINH THUAN	Nam	08.08.2003	SXCT	Vĩnh Long
3902	50829666	HUYNH THI KIM TRI	Nữ	01.04.1999	SXCT	Vĩnh Long

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
3903	50829669	VO MINH THU	Nữ	19.09.2006	SXCT	Vĩnh Long
3904	50829673	LE TRAN VAN HA	Nữ	09.09.1994	SXCT	Vĩnh Long
3905	50829677	TRAN NHAT KHANH	Nam	10.07.2006	SXCT	Vĩnh Long
3906	50829678	HUYNH QUANG PHU	Nam	24.04.2004	SXCT	Vĩnh Long
3907	50829682	NGUYEN THI CAM NHUNG	Nữ	28.06.2001	SXCT	Vĩnh Long
3908	50829686	TRAN NGOC MINH	Nam	17.06.1999	SXCT	Vĩnh Long
3909	50829694	NGUYEN HUU DUC	Nam	02.03.2001	SXCT	Vĩnh Long
3910	50829696	VO MINH CUONG	Nam	01.04.2005	SXCT	Vĩnh Long
3911	50829697	NGUYEN VAN KHOA	Nam	01.12.2007	SXCT	Vĩnh Long
3912	50829702	NGUYEN QUOC DAT	Nam	11.03.1997	SXCT	Vĩnh Long
3913	50829703	DANG VAN LAM	Nam	06.04.1995	SXCT	Vĩnh Long
3914	50829704	PHAN NGOC QUI	Nam	20.10.1995	SXCT	Vĩnh Long
3915	50829705	PHAM THI THUY LE	Nữ	17.11.1996	SXCT	Vĩnh Long
3916	50829706	PHAN HOANG AN	Nam	08.12.2007	SXCT	Vĩnh Long
3917	50829707	TRAN THI CAM TIEN	Nữ	01.06.2006	SXCT	Vĩnh Long
3918	50829708	NGUYEN THI TRUC DAO	Nữ	10.09.1990	SXCT	Vĩnh Long
3919	50829709	LE THANH NHAN	Nam	19.04.2002	SXCT	Vĩnh Long
3920	50829710	TRIEU LONG	Nam	10.01.2001	SXCT	Vĩnh Long
3921	50829715	PHAM THI KIM PHUONG	Nữ	02.02.1997	SXCT	Vĩnh Long
3922	50829717	NGUYEN MINH QUOC	Nam	31.05.2002	SXCT	Vĩnh Long
3923	50829718	TRAN THI THANH THAO	Nữ	20.05.2003	SXCT	Vĩnh Long
3924	50829722	NGUYEN VAN LOC	Nam	24.11.1998	SXCT	Vĩnh Long
3925	50829723	TRUONG THI MONG THUY	Nữ	01.09.2000	SXCT	Vĩnh Long
3926	50829724	HA CHI NHIEN	Nam	12.01.2006	SXCT	Vĩnh Long
3927	50829727	TRAN THI CHAU PHA	Nữ	07.07.2006	SXCT	Vĩnh Long
3928	50829728	NGUYEN QUANG KHAI	Nam	27.05.2002	SXCT	Vĩnh Long
3929	50829729	HUYNH THANH SANG	Nam	27.04.2003	SXCT	Vĩnh Long
3930	50829731	TRAN MINH TRIEU	Nam	24.04.1999	SXCT	Vĩnh Long
3931	50829733	NGUYEN MINH THONG	Nam	25.09.2003	SXCT	Vĩnh Long
3932	50829735	LU MONG TUYEN	Nữ	13.07.2007	SXCT	Vĩnh Long
3933	50829736	DANG MINH PHUC	Nam	21.09.2003	SXCT	Vĩnh Long
3934	50829744	NGUYEN THI ANH THU	Nữ	14.09.1998	SXCT	Vĩnh Long
3935	50829749	NGUYEN HOANG NHAT THAN	Nam	23.12.2000	SXCT	Vĩnh Long
3936	50829752	LU TAN PHAT	Nam	20.08.2004	SXCT	Vĩnh Long
3937	50829754	TRUONG GIA VY	Nam	13.05.2006	SXCT	Vĩnh Long
3938	50829756	TRUONG THI HONG ANH	Nữ	12.01.2006	SXCT	Vĩnh Long
3939	50829760	TRAN THANH TUAN	Nam	11.10.2001	SXCT	Vĩnh Long
3940	50829764	DUONG THI TUYET LINH	Nữ	28.01.2004	SXCT	Vĩnh Long
3941	50829769	TRUONG THI THUY DUONG	Nữ	28.11.2005	SXCT	Vĩnh Long
3942	50829771	TRAN CHI HIEN	Nam	10.05.2003	SXCT	Vĩnh Long
3943	50829776	NGUYEN VAN VU HOANG	Nam	26.08.1992	SXCT	Vĩnh Long
3944	50829832	NGO TRI THIEN	Nam	05.11.1996	SXCT	Vĩnh Long
3945	50829837	LUU QUE CHAM	Nữ	08.08.1999	SXCT	Vĩnh Long
3946	50829842	THACH THI THUY TRANG	Nữ	01.10.2006	SXCT	Vĩnh Long
3947	50829843	NGUYEN YEN NHI	Nữ	30.06.2002	SXCT	Vĩnh Long
3948	50829848	HUYNH THI BICH TUYEN	Nữ	26.01.1994	SXCT	Vĩnh Long
3949	50829851	LY NGAN	Nữ	09.06.2001	SXCT	Vĩnh Long
3950	50829860	BUI THI CAM NHUNG	Nữ	29.01.2001	SXCT	Vĩnh Long
3951	51010062	NGUYEN VU QUI	Nam	06.09.2006	Công nghiệp gốc	Vĩnh Long
3952	51310117	NGUYEN VU BAO	Nam	25.11.1997	Công nghiệp gốc	Vĩnh Long
3953	51310118	HO VAN TAI	Nam	08.05.1990	Công nghiệp gốc	Vĩnh Long
3954	51310119	PHAM MINH PHUONG	Nam	05.04.1993	Công nghiệp gốc	Vĩnh Long